

HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG

-----\*\*\*-----



# **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN: ĐIỀU CHỈNH, NÂNG CÔNG SUẤT KHAI  
THÁC VÀ CHẾ BIẾN MỎ ĐÁ XÂY DỰNG TẠI KHU VỰC KHE  
LÀI, XÃ KỶ XUÂN, HUYỆN KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

**Địa điểm: thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh**

**Hà Tĩnh, năm 2024**

HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG

-----\*\*\*-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN: ĐIỀU CHỈNH, NÂNG CÔNG SUẤT KHAI  
THÁC VÀ CHẾ BIẾN MỎ ĐÁ XÂY DỰNG TẠI KHU VỰC KHE  
LÀI, XÃ KỶ XUÂN, HUYỆN KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

**Địa điểm: thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh**

**CHỦ DỰ ÁN  
HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG**



*Trần Văn Việt*

**ĐƠN VI TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH  
MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH  
GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Ngọc Tú*

Hà Tĩnh, năm 2024

## MỤC LỤC

Chương I.....	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	7
1.1. Tên chủ dự án:.....	7
1.2. Tên dự án:.....	7
1.2.1. Địa điểm dự án:.....	7
1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án:.....	8
1.2.3. Quy mô của dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):.....	10
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án:.....	10
1.3.1. Công suất hoạt động của dự án:.....	10
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án.....	10
1.3.2.1. Công nghệ khai thác, chế biến đá.....	10
1.3.3. Sản phẩm của dự án:.....	13
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:.....	14
1.4.1. Nhu cầu sử dụng điện, nhiên liệu.....	14
1.4.2. Nhu cầu sử dụng nước.....	14
1.4.3. Nhu cầu sử dụng máy móc:.....	15
1.4.4. Nhu cầu sử dụng thuốc nổ:.....	16
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án.....	16
1.5.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của dự án.....	16
1.5.2. Tuổi thọ của mỏ.....	18
1.5.3. Hiện trạng các hạng mục nhà văn phòng.....	18
1.5.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án.....	19
1.5.5. Tổ chức quản lý sản xuất tại mỏ.....	20
Chương II.....	21
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	21
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	21
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	22
Chương III.....	24
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	24
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	24
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	24

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải: .....	25
3.1.3. Xử lý nước thải.....	26
3.1.3.1. Xử lý nước mưa chảy tràn.....	26
3.1.3.2. Xử lý nước thải sinh hoạt.....	26
3.1.3.3. Xử lý nước thải xịt rửa xe .....	27
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: .....	29
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: .....	32
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại: .....	33
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	35
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	35
3.6.1. Các công trình, biện pháp phòng chống cháy nổ .....	35
3.6.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố tràn dầu .....	37
3.6.3. Biện pháp phòng chống sự cố bão lũ .....	37
3.6.4. Giảm thiểu tác động do chấn động và đá văng .....	38
3.6.5. Giảm thiểu tác động do sự cố trôi trượt, sạt lở đất đá.....	38
3.6.6. Các biện pháp an toàn lao động .....	39
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: .....	41
3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học .....	44
3.9.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường .....	44
3.9.1.1. Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác .....	44
3.9.1.2. Cải tạo phục hồi môi trường khu vực bãi thải .....	45
3.9.1.3. Công tác cải tạo phục hồi môi trường mặt bằng sân công nghiệp.....	45
3.9.1.4. Cải tạo phục hồi môi trường các hạng mục ngoài dự án .....	46
3.9.2. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường.....	46
3.9.2.1. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường.....	46
3.9.2.2. Đơn vị nhận ký quỹ.....	46
3.9.3. Kế hoạch thực hiện.....	46
3.9.3.1 Tổ chức quản lý cải tạo, phục hồi môi trường .....	46
3.9.3.2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.....	47
3.9.3.3. Kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.....	48
Chương IV.....	50
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>50</b>
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	50
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải: .....	50
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:.....	50
4.1.3. Dòng nước thải:.....	50

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: .....	50
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: .....	54
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	55
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải:.....	56
Chương V .....	57
<b>KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ..</b>	<b>57</b>
5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.....	57
5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: .....	57
5.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật .....	58
5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	58
Chương VI.....	60
<b>CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....</b>	<b>60</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BVMT:	Bảo vệ môi trường
CTNT:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
CTSH:	Chất thải sinh hoạt
ĐTM:	Đánh giá tác động môi trường
MT:	Môi trường
NXB:	Nhà xuất bản
PCCC:	Phóng cháy chữa cháy
CNCH	Cứu nạn cứu hộ
PTMT:	Phân tích môi trường
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
XLNT:	Xử lý nước thải
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TN&MT:	Tài nguyên và Môi trường
TNMT:	Tài nguyên môi trường
UBND:	Ủy ban nhân dân
VHTN:	Vận hành thử nghiệm
CTXLCT	Công trình xử lý chất thải
WHO:	Tổ chức Y tế Thế giới
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
CTNH	Chất thải nguy hại

## **DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1. 1. Tọa độ khu vực khai thác.....	7
Bảng 1. 2. Tọa độ khu vực sân công nghiệp .....	8
Bảng 1. 3. Tọa độ khu vực nhà văn phòng.....	8
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước của dự án.....	15
Bảng 1. 5. Tổng hợp máy móc thiết bị tại mỏ.....	15
Bảng 1. 6. Khối lượng vật liệu nổ năm 2023 .....	16
Bảng 1. 7. Thống kê các hạng mục công trình.....	18
Bảng 2. 1. Khả năng tiếp nhận nước thải từ dự án của hồ Đập Tây .....	23
Bảng 3. 1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	33
Bảng 3. 2. Phương tiện dụng cụ PCCC và CNCH.....	36
Bảng 3. 3. Tổng hợp các công trình XLCT theo ĐTM và đã xây dựng của dự án .....	42
Bảng 3. 5. Bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường .....	47
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt.....	51
Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước thải công nghiệp.....	52
Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước mưa chảy tràn.....	53
Bảng 4. 4. Thông số và giới hạn của tiếng ồn và độ rung .....	55
Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm CTXLCT.....	57
Bảng 6. 2. Kế hoạch lấy mẫu dự kiến trong giai đoạn VHTN CTXLNT.....	58

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1. 1. Sơ đồ công nghệ khai thác kèm dòng thải .....	11
Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ chế biến sản phẩm .....	13
Hình 1. 3. Nhà văn phòng .....	19
Hình 1. 4. Trạm cân.....	19
Hình 3. 1. Sơ đồ thoát nước .....	24
Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải.....	25
Hình 3. 3. Bể lắng lọc nước thải.....	25
Hình 3. 4. Bể lắng lọc nước thải tại khu vực nhà ăn.....	25
Hình 3. 5. Hồ lắng nước mưa chảy tràn tại mỏ .....	26
Hình 3. 6. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại ba ngăn .....	27
Hình 3. 7. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải xây dựng .....	28
Hình 3. 8. Bể gạn tách dầu mỡ kết hợp lắng cơ học .....	28
Hình 3. 9. Sân bãi khu vực xịt rửa xe.....	28
Hình 3. 10. Xe chở bồn tưới nước tại mỏ .....	31
Hình 3. 11. Hệ thống phun sương áp suất thấp xử lý bụi khu vực nghiền sàng .	32
Hình 3. 12. Thùng chứa chất thải nguy hại .....	34
Hình 3. 13. Mặt cắt dọc hàng rào dây thép gai .....	45
Hình 3. 14. Sơ đồ tổ chức quản lý, cải tạo phục hồi môi trường .....	47



**Chương I**  
**THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

**1.1. Tên chủ dự án:**

**Hợp tác xã Đức Quang**

- Địa chỉ văn phòng: thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện: Ông Trần Văn Viêt; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

- Điện thoại: 0966.487.274

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3000345786 do phòng đăng ký kinh doanh - sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 19/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/06/2021.

**1.2. Tên dự án:**

Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

**1.2.1. Địa điểm dự án:**

Dự án được thực hiện tại xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh với tổng diện tích 58.400m<sup>2</sup>. Trong đó:

- Khu vực khai trường có diện tích: 45.000m<sup>2</sup>. Được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ như sau:

**Bảng 1. 1. Tọa độ khu vực khai thác**

TT	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 105 <sup>0</sup> 30' múi 3 <sup>0</sup>	
		X (m)	Y(m)
1	1	2016756	572236
2	2	2016876	572147
3	3	2016913	572196
4	4	2016982	572145
5	5	2017073	572266
6	6	2016884	572406

Ranh giới xung quanh khu vực khai thác như sau:

- + Phía Đông giáp với đất trồng rừng sản xuất;
- + Phía Tây giáp với khu vực chế biến đá;
- + Phía Nam giáp với đất sản xuất nông nghiệp;

- + Phía Bắc giáp với đất rừng sản xuất.
- Khu vực sân công nghiệp có diện tích: 12.000m<sup>2</sup>. Ranh giới khu vực phụ trợ được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ như sau:

**Bảng 1. 2. Tọa độ khu vực sân công nghiệp**

TT	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 105 <sup>0</sup> 30' múi 3 <sup>0</sup>	
		X (m)	Y(m)
1	A	2016793	572021
2	B	2016889	571977
3	C	2016936	572080
4	D	2016841	572126

Ranh giới xung quanh khu vực bãi chế biến như sau:

- + Phía Đông giáp với khu vực mỏ khai thác;
  - + Phía Tây giáp với đường bê tông liên thôn;
  - + Phía Nam giáp với đất trồng;
  - + Phía Bắc giáp với đất rừng sản xuất.
- Khu vực nhà văn phòng có diện tích 1.000m<sup>2</sup>. Ranh giới khu vực nhà văn phòng được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ như sau:

**Bảng 1. 3. Tọa độ khu vực nhà văn phòng**

TT	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 105 <sup>0</sup> 30' múi 3 <sup>0</sup>	
		X (m)	Y(m)
1	A	2016702	571911
2	B	2016706	571899
3	C	2016744	571914
4	D	2016730	571948

Ranh giới xung quanh khu vực nhà văn phòng như sau:

- + Phía Đông giáp với đường bê tông liên thôn.
- + Phía Tây giáp với đất rừng sản xuất;
- + Phía Nam giáp với đường bê tông liên thôn;
- + Phía Bắc giáp với đất rừng sản xuất;

### **1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án:**

*a. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản*

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

- Giấy phép thăm dò khoáng sản số 810/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 29 tháng 3 năm 2013 về việc cho phép Hợp tác xã Đức Quang được thăm dò mở rộng mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Quyết định số 2545/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 19 tháng 8 năm 2013 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng trong “Báo cáo thăm dò khoáng sản tại khu vực khe Lài xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh”.

- Quyết định số 4563/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá xây dựng khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh của Hợp tác xã Đức Quang.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 13 tháng 08 năm 2014 về việc đồng ý cho phép Hợp tác xã Đức Quang khai thác đá xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 4473/GP-UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc để Hợp tác xã Đức Quang được tiếp tục khai thác khoáng sản tại mỏ đá xây dựng khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1380818258 chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 04 năm 2014, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 10 tháng 05 năm 2023 của dự án Khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Ý kiến thiết kế số 196/SXD-QLN&VLXD ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Sở Xây dựng Hà Tĩnh về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

**b. Các thủ tục đất đai đã thực hiện:**

- Quyết định số 3513/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 18 tháng 11 năm 2014 về việc cho phép gia hạn sử dụng đất, thu hồi đất và cho thuê đất sử dụng vào mục đích đất sản xuất vật liệu xây dựng.

- Hợp đồng thuê đất số 121/2014/HĐTĐ ngày 27 tháng 11 năm 2014 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh và Hợp tác xã Đức Quang về việc cho phép thuê đất sử dụng vào mục đích khai thác đá xây dựng và khu chế biến đá.

- Hợp đồng thuê đất số 28/2021/PL-HĐTĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh và Hợp tác xã Đức Quang về việc cho thuê đất tại khu vực núi khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh.

### **Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

- Hợp đồng thuê đất số 39/2021/PL-HĐTD ngày 03 tháng 11 năm 2022 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh và Hợp tác xã Đức Quang về việc cho thuê đất tại khu vực núi khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh.

*c. Các thủ tục hồ sơ môi trường đã thực hiện:*

- Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”.

- Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Điều chỉnh, nâng công suất khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”.

#### **1.2.3. Quy mô của dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):**

- Dự án có tổng mức đầu tư 19,10 tỷ đồng, thuộc nhóm C theo Luật đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Đối chiếu với quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 điều 28 luật BVMT năm 2020 và thuộc mục số III, phụ lục số IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

#### **1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án:**

##### **1.3.1. Công suất hoạt động của dự án:**

- Đá xây dựng: Nâng công suất khai thác từ 70.000m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm đến 110.000m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm, mức sâu khai thác +20m, tuổi thọ mỏ 17 năm.

- Khoáng sản phụ đi kèm:

Theo Quyết định số 2545/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 19 tháng 08 năm 2013 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng trong “Báo cáo thăm dò khoáng sản tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh” thì mỏ có trữ lượng đất phủ 133.980m<sup>3</sup> nguyên khối. Theo báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản khối lượng đất san lấp đã khai thác là 69.007m<sup>3</sup>, khối lượng đất san lấp còn lại là 64.973m<sup>3</sup>.

##### **1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án**

###### **1.3.2.1. Công nghệ khai thác, chế biến đá**

Trên dự án đặc điểm của địa chất, địa hình khu vực khai thác và phù hợp với hệ thống khai thác đã lựa chọn áp dụng, trình tự khai thác của mỏ như sau:

- Khi đã khai thác hết lớp bên trên (từ cốt +70m đến +100m) theo lớp xiên thì tiến hành khai thác theo lớp bằng từ cốt +70m xuống đến hết mỏ (+20m). Đá sau khi phá nổ được máy xúc xúc lên ô tô và vận chuyển về trạm nghiền tại mặt bằng sân công nghiệp của mỏ.

- Trình tự phát triển mỏ theo hướng Đông Bắc – Tây Nam.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

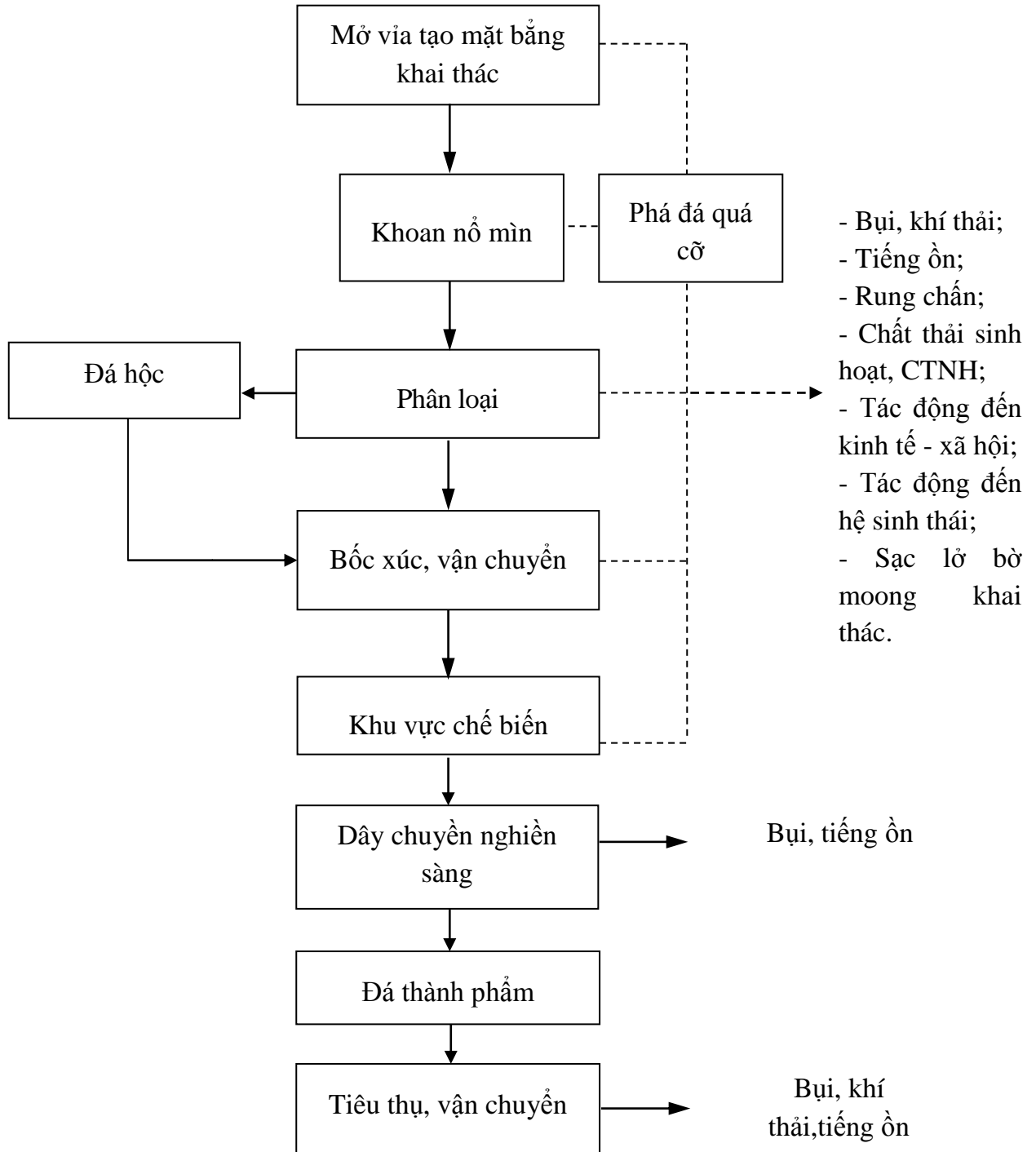
*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

- Hệ thống khai thác (HTKT): HTKT áp dụng là HTKT hỗn hợp, vận tải trực tiếp bằng ô tô.

- Sử dụng công nghệ khai thác: Khoan nổ mìn – Xúc bốc – Vận tải.

Đá sau khi phá nổ được máy xúc tải xuống bãi xúc bốc ở chân taluy. Tại đây đá được máy xúc, xúc lên ô tô và vận chuyển về trạm nghiền tại mặt bằng sân công nghiệp của mỏ.

**Sơ đồ công nghệ khai thác đá:**



**Hình 1. 1. Sơ đồ công nghệ khai thác kèm dòng thải**

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

**- Thuyết minh quy trình khai thác:**

Công tác bóc tầng phủ được tiến hành bằng máy đào kết hợp với ô tô vận chuyển về khu vực mặt bằng sản công nghiệp và các moong đã khai thác. Sau khi tiến hành mở vỉa và bóc lớp đất phủ, tiến hành khai thác đá bằng vật liệu nổ công nghiệp. Sử dụng máy khoan để khoan nổ mìn, đá sau khi nổ rơi xuống chân tuyến. Đất đá sau công đoạn nổ mìn gồm nhiều kích cỡ khác nhau sẽ được tiến hành phân loại. Đối với các loại đá có kích cỡ phù hợp với máy nghiền sàng thì tiến hành bốc xúc vận chuyển bằng ô tô đến trạm nghiền. Đối với các tảng đá lớn quá cỡ, đơn vị tiến hành khoan nổ lần 2 hoặc dùng búa thủy lực phá đá để phù hợp với kích cỡ nghiền rồi vận chuyển đến trạm nghiền.

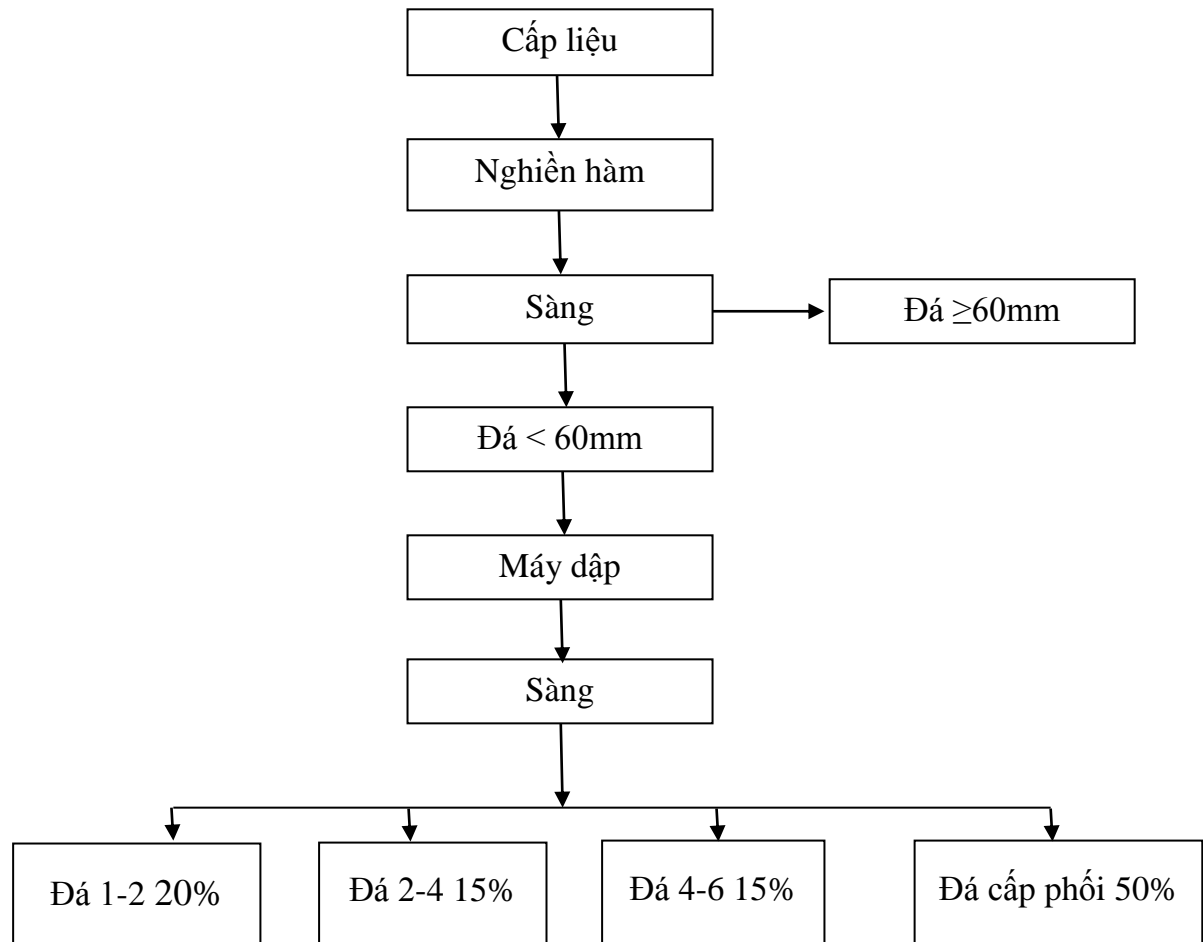
**- Công tác nổ mìn:**

+ Phương pháp nổ mìn : Công ty chọn phương pháp điều khiển nổ là nổ vi sai phi điện và vi sai điện + dây nổ (dùng cho nổ tạo biên).

+ Hoạt động nổ mìn: Công ty ký hợp đồng nổ mìn với Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ Hà Tĩnh để thực hiện hoạt động nổ mìn nên tại mỏ không bố trí kho chứa vật liệu nổ.

+ Thời gian nổ mìn : Mùa Hè (từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 15 tháng 10): Từ 10h30' đến 11h00' (buổi sáng) và từ 17h00' đến 17h30' (buổi chiều). Mùa Đông (từ ngày 16 tháng 10 năm trước đến ngày 15 tháng 4 năm sau): Từ 11h00' đến 11h30' (buổi sáng) và từ 16h30' đến 17h00' (buổi chiều), trừ ngày nghỉ lễ tết theo quy định hiện hành.

**\* Sơ đồ công nghệ chế biến đá:**



**Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ chế biến sản phẩm**

**\* Thuyết minh quy trình chế biến sản phẩm:**

Đá sau khi khai thác từ khai trường được vận chuyển bằng ô tô về đổ vào bun ke cấp liệu rung. Đá được cấp liệu rung vào máy đập hàm, sản phẩm của máy đập hàm được băng tải vận chuyển lên sàng phân loại 2 tầng lưới 4 & 6cm. Cấp hạt +6cm được đưa vào máy nghiền côn, sản phẩm sau máy nghiền côn cấp trở lại sàng, cấp hạt 4-6cm được băng tải vận chuyển đổ đồng để tiêu thụ. Cấp hạt 4cm được cấp lên sàng phân loại hai tầng lưới 1 & 2cm. Sản phẩm đá 1x2 và đá 2x4 được băng tải vận chuyển đổ đồng để tiêu thụ, đá mặt được băng tải vận chuyển và đổ đồng.

Hiện tại mỏ đã xây lắp 02 trạm nghiền sàng, 01 trạm có công suất 150 tấn/h và 01 trạm có công suất 350 tấn/h.

**1.3.3. Sản phẩm của dự án:**

Sản phẩm chính của dự án là đá xây dựng. Đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

- Sản phẩm từ đá:
- + Đá 1x2cm: chiếm 20%, trung bình 22.000m<sup>3</sup> nguyên khai/năm;
- + Đá 2x4cm: chiếm 15%, trung bình 16.500m<sup>3</sup> nguyên khai/năm;
- + Đá 4x6cm: chiếm 15%, trung bình 16.500 m<sup>3</sup> nguyên khai/năm;
- + Đá ≤5mm: chiếm 30%, trung bình 33.000 m<sup>3</sup> nguyên khai/năm;
- + Đá Base: chiếm 25%, trung bình 22.000 m<sup>3</sup> nguyên khai/năm;

#### **1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:**

##### **1.4.1. Nhu cầu sử dụng điện, nhiên liệu**

- Để đảm bảo nhu cầu sử dụng điện phục vụ công tác khai thác và chế biến đá thì Công ty đã tiến hành xây dựng 02 trạm biến áp. Trạm 1 có công suất 560kVA, trạm 2 có công suất 1.500kVA nằm trong mặt bằng khu vực sân công nghiệp (được kéo từ đường dây điện cao áp 35KV quốc gia). Tại dự án không bố trí máy phát điện dự phòng để sử dụng.

- Nhu cầu nhiên liệu cho hoạt động tại mỏ chủ yếu là dầu dùng cho các phương tiện, máy móc hoạt động, loại dầu chủ yếu là dầu DO. Tại dự án đã bố trí 1 trạm bơm cung cấp nhiên liệu với dung tích bể chứa 20m<sup>3</sup>.

##### **1.4.2. Nhu cầu sử dụng nước**

###### **a. Nguồn cung cấp**

- Nước phục vụ sinh hoạt: Sử dụng nguồn nước mưa chứa vào bể để sử dụng.

- Nước cho hoạt động sản xuất, tưới ẩm giảm bụi: Được lấy từ khe suối, hồ thu tại moong khai thác và sử dụng nguồn nước mặt tại hồ lắng.

###### **b. Nhu cầu sử dụng**

- Nhu cầu nước cho sinh hoạt:

Số lượng công nhân viên làm việc tại khu mỏ là 24 người, công nhân viên tại khu mỏ chủ yếu là người dân địa phương. Định mức cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt là 100 lít/người/ngày. Vì vậy, lượng nước phục vụ sinh hoạt tại khu mỏ là:

$$24 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} = 2,4 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Nhu cầu nước cho sản xuất:



**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

Nước sử dụng cho sản xuất chủ yếu từ các hoạt động như: Phun sương giảm bụi các máy nghiền sàng, tưới đường để giảm bụi... Lượng nước sử dụng cho sản xuất cụ thể như sau:

+ *Lượng nước sử dụng cho trạm nghiền sàng:* 01 trạm là 0,5 m<sup>3</sup>/h. Mỗi máy trung bình ngày làm việc 8 giờ, lượng nước yêu cầu cho 02 trạm nghiền sàng tương ứng với 8m<sup>3</sup>/ngày.

+ *Lượng nước sử dụng để tưới đường:* Tại khu mỏ chủ dự án có trang bị 01 xe tưới đường, có dung tích bồn chứa nước 5m<sup>3</sup>.

**Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước của dự án**

STT	Đối tượng dùng nước	Quy mô	Định mức	Nhu cầu dùng nước (m <sup>3</sup> /ngày)	Nguồn cung cấp
<b>I</b>	<b>Nhu cầu nước cho sản xuất</b>				
1	Trạm nghiền	2 trạm	0,5 m <sup>3</sup> /h/trạm	8	Hồ lắng, nước khe suối
2	Tưới đường	2 lần	5 m <sup>3</sup> /lần	10	
<b>II</b>	<b>Nhu cầu nước cho sinh hoạt</b>				
1	Công, nhân viên	24 người	100 lít/người/ngày	2,4	Nước mưa
<b>Tổng cộng</b>				<b>20,4</b>	

Vậy tổng nhu cầu sử dụng nước tại mỏ là 20,4 m<sup>3</sup>/ngày.

**1.4.3. Nhu cầu sử dụng máy móc:**

**Bảng 1. 5. Tổng hợp máy móc thiết bị tại mỏ**

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Xe ô tô Howo 371	Cái	01	
2	Xe DongFeng	Cái	01	
3	Xe ô tô Howo 380	Cái	03	
4	Xe KIA 200	Cái	01	
5	Xe ô tô Cửu Long tặc tưới nước	Cái	01	
6	Máy xúc Doosan 340	Cái	01	
7	Máy xúc Hyundai 380	Cái	02	
8	Máy xúc Komatsu 450	Cái	01	
9	Máy xúc lật L953	Cái	02	

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

10	Trạm nghiền sàng công suất 150 tấn/giờ	Trạm	01	
11	Trạm nghiền sàng công suất 350 tấn/giờ	Trạm	01	
12	Búa khoan cầm tay YL	Cái	02	
13	Máy nén khí XAS 495 MD	Cái	02	
14	Máy gạt Komatsu - D 85 PX	Cái	01	
15	Trạm biến áp	Cái	02	
16	Trạm cân 80T	Cái	01	

**1.4.4. Nhu cầu sử dụng thuốc nổ:**

Thuốc nổ và phương tiện nổ sử dụng cho mỏ đá được lấy theo danh mục quy định của Bộ Công nghiệp.

Dự án không lưu chứa vật liệu nổ, mỗi đợt nổ mìn phá đá thì Công ty sẽ tiến hành lập hộ chiếu để nổ mìn và Công ty sẽ tự nổ. Công ty đã ký hợp đồng kinh tế với Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ Hà Tĩnh để cung cấp thuốc nổ và các phương tiện nổ với số lượng vừa đủ cho từng đợt nổ.

+ Loại thuốc nổ sử dụng tại mỏ:

- Thuốc nổ Anfo các loại và thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên.

**Bảng 1. 6. Khối lượng vật liệu nổ năm 2023**

STT	Loại vật liệu	ĐVT	Khối lượng/năm
1	Thuốc nổ Anfo	kg	192
2	Thuốc nổ Nhũ tương	kg	24.570
3	Thuốc nổ Amonit	kg	19.176
4	Kíp nổ điện visai 20 số - 2m	cái	3.029
5	Kíp điện K8	Cái	3.023
6	Kíp nổ điện visai 20 số - 4,5m	cái	1.775
7	Dây nổ chịu nước 12g/m	mét	20.450
8	Dây điện nối mạng	mét	35.500

**1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án**

**1.5.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của dự án**

- Hợp tác xã Đức Quang được UBND tỉnh cấp giấy phép thăm dò khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường số 810/QĐ-UBND ngày 29/03/2013; phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá xây dựng tại Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 19/8/2013; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

thường số 2308/GPUBND ngày 13/08/2014 với thời hạn khai thác đến năm 2020. Với các nội dung như sau:

- + Diện tích khai thác: 4,5 ha;
- + Trữ lượng địa chất: 1.867.129 m<sup>3</sup>;
- + Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác: 1.381.418 m<sup>3</sup>;
- + Công suất thiết kế: 70.000 m<sup>3</sup> nguyên khai/năm.

- Ngày 28 tháng 12 năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 4473/GP-UBND cho phép Hợp tác xã Đức Quang tiếp tục khai thác với các nội dung như sau:

- + Diện tích khai thác: 4,5 ha.
- + Thời hạn tiếp tục khai thác: 20 năm.
- + Trữ lượng còn lại: 1.310.004 m<sup>3</sup>.

- Năm 2023, do tình hình nhu cầu nguyên vật liệu xây dựng trên thị trường ngày càng tăng cao, công suất khai thác của mỏ hiện tại không đủ đáp ứng nên Hợp tác xã đã xin điều chỉnh nâng công suất khai thác từ 70.000m<sup>3</sup>/năm lên 110.000m<sup>3</sup>/năm. Căn cứ theo Báo cáo hoạt động khoáng sản của Hợp tác xã Đức Quang từ khi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) cũng như theo ý kiến thẩm định số 196/SXD-QLN&VLXD ngày 14/7/2023 đến thời điểm lập hồ sơ nâng công suất khai thác thì trên khu mỏ đã khai thác được 106.994 m<sup>3</sup> đá sản phẩm nguyên khai các loại, tương đương với 73.789m<sup>3</sup> đá nguyên khối. Như vậy, khối lượng đá còn lại có thể khai thác được trong biên giới khai trường là:  $1.310.004 - 73.789 = 1.236.215\text{m}^3$ .

- Ngày 10 tháng 5 năm 2023 sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh có Văn bản số 1380818258 chứng nhận dự án “Khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh”.

- + Quy mô công suất khai thác: 110.000m<sup>3</sup> nguyên khai/năm.
- Thời hạn hoạt động của Dự án: Đến ngày 28/12/2039.

- Ngày 14 tháng 7 năm 2023 Sở Xây dựng Hà Tĩnh ban hành công văn số 196/SXD-QL&VLXD về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư nâng công suất khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, với các nội dung chính như sau:

- + Trữ lượng còn lại đá xây dựng chưa khai thác là 1.236.215 m<sup>3</sup>;
- + Mức sâu khai thác +20m;
- + Diện tích khai thác 4,5ha;

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

- + Công suất thiết kế khai thác là 110.000m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm;
- + Thời gian khai thác 17 năm.

**1.5.2. Tuổi thọ của mỏ**

Tuổi thọ mỏ được xác định theo công thức sau:

Trữ lượng đá xây dựng:  $V_{kt} = 1.236.215 \text{ m}^3$  (tương đương với 1.792.512 m<sup>3</sup> đá nguyên khai – hệ số nở rời của đá xây dựng là  $K_r = 1,45$ ).

Đất san lấp còn lại: 64.973m<sup>3</sup>.

Do đó thời gian khai thác mỏ là:

$$T = T_1 + T_2$$

$T_1$ : khai thác năm 2023, từ tháng 01 đến hết tháng 5/2023 khai thác với trữ lượng 42.072m<sup>3</sup>, từ tháng 6/2023, khai thác với công suất là 67.928m<sup>3</sup>).

$T_2$ : Các năm khai thác từ năm 2024 đến năm 2040.

$$T_2 = \frac{V_{kt} \times K_r}{A_n}, \text{ năm.}$$

Trong đó:

$V_{kt}$  : Trữ lượng đá đưa vào thiết kế khai thác;  $V_{kt} = 1.236.215\text{m}^3$ .

$A_n$  : Công suất khai thác mỏ;  $A_n = 110.000\text{m}^3$  đá nguyên khai/năm.

$K_r$  : Hệ số nở rời của đá xây dựng là  $K_r = 1,45$ .

$$\Rightarrow T_2 = \frac{1.236.215 \times 1,45}{110.000} = 16,3 \text{ năm.}$$

Vậy tuổi thọ của mỏ là  $T = 16,3$  năm. Làm tròn 17 năm.

**1.5.3. Hiện trạng các hạng mục nhà văn phòng**

Khi dự án đi vào hoạt động, để phục vụ cho công tác khai thác mỏ thì Công ty đã đầu tư xây dựng dự án hạ tầng như đường giao thông nội mỏ, đường điện, trạm biến áp, khu văn phòng, nhà ăn, trạm nghiền sàng, trạm cân, bãi tập kết đá nguyên liệu và đá thành phẩm, hiện tại các công trình vẫn đang hoạt động bình thường. Đối với công tác bảo vệ môi trường, dự án luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Dự án đã hoàn thành xây dựng các công trình hồ lắng thu gom nước mưa chảy tràn, xây dựng công trình thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt và chứa rác thải nguy hại...

Thống kê các hạng mục công trình như sau:

**Bảng 1. 7. Thống kê các hạng mục công trình**

TT	Hạng mục	Diện tích	Hiện trạng
<b>Khu vực nhà văn phòng</b>			
01	Nhà trực, bảo vệ	m <sup>2</sup>	10

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

02	Nhà điều hành và nhà nghỉ	m <sup>2</sup>	213,6
03	Nhà ăn	m <sup>2</sup>	96,7
04	Nhà phụ trợ	m <sup>2</sup>	64
05	BỂ nước sinh hoạt	m <sup>2</sup>	10
06	Sân nội bộ	m <sup>2</sup>	1.336
07	Nhà sửa xe, máy	m <sup>2</sup>	120
08	Nhà để xe, máy	m <sup>2</sup>	130,4
<b>Khu chế biến</b>			
01	Bãi chứa nguyên liệu	m <sup>2</sup>	702,7
02	Bãi chứa thành phẩm	m <sup>2</sup>	2.008
03	Bãi chứa thành phẩm đá 1x2	m <sup>2</sup>	1.004,2
04	Bãi chứa thành phẩm đá 2x4	m <sup>2</sup>	904,2
05	Bãi chứa thành phẩm đá 4x6	m <sup>2</sup>	919,6
06	Bãi chứa thành phẩm đá mi	m <sup>2</sup>	793,3
07	Bãi chứa thành phẩm đá mi	m <sup>2</sup>	606,6
08	Bãi thải	m <sup>2</sup>	895,75
09	Đường giao thông	m <sup>2</sup>	987



**Hình 1. 3. Nhà văn phòng**



**Hình 1. 4. Trạm cân**

#### **1.5.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án**

Tổng diện tích của mỏ là 60.367,5m<sup>2</sup>. Trong đó khu vực khai trường có diện tích 44.801,5m<sup>2</sup>, khu vực bãi chế biến có diện tích 11.810m<sup>2</sup>, khu vực nhà văn phòng có diện tích 3.756m<sup>2</sup>. Đến nay Công ty đã hoàn thiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thực hiện thuê đất toàn bộ diện tích khu vực khai trường và khu vực bãi chế biến cụ thể như sau:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

Ngày 18/11/2014 UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định số 3513/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản, thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 31/12/2020. Ngày 13/5/2021 được gia hạn sử dụng đất theo Quyết định số 2053/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh với thời hạn sử dụng đất đến ngày 28/12/2040.

Ngày 31/5/2021 ký hợp đồng thuê đất số 28/2021/HĐTD giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh và Hợp tác xã Đức Quang về việc cho phép thuê đất sử dụng vào mục đích khai thác đá xây dựng và khu chế biến đá với tổng diện tích thuê là 30.566m<sup>2</sup> (Trong đó: đất khai thác đá xây dựng:15.000m<sup>2</sup>, đất bãi chế biến: 11.810m<sup>2</sup>, đất nhà văn phòng 3.756m<sup>2</sup>).

Ngày 03/11/2022 ký hợp đồng thuê đất số 39/2022/HĐTD giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh và Hợp tác xã Đức Quang với diện tích 29.801,5m<sup>2</sup> để sử dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản.

Về nghĩa vụ tài chính: Công ty đã chủ động thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và có văn bản xác nhận đính kèm tại phụ lục báo cáo.

#### **1.5.5. Tổ chức quản lý sản xuất tại mỏ**

Cấu tổ chức lao động làm việc tại mỏ như sau:

- Giám đốc: Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ các công việc ở mỏ từ khâu khai thác, chế biến, đến tiêu thụ sản phẩm chung của cả Dự án.
- Phó giám đốc kỹ thuật trực tiếp thực hiện công việc sản xuất hàng ngày tại mỏ.
- Giám đốc điều hành mỏ.
- Trưởng công trường, các tổ trưởng sản xuất.
- Bộ phận gián tiếp gồm các khâu như: Kế toán sản phẩm, thống kê, Kỹ thuật sửa chữa,....

Hiện nay mỏ đang hoạt động sản xuất ổn định nên số lao động tùy thuộc vào từng giai đoạn, nhưng tối đa cao nhất là 24 người.

## **Chương II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

➤ Sự phù hợp của dự án với quy hoạch chung của tỉnh

Dự án phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 ngày 22/8/2014 của Thủ tướng chính phủ và Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 3689/QĐ-UBND ngày 07/12/2012.

Dự án phù hợp với Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng phát triển khu kinh tế trong đó nêu rõ: *“Sản xuất vật liệu xây dựng: Khuyến khích đầu tư công nghệ tiên tiến nhằm phát triển khác loại vật liệu xây dựng sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trên địa bàn như thép, xỉ lò cao, đá, cát với chất lượng cao; sản xuất các cấu kiện bê tông và các vật liệu cao cấp có giá trị lớn phục vụ thi công các công trình có yêu cầu kỹ thuật, chất lượng cao nhằm hạn chế nhập khẩu”*.

➤ Sự phù hợp của dự án về phân vùng môi trường:

Hiện tại, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia đang được xây dựng theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18/02/2020 về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đến nay, tại khu vực Dự án đang hoạt động chưa có quy hoạch phân vùng môi trường nên Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chưa có dự án để so sánh, đối chiếu sự phù hợp của dự án với phân vùng môi trường.

Theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 dự án không nằm trong danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điều 28, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Vị trí dự án không ảnh hưởng đến hành lang bảo vệ nguồn nước, diện tích đất trồng lúa, đất rừng, vùng đất ngập nước quan trọng, công trình di tích lịch sử, di sản thiên nhiên... cũng như các quy định khác có liên quan. Như vậy, vị trí dự án không thuộc vùng bảo vệ nghiêm

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

ngặt, vùng hạn chế phát thải theo quy định chung về phân vùng môi trường tại điều 22 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Dự án phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 10/04/2015.

➤ Về sự phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 của huyện Kỳ Anh ban hành kèm theo Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 08/09/2022.

## **2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là hồ Đập Tây, cách khu vực hồ lắng của mỏ khoảng 600m về phía Nam thuộc địa phận xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Đánh giá sự phù hợp của dự án với khả năng chịu tải của hồ Đập Tây như sau:

### **- Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận:**

Do nguồn nước đang đánh giá được sử dụng cho mục đích thoát nước và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp hơn nên giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nguồn nước được xác định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2023 (Mức B). Phương pháp đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

**Đánh giá khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của hồ Đập Tây như sau:**

Áp dụng công thức:

$$M_{tn} = (C_{qc} - C_{nn}) \times V_h \times 10^{-3} \times F_s$$

Trong đó:

$M_{tn}$ : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm của hồ, đơn vị tính là kg;

$C_{qc}$ : giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng của hồ, đơn vị tính là mg/l;

$C_{nn}$ : kết quả phân tích thông số chất lượng nước hồ và được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều này, đơn vị tính là mg/l;



$V_h$ : dung tích của hồ và được xác định trên dự án dung tích của hồ trong mùa cạn, đơn vị tính là  $m^3$ ;

$F_s$ : Hệ số an toàn ( $F_s = 0,7$ )

**Bảng 2. 1. Khả năng tiếp nhận nước thải từ dự án của hồ Đập Tây**

Thông số	BOD <sub>5</sub>	COD	TSS	DO
$C_{qc}$	6	15	15	5
$C_{nn}$	5,8	12,7	14,5	4,85
$V_h$	86.905	86.905	86.905	86.905
$M_{tn}$	12,17	139,92	30,42	9,13

**Kết luận:**

Qua kết quả tính toán ở bảng trên ta thấy giá trị  $M_{tn}$  của các thông số ô nhiễm đều dương chứng tỏ hồ Đập Tây vẫn còn có khả năng tiếp nhận đối với các thông số: BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, như vậy Mỏ đá khu vực khe Lài có thể xả thải nước vào nguồn nước hồ Đập Tây mà không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nếu xử lý nước thải hiệu quả, đảm bảo chất lượng đầu ra đạt quy chuẩn thải.

### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

### 3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

#### 3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

##### a. Khu vực khai thác

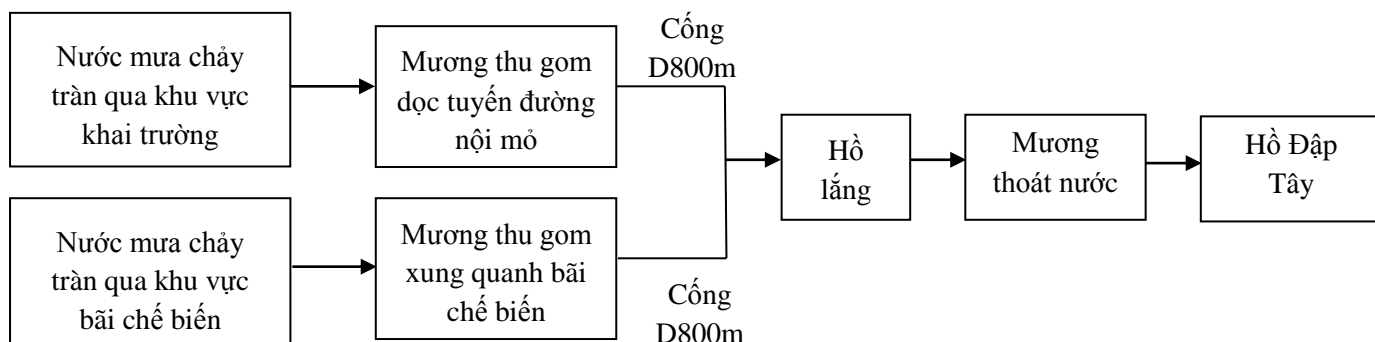
- Nước mưa mang theo các vật liệu rơi vãi trên bề mặt nên đặc trưng ô nhiễm của nước mưa chảy tràn trong hoạt động khai thác đá chủ yếu là cặn lắng có nguồn gốc từ bụi đá, ngoài ra còn có nguy cơ bị ô nhiễm dầu mỡ do các thiết bị vận tải rò rỉ. Lượng nước thải này sẽ được thu gom về hồ lắng, sau đó theo đường cống BTCT dẫn ra mương thoát nước chảy vào hồ Đập Tây.

- Do độ cao và mặt bằng của công trường khai thác đá thay đổi liên tục nên chủ dự án áp dụng hệ thống thoát nước tự chảy theo độ dốc địa hình xuống phía dưới chân núi. Bố trí tuyến mương thoát nước ngay dưới chân núi thu gom nước mưa chảy tràn về hồ lắng. Tại khu vực qua đường lắp đặt cống ngầm dẫn nước mưa chảy tràn.

##### b. Khu vực bãi chế biến

- Nước mưa chảy tràn chảy tại bãi chế biến được thu gom bằng tuyến mương đất có dạng lòng chảo. Tuyến mương này được thiết kế nhằm phù hợp với mặt bằng bãi chế biến và đảm bảo cho xe chở vật liệu lưu thông qua được. Mương có tổng chiều dài 162m, trong đó tuyến mương đoạn đầu bãi chế biến có chiều dài 150 với chiều rộng mặt 1m, chiều sâu 0,5m. Tuyến mương cuối đầu nối vào hồ lắng có chiều dài 12m, chiều rộng mặt 2,5m, sâu 1m. Nước mưa chảy tràn chảy theo tuyến mương này chảy qua cống D800mm dài 10m và dẫn vào hồ lắng.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực mỏ và bãi chế biến được lắng cơ học tại hồ lắng rồi thoát ra hồ Đập Tây.



**Hình 3. 1. Sơ đồ thoát nước**

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

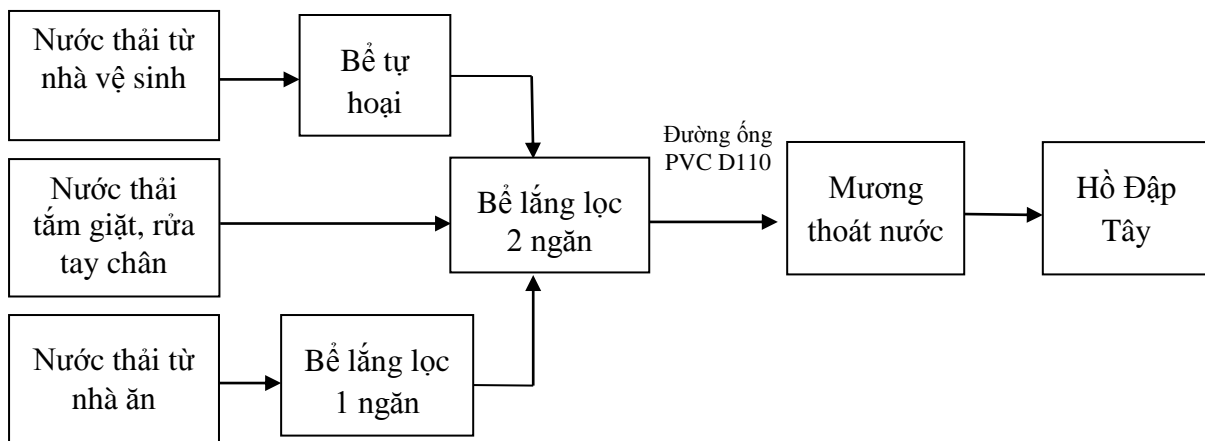
*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

**3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:**

- Hiện nay tại khu vực văn phòng đã có nhà vệ sinh để phục vụ nhân viên, công nhân sinh hoạt. Tổng số lao động tại mỏ là 24 người. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,92m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước thải từ quá trình đào thải của cán bộ công nhân được thu gom vào bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình nhà vệ sinh để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Sau đó cùng với nước thải từ hoạt động tắm giặt, rửa tay chân và từ khu vực nhà ăn dẫn vào bể lắng lọc 2 ngăn. Nước thải sau khi qua bể lắng lọc thoát theo ống PVC D110 chảy ra mương thoát nước khu vực và chảy vào nguồn tiếp nhận là hồ Đập Tây.

- Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải:



**Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải**



**Hình 3. 3. Bể lắng lọc nước thải sau bể tự hoại**



**Hình 3. 4. Bể lắng lọc nước thải tại khu vực nhà ăn**

### **3.1.3. Xử lý nước thải**

#### **3.1.3.1. Xử lý nước mưa chảy tràn**

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực mỏ và bãi chế biến có tổng lưu lượng 259,1m<sup>3</sup>/h. Nước mưa chảy tràn từ khu vực khai thác và khu vực bãi chế biến được dẫn vào hồ lắng nằm trong phần diện tích mỏ (vị trí nằm gần mốc số 2 và mốc số 3 của khu mỏ) để lắng lọc cơ học. Nước mưa chảy tràn sau khi xử lý tại hồ lắng được chảy vào đường ống BTCT D800 dài 7,5m ra mương thoát nước của khu vực và chảy ra nguồn tiếp nhận là hồ Đập Tây.

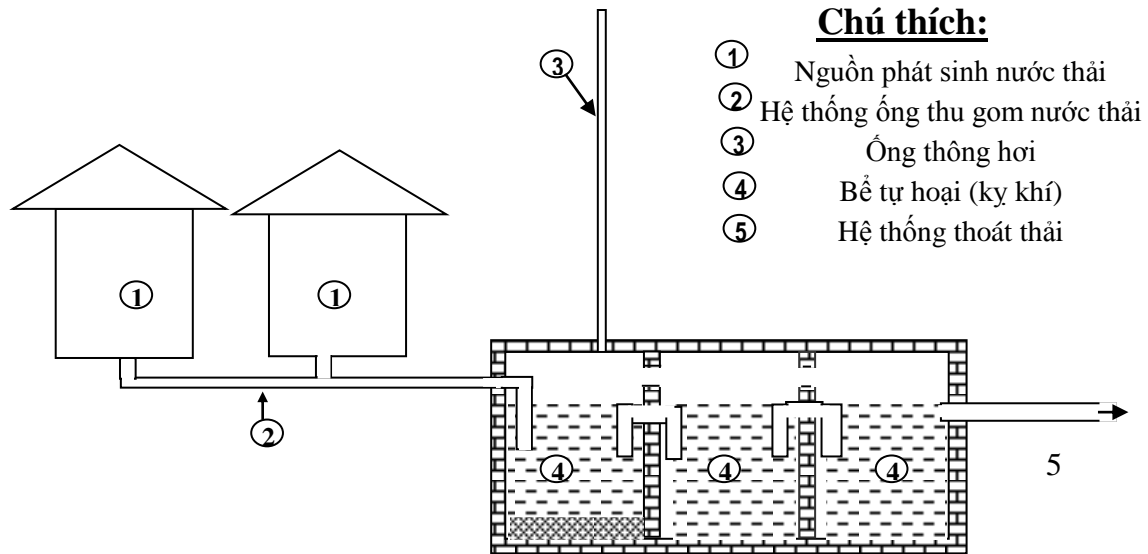
- Hồ lắng có kết cấu bằng đất, diện tích hồ lắng : D<sub>x</sub>R<sub>x</sub>H= 30x25x2,5 (thể tích: 1.875m<sup>3</sup>).



**Hình 3. 5. Hồ lắng nước mưa chảy tràn tại mỏ**

#### **3.1.3.2. Xử lý nước thải sinh hoạt**

- Lượng nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh sẽ được dẫn vào bể tự hoại cải tiến để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Hiện tại, Công ty đã xây dựng 02 bể tự hoại ba ngăn với thể tích mỗi bể là 12m<sup>3</sup> đặt ngầm dưới khu vực nhà văn phòng và nhà nghỉ, ăn ca của cán bộ công nhân viên.



**Hình 3. 6. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại ba ngăn**

Bể tự hoại gồm có 3 ngăn, ngăn thứ nhất có vai trò lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải vào. Ngăn tiếp theo là ngăn lên men axit, tiếp đến là ngăn lên men kiềm. Nhờ các vách ngăn hướng dòng ở những ngăn này mà nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn, các chất bẩn được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá thành  $CO_2$ ,  $H_2O$ ,  $CH_4$ ,  $H_2S$ . Ngăn cuối cùng là ngăn rút nước có tác dụng điều hoà lưu lượng nước thoát ra và giữ lại một phần cặn lắng. Hiệu quả xử lý chất lơ lửng đạt 65-70%,  $BOD_5$  đạt 60-65%.

Nước thải tại khu vực nhà ăn được thu gom bằng đường ống PVC D110 dài 12m dẫn vào bể lắng lọc 1 ngăn (kích thước: D1,2mx1,5m).

Nước thải sau các bể tự hoại sẽ cùng với nước tắm giặt, rửa tay chân và từ bể lắng lọc 1 ngăn dẫn vào bể lắng lọc 2 ngăn (thể tích mỗi ngăn  $1,8m^3$ ; kích thước: D1,2mx1,5m), thành dày 120mm, đáy lót bê tông M200#. Dạng ống bi tròn, vật liệu lắng lọc là cát sỏi, than hoạt tính để lắng lọc. Nước thải sau bể lắng lọc 2 ngăn thoát theo ống PVC D110 dài 24m chảy vào tuyến mương thoát nước của khu vực và chảy ra nguồn tiếp nhận là hồ Đập Tây.

### 3.1.3.3. Xử lý nước thải xịt rửa xe

- Nước thải xịt rửa xe phát sinh khoảng  $1m^3$ /ngày. Nước thải xịt rửa xe

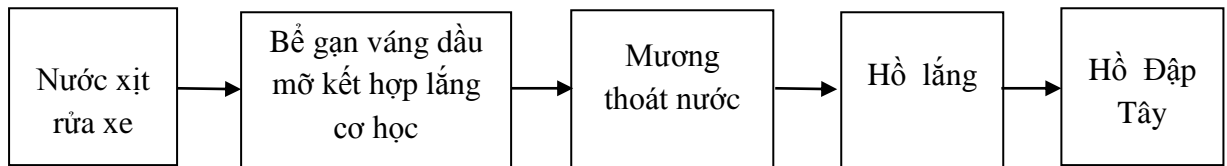
**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

được dẫn vào bể gạn váng dầu mỡ kết hợp lắng lọc cơ học 03 ngăn. Mỗi bể có kích thước D1,45mx 1,7m, thành dày 120mm, đáy lót bê tông M200#.

Quy trình thu gom nước thải xịt rửa xe như sau:

Nước thải từ hoạt động xịt rửa xe → Bể gạn váng dầu mỡ kết hợp lắng lọc cơ học → mương thoát nước khu vực bãi chế biến → hồ lắng → hồ Đập Tây.



**Hình 3. 7. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải xây dựng**

Nguyên lý hoạt động: Nước thải chảy vào bể gạn váng dầu mỡ kết hợp lắng lọc cơ học để tách dầu mỡ và lắng cặn. Dầu mỡ nổi lên phía trên định kỳ được vớt ra bằng các dụng cụ thấm hút dầu, chứa vào thùng đựng chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý, nước thải sau đó được chảy sang bể lọc cát sỏi để tiếp tục xử lý. Tại bể lọc cát sỏi, nước thải được lọc sạch các chất lơ lửng, cặn lắng có kích thước nhỏ hơn. Sau khi qua bể lọc nước thải được dẫn vào mương thoát nước của bãi chế biến và dẫn vào hồ lắng, sau đó chảy ra hồ Đập Tây.

Nước xịt rửa phát sinh không thường xuyên, chỉ vào những ngày mưa, ẩm bùn đất có thể bám lên thân xe.



**Hình 3. 8. Bể gạn tách dầu mỡ kết hợp lắng lọc cơ học**



**Hình 3. 9. Sân bãi khu vực xịt rửa xe**

### **3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:**

#### **a. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải đối với hoạt động khai thác đá**

✓ *Đối với công tác bóc tầng phủ*

- Bóc tầng phủ theo phương pháp cuốn chiếu, khai thác đến đâu, bóc tầng phủ đến đó. Như vậy, sẽ duy trì được thảm cây xanh trong khu vực và hạn chế phá bỏ khi chưa cần thiết.

- Xe vận tải chở đất bóc phải lót kín sàn xe, thùng xe được phủ bạt để giảm sự rơi vãi đất trên đường vận chuyển và phát tán bụi.

- Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Phun nước tưới ẩm để hạn chế bụi tại khu vực này.

✓ *Đối với công tác khoan lỗ mìn.*

- Thường xuyên tiến hành tưới ẩm tại những vị trí phát sinh bụi trong khu vực khai trường.

- Trong công tác khoan tạo lỗ mìn, sử dụng các loại máy khoan có sử dụng hỗn hợp nước – khí nén nhằm giảm thiểu bụi.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, găng tay, áo, mũ, khẩu trang ... cho công nhân làm việc.

✓ *Đối với công tác nổ mìn*

- Đối với công tác nổ mìn hiện tại Công ty đang ký hợp đồng nổ mìn dịch vụ với Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ Hà Tĩnh là đơn vị thực hiện nổ mìn thay công ty.

- Xây dựng nội quy an toàn nổ mìn, quản lý vật liệu nổ và thực hiện nghiêm chỉnh theo quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2019/BCT.

- Thực hiện nghiêm chỉnh quy định an toàn nổ mìn, thời điểm kích nổ tránh lúc gió to, thực hiện nổ mìn theo lịch theo Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh như sau: 11h00' đến 11h30' (buổi sáng) và từ 17h00' đến 17h30' (buổi chiều).

- Đã lập các bảng nội quy, bố trí bảng hiệu, biển báo, còi tín hiệu trong khu vực dự án.

- Các bảng nội quy được đặt tại khu vực nhà điều hành, khu vực chế biến, khu vực khai thác, khu vực nổ mìn.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

- Bố trí lỗ khoan và lượng thuốc nổ theo đúng thiết kế.
- Áp dụng phương pháp nổ vi sai.

Các biện pháp trên hiện đang được áp dụng hầu hết ở các mỏ khai thác đá lộ thiên và đạt được hiệu quả cao nên sẽ được dự án tiếp tục duy trì trong thời gian tới.

**b. Giảm thiểu bụi và khí thải trong hoạt động giao thông**

- Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển đất, đá đi tiêu thụ; cam kết không chở quá thành xe, không chở quá tải trọng thiết kế.
- Sử dụng phương tiện vận chuyển tiên tiến, bảo đảm các yêu cầu về đăng kiểm.
- Sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và bảo đảm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt, ít gây ảnh hưởng đến môi trường.
- Công nhân lái xe được học tập đầy đủ các luật về an toàn giao thông và các quy định lưu thông xe, các quy phạm an toàn trong vận tải mỏ.
- Lưu thông với tốc độ chậm để hạn chế bụi cát bị cuốn lên từ mặt đất.
- Thường xuyên duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển ra vào khu mỏ để giảm thiểu bụi trong quá trình vận chuyển.
- Đầu tư 01 xe ô tô xi tạc phun nước dung tích 5m<sup>3</sup> để tưới nước trên các tuyến đường giao thông nội bộ và đường giao thông ra vào mỏ. Tần suất phun nước trung bình 2 lần/ngày hoặc 4 lần/ngày vào những ngày nắng nóng kéo dài: 02 lần vào buổi sáng, 02 lần vào buổi chiều.
- Cương quyết ngưng vận chuyển, xử lý nghiêm đối với những xe, lái xe không thực hiện đúng và đảm bảo yêu cầu về môi trường hoặc khi có sự khiếu kiện của người dân về môi trường do phương tiện vận chuyển gây ra.
- Các xe vận chuyển đất, đá đi tiêu thụ phải đảm bảo về vệ sinh, tránh tình trạng đất, bùn bám vào bánh xe rơi vãi trên các tuyến đường nhất là vào những ngày mưa. Ngừng hoạt động đối với những xe không đảm bảo được vấn đề vệ sinh, để tránh tình trạng gây ô nhiễm môi trường trên các tuyến đường xe vận chuyển đi qua và ảnh hưởng đến an toàn giao thông.





**Hình 3. 10. Xe chở bồn tưới nước tại mỏ**

***c. Giảm thiểu bụi và khí thải trong khu vực chế biến đá***

- Khu vực bãi chế biến là một trong những khu vực phát sinh ra nhiều bụi nhất trong khu vực khai thác và chế biến, bởi vậy Công ty đã tiến hành xử lý bằng biện pháp phun ẩm dập bụi hàng ngày tại khu vực nghiền sàng.

- Trồng cây xung quanh khu sân công nghiệp, nhà điều hành, nhà nghỉ công nhân, hai bên đường giao thông ra vào mỏ để giảm thiểu tiếng ồn, lọc không khí và giảm lượng bụi phát tán. Tại khu vực đã trồng các loại cây như cây keo, bạch đàn...

- Thường xuyên phun tưới ẩm tại bãi tập kết đá thành phẩm để giảm thiểu lượng bụi phát tán.

- Công ty đã lắp đặt 02 hệ thống phun ẩm tại khu nghiền sàng, mỗi hệ thống lắp đặt 10 đầu phun/hệ thống.

- Các loại thiết bị dùng để lắp đặt hệ thống phun ẩm:

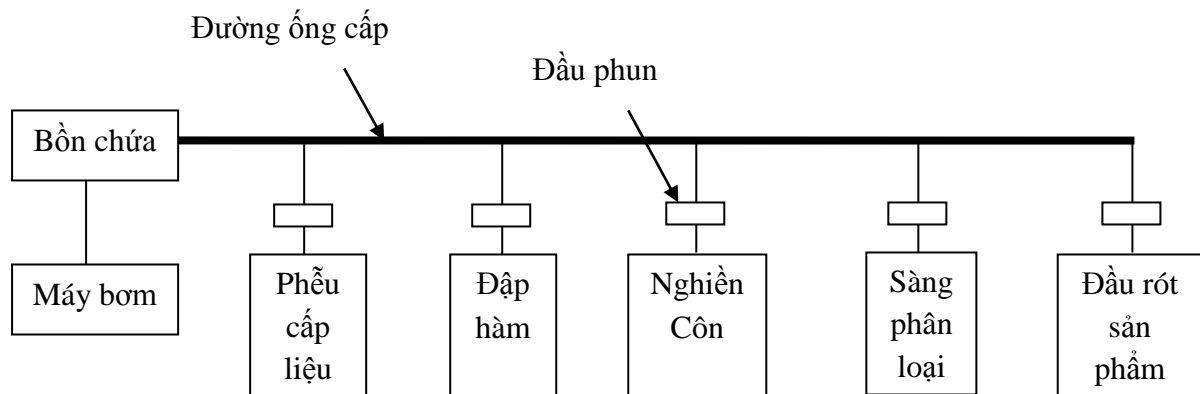
+ Máy bơm: 02 máy bơm Pentax 2HP.

+ 01 bồn chứa nước, thể tích 25m<sup>3</sup>, nước được bơm từ khe suối cạnh mỏ chứa vào bồn để sử dụng.

+ Hệ thống đường dẫn chính bằng nhựa HDPE D34: 2 hệ thống.

### **Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh



**Hình 3. 11. Hệ thống phun sương áp suất thấp xử lý bụi khu vực nghiền sàng**

### **3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:**

#### **a. Chất thải rắn sinh hoạt**

- Hiện tại số lượng nhân công đang làm việc tại mỏ là 24 người, lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại khu mỏ khoảng 12kg/ngày.

- Thành phần của chất thải rắn sinh hoạt gồm: Giấy báo, tài liệu, túi nilon, chai lọ, vật liệu bao gói thực phẩm, thức ăn dư thừa...

Bố trí các thùng lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt ở những điểm thuận tiện để thu gom, phân loại và lưu chứa tại các thùng đựng riêng biệt, cụ thể: mỗi điểm có 03 thùng (thể tích 30 lít/thùng) đặt tại khu vực văn phòng, khu vực nhà ăn, nhà nghỉ của công nhân; 03 thùng thể tích 100 lít/thùng đặt tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt để thực hiện phân loại chất thải tại nguồn. Rác hữu cơ, vô cơ và rác tái chế được xử lý như sau:

- Tận dụng những loại rác như giấy, vỏ chai, lon bia,...có khả năng tái chế để bán phế liệu.

- Đối với các loại thức ăn dư thừa của công nhân (cơm, canh thừa,...) là loại chất thải dễ phân huỷ và gây mùi hôi thối được chứa vào các thùng có nắp đậy kín và sử dụng làm thức ăn cho gia súc chăn nuôi tại mỏ.

- Đối với rác thải vô cơ bao gồm các loại như túi nilon, nhựa, cao su...được thu gom phân loại riêng và được hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và môi trường Tiến Thành đưa đi xử lý theo đúng quy định. (Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đính kèm tại Phụ lục)

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt bố trí cạnh nhà nghỉ ăn ca công nhân: có diện tích 10m<sup>2</sup>, mái che lợp tôn, nền bằng bê tông M250#.

#### **b. Chất thải rắn công nghiệp trong quá trình khai thác, chế biến**

- Đối với khối lượng đất, đá thải từ quá trình khai thác với khối lượng

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

khoảng 7.271,8m<sup>3</sup>/năm. Khối lượng này dùng để san gạt nền khu vực phụ trợ, cải tạo tuyến đường giao thông hàng năm.

- Chủ dự án đã bố trí bãi thải với diện tích 4.000m<sup>2</sup> nằm trong khu vực mỏ khai thác để đảm bảo hoạt động lưu chứa đá thải trong quá trình khai thác và đất bóc phủ cho hoạt động cải tạo phục hồi môi trường.

**c. Bùn thải từ bể tự hoại, bùn nạo vét từ hệ thống mương thoát nước, hồ lắng**

\* Bùn thải từ bể tự hoại:

Bùn thải từ bể tự hoại là loại chất thải chứa các vi sinh vật, các chất hữu cơ, gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và sinh ra mùi hôi. Tuy nhiên đây là loại chất thải phát sinh không thường xuyên, định kỳ được hút, nạo vét và vận chuyển đưa đi xử lý.

- Bùn cặn từ bể tự hoại:

Lượng bùn cặn từ bể tự hoại được tính toán như sau:

$V_c = [a * T_c * (100 - W_1) * b * c] * N / [(100 - W_2) * 1000]$ , (m<sup>3</sup>); Trong đó:

a: Lượng cặn trung bình của một người thải ra một ngày là 0,5 lít/ng.ngđ.

T<sub>c</sub>: Thời gian giữa hai lần lấy cặn, T<sub>c</sub> = 24 tháng (730 ngày).

W<sub>1</sub>; W<sub>2</sub>: Độ ẩm cặn tươi vào bể và của cặn khi lên men, tương ứng là 95% và 90%.

b: Hệ số kể đến việc giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn để giữ lại vi sinh vật giúp cho quá trình lên men cặn được nhanh chóng, dễ dàng, để lại 20% ; c = 1,2.

N: Số người mà bể phục vụ; N = 24 người.

Vậy:  $V_c = (0,5 * 730 * 5 * 0,7 * 1,2 * 24) / (10 * 1000) = 3,68m^3$ .

Như vậy khối lượng bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại trong hai năm tại dự án là 3,68 m<sup>3</sup>, tương đương 1,84m<sup>3</sup>/năm.

**3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại:**

Chất thải nguy hại phát sinh thực tế tại dự án bao gồm: Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn,... trung bình khoảng 45kg/tháng.

**Bảng 3. 1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh**

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau	KS	18 02 01	3,5

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**  
*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

	dính dầu mỡ, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại			
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	16 01 06	01
3	Dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải	NH	17 02 03	12
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	18 01 03	5,5
5	Pin, ắc quy thải	NH	16 01 12	03
6	Bùn đất nạo vét có các thành phần nguy hại	KS	11 05 02	20
	<b>Tổng</b>			<b>45</b>

- Công trình thu gom, xử lý:

+ Tại cơ sở đã xây dựng kho CTNH có diện tích DxR: 5x4=20m<sup>2</sup>, tường xây bằng gạch, mái lợp tôn, nền lát xi măng, cửa có khóa, có biển báo.

+ Trong kho CTNH đã bố trí 04 thùng loại dung tích 100 lít, có nắp đậy để chứa các loại CTNH phát sinh. Đồng thời bố trí các dụng cụ, thiết bị PCCC tại kho chứa CTNH.

- Chủ dự án đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý Môi trường Nghệ An tại hợp đồng số 231103/HĐ-XLMTNA-HTXDUCQUANG để thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý CTNH (*Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH đính kèm tại Phụ lục*)



**Hình 3. 12. Thùng chứa chất thải nguy hại**

### **3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

#### **a. Giảm thiểu tiếng ồn tại khu vực khai thác**

- Để hạn chế tiếng ồn và độ rung, Chủ dự án sử dụng công nghệ hiện đại ít gây ồn, rung động, không sử dụng các thiết bị và dụng cụ sản xuất cũ có tiếng ồn lớn.

- Đối với tiếng ồn tức thời do nổ mìn: Chủ dự án luôn đảm bảo vành đai an toàn với khoảng cách từ tâm nổ đến khu chế biến và khu vực mỏ lân cận.

- Công nhân làm việc được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn và bụi.

- Hạn chế tiếng ồn và độ rung gây ra do hoạt động nổ mìn, bằng cách tuân thủ đúng các quy trình kỹ thuật khoan nổ mìn; đảm bảo thời gian nổ mìn và thời gian bố trí nổ mìn giữa các loạt trong ngày. Lựa chọn thời điểm nổ mìn hợp lý để hạn chế tác động của tiếng ồn. Thời gian chọn là 11h00' phút đến 11h30' (buổi sáng) và từ 17h00' đến 17h30' phút (buổi chiều).

- Không kéo dài thời gian của mỗi đợt nổ; lượng vật liệu nổ đảm bảo đúng theo giấy phép đã được cấp không được vượt quá quy định.

#### **b. Giảm thiểu tiếng ồn tại khu vực chế biến đá**

- Tiếng ồn do hoạt động nghiền sàng đá chủ yếu gây ảnh hưởng đến công nhân làm việc tại dự án, khu vực chế biến đá nằm cách xa khu dân cư nên tác động đến khu dân cư là không lớn. Tuy nhiên để giảm thiểu mức ồn trong khu vực này, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Trang bị bảo hộ lao động giảm tiếng ồn cho công nhân đứng máy như nút chống ồn.

- Không nghiền sàng đá vào giờ nghỉ trưa và đêm khuya.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị nghiền sàng để đảm bảo hiệu quả sản xuất và giảm tiếng ồn phát sinh.

- Luân phiên thay ca cho công nhân đứng máy để hạn chế tác động từ tiếng ồn quá lâu.

- Giảm bớt số lượng thiết bị hoạt động đồng thời, hạn chế sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn và rung lớn cùng vào một thời điểm để tránh tác động của cộng hưởng tiếng ồn cũng như độ rung.

### **3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

#### **3.6.1. Các công trình, biện pháp phòng chống cháy nổ**

##### **\* Biện pháp giảm thiểu cháy nổ**

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

- Kiểm tra định kỳ công tác PCCC và yêu cầu CBCNV tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.

- Thường xuyên phát quang cây cỏ quanh khu vực để xảy ra cháy nổ như trạm điện.

- Tại các vị trí như trạm nghiền sàng, nhà văn phòng, nhà kho lắp đặt các bảng nội quy PCCC, biển cấm lửa, có các bình chữa cháy cầm tay để phòng chống cháy nổ.

- Trang bị các phương tiện PCCC phù hợp tại các khu vực nhà điều hành, kho CTNH và thực hiện nghiêm túc quy định về phòng cháy chữa cháy đã được phê duyệt trong phương án phòng chống cháy nổ. Các thiết bị PCCC đã trang bị tại mỏ được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 3. 2. Phương tiện dụng cụ PCCC và CNCH**

STT	Tên chủng loại phương tiện	Ký hiệu	Số lượng	Nơi bố trí, lắp đặt
1	Bình CO <sub>2</sub>	MT3 - 3kg	2	Nhà kho
2	Bình bột	ABC – 4kg	9	Nhà kho, văn phòng, cây xăng dầu, trạm nghiền sàng, nhà bán hàng
3	Cáng cứu thương	Cái	1	Nhà kho
4	Quần áo, mũ, ủng bảo hộ, khẩu trang, găng tay	Bộ	5	Nhà kho
5	Tiêu lệnh chữa cháy	Bộ	4	Nhà kho, nhà văn phòng, trạm bơm dầu, trạm nghiền sàng.

- Ngoài ra giám đốc mỏ thường xuyên tập huấn cho công nhân đặc biệt là công nhân vận hành ở những nơi dễ cháy nổ nắm vững phương pháp phòng cháy chữa cháy, xử lý sự cố. Thường xuyên kiểm tra chất lượng của hệ thống điện, hệ thống PCCC.

**\* Phòng chống cháy rừng:**

Xung quanh khu vực dự án có mật độ cây khá cao, do đó việc phòng cháy rừng là rất cần thiết. Chủ dự án đã áp dụng các biện pháp phòng chống cháy rừng như sau:

- Định kỳ dọn vệ sinh, giảm khối lượng sinh khối khô để cháy ven đường đường đi vào mùa khô.

### **Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

- Có bảng nội quy cảnh bảo, cấm lửa khu vực tiếp giáp rừng xung quanh. Thường xuyên phối hợp với UBND xã trong công tác phòng chống cháy rừng.
- Tập huấn cho công nhân về phương pháp phòng chống cháy rừng.
- Đã thực hiện mua sắm máy bơm, vòi bơm dự phòng lắp đặt tại các hồ nước để khi có sự cố cháy nổ sẽ cứu chữa kịp thời.

#### **3.6.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố tràn dầu**

- Bố trí các dụng cụ PCCC tại trạm bơm dầu để phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ xảy ra.
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ như cát, bông thấm hút dầu để thu gom lượng dầu rơi vãi trong quá trình sử dụng.
- Lắp đặt biển cấm, biển báo phòng chống cháy nổ, cấm lửa tại khu vực trạm bơm dầu.
- Lập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.
  - \* Hoạt động ứng phó khi xảy ra rủi ro, sự cố
    - + Bằng mọi biện pháp không cho dầu, nhớt từ nguồn gây ô nhiễm do sự cố tiếp tục tràn ra môi trường xung quanh.
    - + Áp dụng các biện pháp ngăn, vây không cho chất ô nhiễm đã tràn ra tiếp tục loang rộng thêm, nhất là không cho loan ra vùng có nước.
    - + Di chuyển các phương tiện, máy móc ra khỏi vùng xảy ra sự cố,
    - + Tuyệt đối không dùng chất hoặc các biện pháp làm phân tán dầu ra môi trường xung quanh, nhất là trong môi trường nước.
    - + Dùng các dụng cụ thu gom vớt dầu, đất đá nhiễm dầu vào dụng cụ lưu chứa và chuyển về kho chứa CTNH để bàn giao cho đơn vị dịch vụ đến tiếp nhận, xử lý.

#### **3.6.3. Biện pháp phòng chống sự cố bão lũ**

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.
- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa hệ thống khai thác, chằng chống nhà cửa, khu nhà làm việc, nhà kho, đường vận chuyển....
- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của khu mỏ, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.
  - Không khai thác khi trời mưa nhằm giảm lượng vật liệu thô bị ngập

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

úng và cuốn trôi bởi hiện tượng lũ lụt.

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống mương thoát nước khu vực bãi chế biến để đảm bảo tiêu thoát nước tránh gây ngập úng khu vực.

- Phòng chống sét:

+ Để giảm thiểu sự cố sét đánh cần áp dụng các biện pháp chống sét đánh thẳng vào công trình và chống sét đánh lan truyền qua đường dây và các thiết bị dẫn điện.

+ Công ty đã lắp đặt thiết bị chống sét, các kim thu sét được lắp đặt trên đỉnh của các công trình có chiều cao >3m và được nối tiếp địa .

+ Tất cả các các cấu kiện sắt thép, thiết bị chống sét đều được nối đất. Cọc tiếp đất bằng đồng và được đóng trực tiếp xuống nền đất và phải đảm bảo hệ thống tiếp địa có điện trở <10Ω

**3.6.4. Giảm thiểu tác động do chấn động và đá văng**

- Nghiêm cấm công nhân và người dân ra vào khu vực mỏ trong thời gian nổ mìn.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân.

- Thường xuyên xem xét vách đá và mạch đất ở phía trên nếu thấy có kẽ nứt hoặc hiện tượng sụt lở thì phải tạm ngưng hoạt động khai thác để đưa ra biện pháp xử lý an toàn trước khi tiếp tục khai thác.

- Thường xuyên cạy gỡ đá treo có nguy cơ lăn xuống, đảm bảo bờ mỏ luôn được giám sát và ổn định.

- Tính khoảng cách an toàn, trước khi nổ mìn phải cử người cảnh giới ở tất cả các ngã đường vào khu vực mỏ ngoài bán kính 300m, dùng tín hiệu báo động khi chuẩn bị và kết thúc nổ mìn.

- Trước khi tiến hành nổ mìn lần đầu, đơn vị cần thông báo cho chính quyền địa phương và người dân sống trong khu vực giáp ranh biết về thời gian, địa điểm nổ mìn lần đầu, giới hạn của vùng nguy hiểm, ý nghĩa của các tín hiệu dùng khi báo động nổ mìn.

**3.6.5. Giảm thiểu tác động do sự cố trôi trượt, sụt lở đất đá**

- Đảm bảo khai thác theo đúng thiết kế được phê duyệt, đảm bảo góc dốc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc. Thực hiện đúng trình tự khai thác theo các thông số của hệ thống khai thác.

- Không thực hiện khai thác vào các ngày mưa hoặc vừa có mưa lớn xảy ra.



### **Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

- Bố trí cán bộ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, quan sát độ ổn định của bờ moong khai thác và phát hiện các tảng đá lăn trên bề mặt. Nếu có đá lăn cần phải gỡ bỏ hết.

- Khai thác đến đâu thực hiện gia cố bờ moong, cạy gỡ đá treo đến đó.

- Đo vẽ định kỳ hàng năm địa hình khu vực khai trường, trong đó bao gồm các nội dung trắc địa bờ mỏ, tầng khai thác, taluy. Trên dự án đó, cán bộ kỹ thuật mỏ sẽ đối chứng và so sánh với các năm trước, với hiện trạng để xác định các thông số dịch chuyển và dự báo các nguy cơ sạt lở trên bờ mỏ.

- Thực hiện giữ lại cây xanh trên các khu vực chưa khai thác nhằm tăng khả năng giữ đất, hạn chế xói mòn, trôi trượt đất đá.

- Phương án xử lý khi có sự cố xảy ra:

+ Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động và thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố để khắc phục. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

+ Ban Quản lý mỏ chịu trách nhiệm chính trong công tác điều tra, trực tiếp chỉ đạo ứng cứu.

+ Các trưởng bộ phận sản xuất trực tiếp chịu trách nhiệm và phân công nhân lực trong các bộ phận có liên quan trong việc ứng cứu.

+ Khắc phục sự cố, gia cố đảm bảo an toàn và được ban Quản lý, kỹ thuật xác nhận an toàn trước khi hoạt động lại.

#### **3.6.6. Các biện pháp an toàn lao động**

- Phân công giám đốc, quản đốc điều hành mỏ để phụ trách công việc tại công trường.

- Nổ mìn theo giờ quy định, trong giờ nổ mìn tuyệt đối nghiêm cấm người không có phận sự qua lại trong khu vực nguy hiểm về nổ mìn theo tính toán ở trên.

- Lập hộ chiếu khoan nổ mìn đầy đủ, chính xác theo qui định và phải được người có thẩm quyền phê duyệt. Tuyệt đối chấp hành theo hộ chiếu đã được duyệt.

- Các quy định về giờ nổ mìn và các biện pháp an toàn đã được Chủ dự án thỏa thuận với chính quyền địa phương và được thông báo rộng rãi cho công nhân và nhân dân trong vùng.

- Trước và sau khi nổ mìn phải có tín hiệu cảnh báo xung quanh bán kính an toàn đá văng và sóng chấn động tối thiểu cho thiết bị máy móc là 200m và cho người là 300m.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

- Đối với công nhân làm công tác nổ mìn phải qua đào tạo chuyên môn tại dự án đào tạo đủ điều kiện theo quy định pháp luật và có kinh nghiệm ít nhất 03 tháng làm công tác phục vụ nổ mìn dưới sự chỉ đạo và giám sát của chỉ huy nổ mìn hoặc thợ mìn đã được cấp chứng nhận huấn luyện.

- Khi nổ mìn công nhân luôn tuân thủ quy trình, quy chế khoan nổ mìn áp dụng cho công nghệ khai thác mỏ lộ thiên và được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động.

- Không nạp thuốc nổ mìn khi thời tiết xấu nhất là khi có sấm sét.

- Khi giao việc mỗi ca, cán bộ chỉ huy (Giám đốc điều hành mỏ) ghi rõ trong sổ phân công hoặc phiếu giao việc cho từng công nhân, trong đó biện pháp an toàn được ghi cụ thể, người giao hay nhận việc đều phải ký vào sổ, phiếu giao việc.

- Thường xuyên kiểm tra gương khai thác để đảm bảo an toàn.

- Khi bố trí công nhân vào làm việc, cán bộ chỉ đạo sản xuất trực tiếp sẽ xem xét kỹ hiện trường, đảm bảo an toàn mới bố trí công nhân làm việc.

- Khi làm việc, công nhân phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Găng tay, khẩu trang, dây đai an toàn, giày, và nghiêm chỉnh chấp hành những quy định an toàn lao động.

- Khi bẫy gỡ đá trên tầng, bố trí người canh gác không để cho người và thiết bị qua lại khu vực nguy hiểm.

- Không bố trí người và phương tiện thiết bị làm việc ở tầng trên và dưới ở cùng một thời điểm trên mặt tuyến.

- Những người bẫy gỡ đá trên cùng một tầng được bố trí cách xa nhau ít nhất 6m và gỡ đá theo thứ tự trên xuống dưới.

- Công ty sẽ thực hiện đầy đủ các nội dung về an toàn lao động theo QCVN 05: 2012/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về an toàn lao động trong khai thác và chế biến đá.

- Thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn sức khỏe và bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên tại mỏ.

- Lập bảng nội quy an toàn lao động và đặt ở những khu vực dễ thấy, nhiều người qua lại... để mọi người biết và thực hiện.

- Công ty sẽ thực hiện đầy đủ các nội dung về an toàn lao động theo QCVN 05: 2012/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về an toàn lao động trong khai thác và chế biến đá.

- Thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn sức khỏe và bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên tại mỏ.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

**3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:**

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

**Bảng 3. 3. Tổng hợp các công trình XLCT theo ĐTM và đã xây dựng của dự án**

TT	Hạng mục công trình	Công trình được phê duyệt trong ĐTM	Công trình hiện tại đã được xây dựng hoàn thành	Nội dung thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt	Giải trình
1	<b>Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước mưa</b>	- Xây dựng mương thoát nước chạy theo đường có kích thước như sau: chiều rộng mặt 1m; sâu 0,5m.	- Thoát nước theo độ dốc địa hình.	- Không thay đổi	
		- Xây dựng 01 hồ lắng tại khu vực bãi chế biến có diện tích: D <sub>x</sub> R <sub>x</sub> H= 18,2x25x2,5 (thể tích: 1.137,5m <sup>3</sup> ).	- Xây dựng 01 hồ lắng tại khu vực đáy mỏ có diện tích: D <sub>x</sub> R <sub>x</sub> H= 30x25x2,5 (thể tích: 1.875m <sup>3</sup> ).	- Thay đổi diện tích	- Việc bố trí hồ lắng tại khu vực đáy mỏ nhằm phù hợp với bố trí mặt bằng cũng như tăng khả năng thu gom triệt để lượng nước mưa phát sinh trong khu vực mỏ khai thác. - Việc thay đổi kích thước hồ lắng là để phù hợp với vị trí địa hình đặt hồ lắng và tăng cường khả năng lưu giữ, lắng bùn đất trong nước mưa chảy tràn.
2	<b>Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt</b>	- Công trình: + 02 bể tự hoại: kích thước D <sub>x</sub> R <sub>x</sub> H=3x2x2m + Hệ thống thu gom sử dụng đường ống uPVC 60	- Công trình: + 02 bể tự hoại: kích thước D <sub>x</sub> R <sub>x</sub> H=3x2x2m. + 01 bể lắng lọc nước thải nhà ăn (kích thước: D1,2mx1,5m). + 02 bể lắng lọc nước thải sinh hoạt (kích thước mỗi bể: D1,2mx1,5m). + Hệ thống thu gom sử dụng đường ống uPVC 110.	- Thay đổi kích thước, số lượng bể lắng.	- Để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt chủ dự án đã tiến hành xây dựng bổ sung thêm bể lắng lọc 2 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt và bổ sung thêm bể lắng lọc 1 ngăn để xử lý nước thải nhà ăn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

3	<b>Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải xịt rửa xe</b>	- Công trình: + Hồ lắng, hồ thu (kích thước mỗi hồ: 1,0x1,0x1,0m).	- Công trình: + 03 bể lắng lọc nước thải xịt rửa xe (kích thước mỗi bể: D1,45mx1,7m). + Hệ thống thu gom sử dụng đường ống uPVC 110.	- Thay đổi kết cấu, kích thước hệ thống thu gom, xử lý nước thải xịt rửa xe.	- Để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý nước thải xịt rửa xe.
4	<b>Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn</b>	- Chất thải sản xuất: + Bố trí bãi thải thu gom đất bóc, đá thải.	- Chất thải sản xuất: + Bố trí bãi thải thu gom đất bóc, đá thải.	- Không thay đổi	- Không thay đổi
		- Chất thải sinh hoạt: + Bố trí 06 thùng thu gom rác thải sinh hoạt.	- Chất thải sinh hoạt: + Đã bố trí 06 thùng dung tích 30 lít thu gom rác thải sinh hoạt. + Bố trí 01 thùng dung tích 100 lít tập kết rác thải sinh hoạt.	- Không thay đổi	- Không thay đổi
5	<b>Công trình thu gom, xử lý CTNH</b>	- Bố trí kho chứa CTNH diện tích 5m <sup>2</sup> , bố trí các thùng chứa CTNH đặt trong kho lưu giữ CTNH	- Bố trí 04 thùng phuy chứa CTNH dung tích 100 lít - Bố trí khu vực lưu chứa CTNH diện tích 20m <sup>2</sup> .	- Thay đổi diện tích kho chứa CTNH	- Để thuận tiện cho việc lưu giữ phân loại chất thải nguy hại tại nguồn.
6	<b>Hệ thống xử lý bụi, khí</b>	- Lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi tại vị trí khu nghiền sàng.	- Đã lắp đặt 02 hệ thống phun sương dập bụi tại vị trí khu nghiền sàng.	Không có thay đổi	-

### **3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học**

#### **3.9.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

Dự án Điều chỉnh nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phương án cải tạo phục hồi môi trường tại Quyết định số 2674/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 13 tháng 10 năm 2023 với những nội dung cơ bản như sau:

##### ***3.9.1.1. Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác***

Công tác cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác, bao gồm các hạng mục: củng cố bờ moong khai thác; xây dựng biển báo, hàng rào xung quanh khu vực khai thác; xây dựng hệ thống thoát nước ở đáy moong sau đó san gạt, trồng cây khu vực đáy moong sau khai thác.

##### ***a. Củng cố bờ moong khai thác***

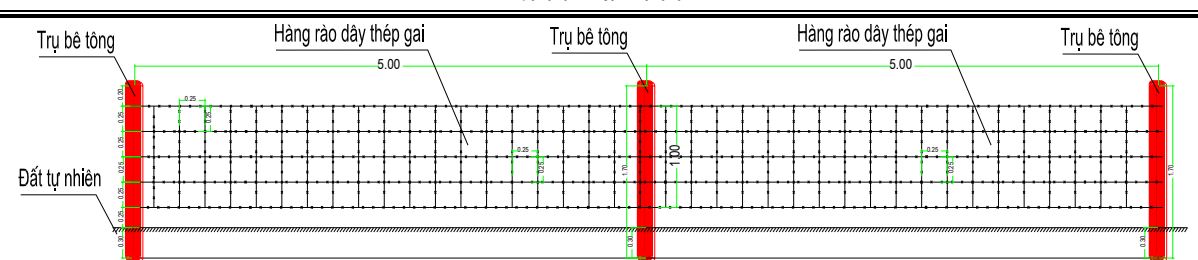
Qua thực tế tại các mỏ đang hoạt động cho thấy khối lượng đá treo trên các sườn tầng cần phải bóc bỏ trên chiều dài taluy. Việc củng cố bờ mỏ trong đào phá đá treo được áp dụng bằng phương pháp thủ công để đảm bảo độ ổn định của bờ moong. Dùng máy khoan cầm tay, búa cần, xà beng cải tạo để đưa bờ mỏ trở về trạng thái ổn định. Trước khi cải tạo cần kiểm tra vách moong, công nhân được trang bị bảo hộ lao động, luôn có các kỹ thuật an toàn theo dõi trong quá trình trình thực hiện.. Để thuận lợi và an toàn cho hoạt động khai thác thì công việc này được tiến hành song song trong giai đoạn khai thác, khai thác đến đâu bóc bỏ đá treo đến đó.

##### ***b. Lập biển báo xung quanh moong***

Sau khi kết thúc khai thác thực hiện xây dựng hàng rào dây thép gai xung quanh khu vực moong khai thác gồm 123 cột trụ bê tông (chiều cao mỗi cột trụ là 1,7m, khoảng cách giữa các cột trụ 2m), lắp đặt 41 biển báo xung quanh moong gắn với hàng rào thép gai (biển báo hình chữ nhật kích thước 0,6m x 1,0m, ghi nội dung cảnh báo nguy hiểm), mỗi biển báo được gắn trên cột trụ bê tông cốt thép (kích thước: rộng 0,15m x dày 0,15m x dài 2,7m). Lập hàng rào dây thép gai xung quanh moong để bảo vệ cây trồng, đảm bảo an toàn cho người và gia súc khi đi qua khu vực. Các dây thép gai phương ngang được buộc vào giữa 2 cột (các cột của biển báo), khoảng cách giữa các dây thép ngang 25cm, dây thép chiều dọc song song với cột bê tông khoảng cách 25cm được liên kết với dây thép ngang bằng cách dùng dây thép để buộc lại.

## **Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*



**Hình 3.13. Mặt cắt dọc hàng rào dây thép gai**

### **c. Công tác tạo hệ thống thoát nước cho đáy moong**

Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước cho đáy moong. Rãnh thoát nước có dạng hình thang kích thước 50 x 30 x 70cm, chiều dài 665m. Rãnh thoát nước dưới đáy moong được nối vào hồ lắng sau đó dẫn ra mương thoát nước của khu vực và chảy về hồ Đập Tây.

### **d. Công tác san gạt moong khai thác**

Tiến hành đổ đất, san gạt đáy moong tại cosd +20m với diện tích 23.400m<sup>2</sup>, đất dùng cho phục hồi môi trường tại đáy moong được lấy từ bãi chứa đất bóc tầng phủ của mỏ. Tiến hành trồng cây đáy moong: Diện tích cần phải trồng là 2,27 ha, mật độ trồng 2.324 cây/ha (bao gồm 1.660 cây/ha và tỷ lệ trồng dặm 40% mật độ cây trồng (tỷ lệ này được trồng dặm trong thời gian 3 năm đầu chăm sóc cây), số cây phải trồng là 5.275 cây.

#### **3.9.1.2. Cải tạo phục hồi môi trường khu vực bãi thải**

Khu vực bãi thải nằm trong khu vực mỏ (gần mốc số 1) với diện tích 4.000m<sup>2</sup>, kết thúc khai thác lượng đất thải được tận dụng để phục vụ cải tạo phục hồi môi trường. Nội dung phục hồi môi trường khu vực bãi thải bao gồm: phá dỡ đê ở bãi thải; chõ đất ra moong khai thác để trả lại mặt bằng cho bãi thải; san gạt tạo mặt bằng cho bãi thải; trồng cây khu vực bãi thải.

#### **3.9.1.3. Công tác cải tạo phục hồi môi trường mặt bằng sân công nghiệp**

Công tác cải tạo, phục hồi môi trường mặt bằng sân công nghiệp, khu vực phụ trợ, bao gồm: tháo dỡ các công trình phụ trợ; san gạt tạo mặt bằng, phủ đất màu, trồng cây.

##### **a. Phá dỡ công trình phụ trợ**

Diện tích sân công nghiệp bố trí các hạng mục công trình xây dựng. Đối với các hạng mục, phương án cải tạo phục hồi như sau:

- Đối với các hạng mục công trình ở khu vực sân công nghiệp, khối văn phòng sẽ được tháo dỡ hết các trang thiết bị, dự án hạ tầng phía trên và bóc gỡ lớp bê tông cứng dưới mặt đất, san gạt mặt bằng, cày xới lớp đất tối xốp trên bề mặt toàn bộ khu vực chế biến và trồng cây.

- Xây dựng, sửa chữa lại hệ thống rãnh thoát nước đầu nối với rãnh thoát nước đáy moong khai thác trước khi đổ ra nguồn tiếp nhận.

### **Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

#### **b. San gạt tạo mặt bằng và trồng cây**

- Sau khi đã tháo dỡ các công trình phụ trợ, vận chuyển vật liệu đến nơi quy định trả lại mặt bằng sản công nghiệp, bãi thải, khu văn phòng. Tiến hành cày xới tạo mặt bằng để trồng cây, tạo độ dốc của mặt bằng sau san gạt 1 – 2% để bảo đảm thoát nước.

- Đối với khu vực phụ trợ trước khi xây dựng vẫn ở trên nền đất dày trung bình 2m. Do đó sau khi phá dỡ thì tiến hành san gạt xới lớp đất với chiều dày 0,1m để trồng cây keo lá tràm, mật độ trồng 1.660cây/ha.

- Diện tích khu phụ trợ cần phải trồng cây là 1,34ha, mật độ trồng 2.324cây/ha (bao gồm tỷ lệ trồng dặm trong 3 năm khoảng 40%), số cây trồng là  $1,34 \times 2.324$  cây/ha = 3.114 cây.

#### **3.9.1.4. Cải tạo phục hồi môi trường các hạng mục ngoài dự án**

Duy tu, phục hồi tuyến đường dân sinh gần khu vực dự án (đường bê tông dài 133m, rộng 6,0m). Trồng cây 02 bên tuyến đường (tổng chiều dài 133m, trồng 02 hàng cây hai bên, mỗi cây cách nhau 0,5m) với số lượng là 532 cây.

#### **3.9.2. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường**

##### **3.9.2.1. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường**

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ là 1.709.504.000 đồng, (Một tỷ bảy trăm linh chín triệu năm trăm linh tư nghìn đồng). Tính đến tháng 4 năm 2024, Hợp tác xã Đức Quang đã nộp tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh với tổng số tiền là: 809.381.000 đồng. Vì vậy số tiền ký quỹ còn lại là: 900.123.000 đồng (*Chín trăm triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng*).

- Số lần còn lại phải ký quỹ: 16 lần.

- Thời gian ký quỹ: mỗi năm 1 lần; thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Số tiền ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường mỗi năm: 56.258.000 đồng (*Năm sáu triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

##### **3.9.2.2. Đơn vị nhận ký quỹ**

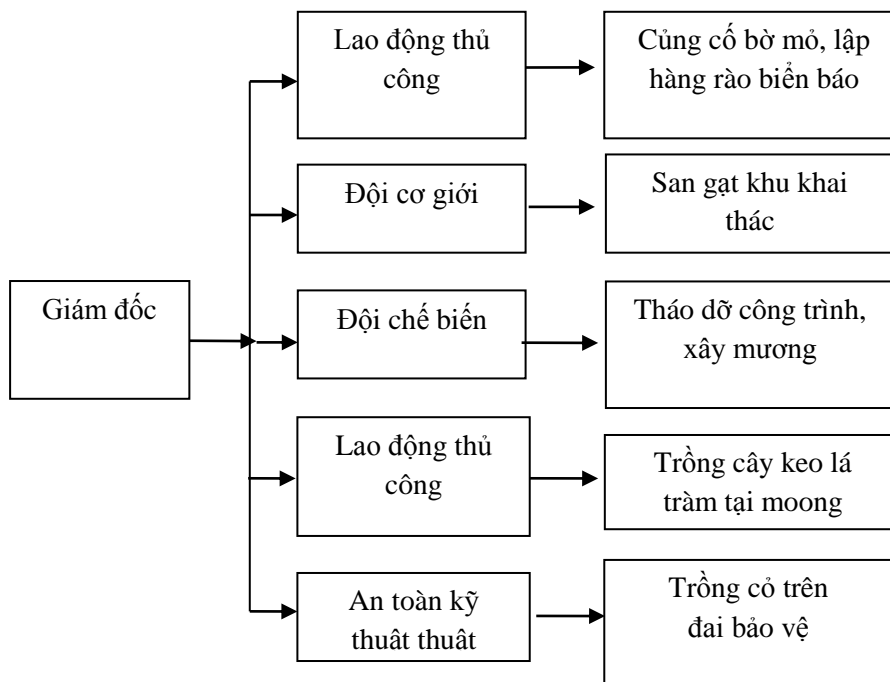
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh. Số tài khoản 1327040700777777 tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hà Tĩnh.

#### **3.9.3. Kế hoạch thực hiện**

##### **3.9.3.1 Tổ chức quản lý cải tạo, phục hồi môi trường**

Sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường như sau:





**Hình 3. 14. Sơ đồ tổ chức quản lý, cải tạo phục hồi môi trường**

**3.9.3.2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường**

- Kế hoạch thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường được tiến hành đồng thời trong quá trình khai thác và ngay sau khi kết thúc khai thác. Tiến độ cụ thể như sau:

**Bảng 3. 4. Bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường**

TT	Tên công trình	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành dự kiến
(1)	(3)		
<b>I</b>	<b>Khu vực khai thác</b>		
1.1.1	Cải tạo bờ moong, cạy gỡ đá treo	Sau kết thúc khai thác.	2 tháng
	Vận chuyển đất màu đổ đáy moong, san gạt		
	Trồng cây keo lá tràm đáy moong		
1.1.3	Lập biển báo, biển đỡ hàng rào	Sau kết thúc khai thác.	1 tháng
	Lập hàng rào thép gai		
1.1.4	Tạo mương thoát nước có chiều dài	Sau kết thúc khai thác.	1 tháng
	Khối lượng xây dựng mương thoát nước		

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**  
*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Thời gian hoàn thành dự kiến</b>
<b>II</b>	<b>Khu vực phụ trợ</b>		
2.1	Phá dỡ tường đá	Sau kết thúc khai thác.	1 tháng
2.2	Phá dỡ tường gạch		
2.3	Phá dỡ nền bê tông nền		
2.4	Phá dỡ bê tông có cốt thép		
2.5	Phá dỡ bê tông không cốt thép		
2.6	Phá dỡ gạch lát nền		
2.7	Tháo dỡ cửa		
2.8	Tháo dỡ mái tôn		
2.9	Tháo dỡ trần		
2.10	Phá dỡ nền xi măng		
2.11	Tháo dỡ ván sàn		
2.12	Tháo dỡ kết cấu sắt thép		
2.2	Vận chuyển đá vật liệu phụ trợ		
2.3	San gạt mặt bằng sân công nghiệp		
<b>III</b>	<b>Chi phí cải tạo ngoài biên giới mỏ</b>		
3.1	Cải tạo đường, trồng cây 02 bên đường	Sau kết thúc khai thác.	1 tháng
	<b>Tổng thời gian cải tạo PHMT</b>		<b>06 tháng</b>

**3.9.3.3. Kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

- Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã và đang thực hiện bao gồm:

+ Bạt sửa mái taluy moong khai thác, cạy gỡ đá nguy hiểm trên vách moong.

+ Thực hiện duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển hàng năm.

+ Tưới ẩm giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra đường bê tông liên thôn vào các ngày nắng nóng.

+ Vệ sinh, quét dọn tuyến đường bê tông liên thôn khi có đất đá rơi vãi.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

+ Nạo vét mương thoát nước, hồ lắng định kỳ nhằm đảm bảo thoát nước cho khu vực.

+ Trồng cây xanh: Hiện tại, chủ dự án đã thực hiện trồng cây xanh tại các khu vực trong bãi chế biến, nhà văn phòng nhằm tạo cảnh quan môi trường, giảm khả năng lan truyền bụi, khí thải. Hạn chế rửa trôi, xói mòn đất do mưa lũ.

## **Chương IV**

### **NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

#### **4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:**

##### **4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại mỏ.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa bánh xe.
- Nguồn số 03: Nước mưa chảy tràn tại khai trường và khu vực sân công nghiệp.

##### **4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:**

- Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt tối đa:  $1,92\text{m}^3/\text{ngày.đêm} \sim 0,08\text{m}^3/\text{h}$ .
- Lưu lượng nước xịt rửa xe xả thải tối đa khoảng  $1\text{m}^3/\text{ngày} \sim 0,042\text{m}^3/\text{h}$ .
- Lưu lượng xả nước mưa chảy tràn tối đa  $259,1\text{m}^3/\text{h}$ .

##### **4.1.3. Dòng nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ khu nhà vệ sinh sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn đặt ngầm dưới công trình được dẫn cùng với nước thải từ quá trình rửa tay chân, nhà ăn vào bể lắng lọc 2 ngăn để xử lý. Sau đó dẫn ra mương thoát nước của khu vực bằng đường ống PVC D110 và chảy vào hồ Đập Tây.

- Nước thải từ quá trình xịt rửa bánh xe: Được thu gom dẫn vào bể tách dầu mỡ 03 ngăn để xử lý trước khi dẫn vào mương thoát nước của khu vực bãi chế biến bằng đường ống PVC D110mm (dài 8m).

- Nước mưa chảy tràn tại khai trường và khu vực sân công nghiệp: Được thu gom dẫn về hồ lắng để xử lý trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận bằng ống BTCT D800 (dài 10m).

##### **4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:**

###### *a. Nước thải sinh hoạt*

- Các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép: pH, BOD<sub>5</sub> (20°C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Sunfua (S<sup>2-</sup>), Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Coliform.

- Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh: Nước thải sau xử lý đạt các giá trị  $C_{Max}$  (Cột B,  $K=1,2$ ), QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Trong đó:

$C_{max}$ : Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả nguồn tiếp nhận nước thải.

C: Là giá trị của thông số ô nhiễm quy định tại Bảng 1 mục 2.2 của QCVN QCVN 14:2008/BTNMT.

K: Là hệ số tính tới quy mô, loại hình dự án dịch vụ, dự án công cộng và chung cư quy định tại mục 2.3 QCVN 14:2008/BTNMT. Đối với loại hình dự án sản xuất dưới 500 người thì  $K = 1,2$ .

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm dự án tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (hồ Đập Tây là nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án).

Như vậy, nước thải của dự án trước khi trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận phải thấp hơn hoặc bằng giá trị  $C_{max}$  ở bảng sau:

**Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt**

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)	$C_{max}$ (Cột B, $K=1,2$ )
1	pH	Thang pH	5-9	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	120
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1000	1.200
5	Sunfua	mg/l	4.0	4,8
6	Amoni	mg/l	10	12
7	Nitrat	mg/l	50	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	24
9	Tổng các chất HDBM	mg/l	10	12
10	Photphat	mg/l	10	12
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5000	5000

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

**b. Nước xịt rửa xe**

- Các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng, Pb, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Sắt, Mangan, Tổng Coliform.

- Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm: So sánh với QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_q = 0,6$ ,  $K_f = 1,2$ , Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, trong đó:

$C_{max}$ : Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả nguồn tiếp nhận nước thải.

C: Là giá trị của thông số ô nhiễm quy định tại Bảng 1 mục 2.2 của QCVN 40:2011/BTNMT.

$K_q$ : Là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại Mục 2.3, nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là hồ Đập Tây nên áp dụng hệ số  $K_q = 0,6$ .

$K_f$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại Mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các dự án công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. Với lưu lượng nguồn thải  $\leq 50m^3/24h$  thì  $K_f = 1,2$ .

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Như vậy, nước thải của dự án trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận phải thấp hơn hoặc bằng giá trị  $C_{max}$  ở bảng sau:

**Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước thải công nghiệp**

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	$C_{max}$ (Cột B, $K_q=0,6$ , $K_f=1,2$ )
1	pH	Thang pH	5,5-9	5,5– 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50	36
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	100	72
4	COD	mg/l	150	108
5	Chì (Pb)	mg/l	0,5	0,36
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	7,2
7	Tổng Nitơ	mg/l	40	28,8
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6	4,32
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	7,2
10	Sắt (Fe)	mg/l	5	3,6

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

11	Mangan	mg/l	1	0,72
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	5000	5000

*c. Nước mưa chảy tràn tại khai trường và khu vực sân công nghiệp*

- Các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng, Pb, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Sắt, Mangan, Tổng Coliform.

- Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm: So sánh với QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_q = 0,6$ ,  $K_f = 0,9$ , Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, trong đó:

$C_{max}$ : Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả nguồn tiếp nhận nước thải.

C: Là giá trị của thông số ô nhiễm quy định tại Bảng 1 mục 2.2 của QCVN 40:2011/BTNMT.

$K_q$ : Là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại Mục 2.3, nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là hồ Đập Tây nên áp dụng hệ số  $K_q=0,6$ .

$K_f$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại Mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các dự án công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. Với lưu lượng nguồn thải  $> 5000m^3/24h$  thì  $K_f=0,9$ .

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Như vậy, nước thải của dự án trước khi trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận phải thấp hơn hoặc bằng giá trị  $C_{max}$  ở bảng sau:

**Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước mưa chảy tràn**

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	$C_{max}$ (Cột B, $K_q=0,6$ , $K_f=0,9$ )
1	pH	Thang pH	5,5-9	5,5– 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50	27
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	100	54
4	COD	mg/l	150	81
5	Chì (Pb)	mg/l	0,5	0,27
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	5,4
7	Tổng Nitơ	mg/l	40	21,6
8	Tổng phốt pho (tính theo	mg/l	6	3,24

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

	P)			
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	5,4
10	Sắt (Fe)	mg/l	5	2,7
11	Mangan	mg/l	1	0,54
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	5000	5000

**4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

*a. Nước thải sinh hoạt*

- Vị trí xả thải nước thải sinh hoạt: Tại mương thoát nước cạnh tuyến đường vào mỏ. Tọa độ điểm xả thải: X: 2016766; Y: 571982 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Phương thức xả thải: Nước thải từ quá trình đào thải của cán bộ công nhân được thu gom vào bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Sau đó cùng với nước thải từ hoạt động tắm giặt, rửa tay chân và từ khu vực nhà ăn dẫn vào bể lắng lọc 2 ngăn. Sau đó thoát theo ống PVC D110 chảy ra mương thoát nước của khu vực rồi chảy vào nguồn tiếp nhận là hồ Đập Tây theo phương thức tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn vào các thời điểm trong ngày.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép (QCVN 14:2008, cột B, K=1,2) đổ ra mương thoát nước khu vực và chảy vào hồ Đập Tây. Tọa độ điểm tiếp nhận: X: 2016265; Y: 572133 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

*b. Nước xít rửa xe*

- Vị trí xả thải nước thải công nghiệp: 01 vị trí xả thải tại ống thoát nước thải công nghiệp PVC D110 sau bể lắng lọc, tách dầu mỡ. Tọa độ điểm xả thải: X: 2016796; Y: 572044 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Phương thức xả thải: nước thải sau khi xử lý tại bể lắng lọc và tách dầu mỡ (để xử lý lắng lọc và tách dầu mỡ) được chảy vào mương thoát nước của khu vực sân công nghiệp bằng đường ống PVC D110 dài 8m; sau đó chảy vào hồ lắng của mỏ và thoát ra nguồn tiếp nhận là hồ Đập Tây theo phương thức tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn vào các thời điểm trong ngày.



**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_q = 0,6$ ,  $K_f = 1,2$ ) đổ ra mương thoát nước khu vực và chảy vào hồ Đập Tây. Tọa độ điểm tiếp nhận: X: 2016265; Y: 572133 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^030'$ , múi chiếu  $3^0$ ).

*c. Nước mưa chảy tràn qua khai trường và khu vực sản công nghiệp*

- Vị trí xả thải nước mưa chảy tràn qua khai trường và khu vực sản công nghiệp: 01 vị trí xả thải tại cống BTCT D800 sau hồ lắng. Tọa độ điểm xả thải: X: 2016769; Y: 572194 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^030'$ , múi chiếu  $3^0$ ).

- Phương thức xả thải: Nước mưa chảy tràn sau khi xử lý tại hồ lắng được chảy vào đường ống BTCT D800 dài 7,5m; sau đó chảy ra mương thoát nước của khu vực và chảy vào nguồn tiếp nhận là hồ Đập Tây theo phương thức tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn vào thời điểm có mưa lớn.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_q = 0,6$ ,  $K_f = 0,9$ ) đổ ra mương thoát nước khu vực vào mỏ và chảy vào hồ Đập Tây. Tọa độ điểm tiếp nhận: X: 2016265; Y: 572133 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^030'$ , múi chiếu  $3^0$ ).

**4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:**

+ Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Tiếng ồn do các thiết bị cơ giới làm việc tại moong khai thác.

- Tiếng ồn do quá trình khoan lỗ mìn và bắn mìn.

- Tiếng ồn phát sinh tại khu vực chế biến

+ Nguồn phát sinh độ rung:

- Do các thiết bị cơ giới làm việc tại moong khai thác.

- Do hoạt động nổ mìn.

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

**Bảng 4. 4. Thông số và giới hạn của tiếng ồn và độ rung**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất	Ghi chú
1	85	85	Tối thiểu 1 lần/năm	Vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

2	65	65	Tối thiểu 1 lần/năm	Khu vực văn phòng.
---	----	----	---------------------	--------------------

**4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải:**

Đặc thù hoạt động của dự án là phát sinh các nguồn bụi, khí thải phân tán trong quá trình hoạt động khai thác, chế biến đá của mỏ, gồm: Bụi phát sinh từ hoạt động khai thác khu vực khai trường (bao gồm các hoạt động khoan lỗ mìn, nổ mìn, phá đá quá cỡ, xúc bốc, vận chuyển..); bụi phát sinh từ hoạt động chế biến, nghiền đá xây dựng khu vực sản công nghiệp; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đá nguyên liệu từ khu vực khai trường đến khu vực chế biến, nghiền đá xây dựng và vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ. Dự án không có dòng thải cố định nên không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải.

## Chương V

### KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

#### 5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

##### 5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cụ thể như sau:

**Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm CTXLCT**

TT	Hạng mục	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	
		Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt	01/06/2024	01/09/2024

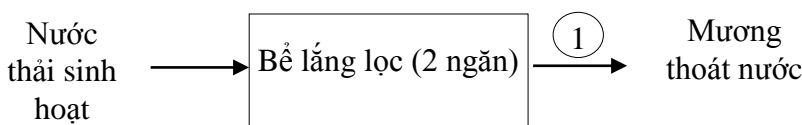
- Công suất dự kiến đạt được của Dự án tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm là công suất tối đa của Dự án.

##### 5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này (dự án quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Trên dự án đó, chủ đầu tư lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

##### a. Kế hoạch quan trắc nước thải sinh hoạt

- Thời gian thực hiện: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.



**Hình 6. 1. Sơ đồ vị trí lấy mẫu nước thải sinh hoạt**

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

- Vị trí 01 (nước thải đầu ra) tọa độ: X: 2016766; Y: 571982 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

**Bảng 6. 2. Kế hoạch lấy mẫu dự kiến trong giai đoạn VHTN CTXLNT**

STT	Thời gian lấy mẫu	Thông số quan trắc	Loại mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	15/08/2023	pH; BOD <sub>5</sub> (20 °C); TSS, TDS; Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )(tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P); tổng các chất hoạt động bề mặt; Coliform.	Mẫu đơn	Vị trí 01 (01 mẫu)
2	16/08/2023		Mẫu đơn	Vị trí 01 (01 mẫu)
3	17/08/2023		Mẫu đơn	Vị trí 01 (01 mẫu)

- Quy chuẩn so sánh: So sánh với QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B, K = 1,2.

**b. Tổ chức dự kiến phối hợp thực hiện lấy mẫu chất thải**

Hợp tác xã Đức Quang sẽ phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Hà Tĩnh (đơn vị tư vấn) và Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam (đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu) sẽ tiến hành lấy, phân tích mẫu và đánh giá kết quả chất lượng chất thải.

Thông tin đơn vị phối hợp thực hiện lấy mẫu:

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam;
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214, đường Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội;
- Điện thoại: 0936175507;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc của Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam: VIMCETS 269;
- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 số hiệu VILAS 1349.

**5.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật**

**5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

- *Quan trắc nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp:*

Theo quy định tại Điều 111 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và theo Quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động quan trắc nước thải, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

nhiễm môi trường, phát sinh nước thải dưới 500m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) thì không phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ. Như vậy, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

## Chương VI

### CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Hợp tác xã Đức Quang cam kết:

- Các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nhằm bảo đảm đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;  
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến dự án;

4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của dự án gây nên;

5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình làm việc;

6. Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp sau để xử lý:

- Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;

- Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng;

- Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;

- Chịu mọi trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố môi trường.

7. Tuân thủ các quy chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:**

*Điều chỉnh, nâng công suất mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

8. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của chính phủ.

9. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ công khai giấy phép môi trường và cung cấp thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

**PHỤ LỤC 1:**  
**CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN**



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Số: 3000345786

Đăng ký lần đầu, ngày 19 tháng 7 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 23 tháng 6 năm 2021

**1. Tên hợp tác xã**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên hợp tác xã viết tắt: HTX ĐỨC QUANG

**2. Địa chỉ trụ sở chính:** Thôn Quang Trung, Xã Kỳ Xuân, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Điện thoại: 0966487274 Fax:

Email: ducquanghtx@gmail.com Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810 (chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
4	Bán buôn tổng hợp	4690
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
7	Xây dựng công trình thủy	4291

**4. Vốn điều lệ:** 12.000.000.000 (Mười hai tỷ đồng)

**5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã**

Họ và tên : TRẦN VĂN VIỆT Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1967 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183116380

Ngày cấp: 22/12/2014 Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 45 - đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du,  
Thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh, Việt Nam  
Chỗ ở hiện tại: số 45 - đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Hà Tĩnh,  
Hà Tĩnh, Việt Nam

TRƯỜNG PHÒNG  
CÔNG HÒA VIỆT NAM  
PHÒNG  
TÀI CHÍNH  
KẾ HOẠCH  
HUY ANH T. HÀ TĨNH  
Nguyễn Văn Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2545/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 8 năm 2013

**BẢN SAO**

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng trong  
“Báo cáo thăm dò khoáng sản tại khu vực Khe Lài,  
xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh”  
(Trữ lượng tính đến ngày 10/6/2013)

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 810/UBND - CN<sub>1</sub> ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh cấp cho Hợp tác xã Đức Quang - xã Kỳ Xuân thăm dò mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1871/STNMT-KS ngày 08/8/2013 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng trong Báo cáo thăm dò khoáng sản đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh (kèm theo Biên bản thẩm định đề án thăm dò khoáng sản ngày 07/7/2013 của Hội đồng xét duyệt đề án thăm dò mỏ đá xây dựng tại Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh),

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá xây dựng trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh” như sau:

1.1. Các khoáng sản chính (đá xây dựng):

Tổng trữ lượng cấp 121+122:	1.867.129 m <sup>3</sup> ;
Trong đó:	
- Cấp 121:	1.091.273 m <sup>3</sup> ;
- Cấp 122:	775.856 m <sup>3</sup> .

1.2. Các khoáng sản đi kèm:

- Đất san lấp:	133.980 m <sup>3</sup> .
----------------	--------------------------

**Điều 2.** Các tài liệu của Báo cáo được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Trong quá trình khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản cần xem xét các ý kiến kết luận của Hội nghị thẩm định Báo cáo thăm dò khoáng sản.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ nhiệm Hợp tác xã Đức Quang - xã Kỳ Xuân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CN<sub>1</sub>.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Kỳ

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHỮ  
Số chứng thực..... quyền số..... SC 7/18

17-03-2021

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THÀNH SƠN  
CÔNG CHỨNG VIÊN



Phan Quốc Mạnh

Số: 734/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 02 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh”

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP; Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh” họp ngày 04/12/2013 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 04/CV-HTX ngày 20/01/2014 của Hợp tác xã Đức Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 251/TTr-TNMT ngày 23/01/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án “Đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh” được lập bởi Hợp tác xã Đức Quang (sau đây gọi là Chủ Dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của Dự án: Khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh với tổng diện tích sử dụng đất: 5,84 ha, bao gồm:

- Khu vực khai trường: 4,50 ha;

- Khu vực phụ trợ: 1,34 ha, bao gồm: Nhà văn phòng, sân công nghiệp và các công trình phụ trợ khác.

2. Công suất khai thác: 70.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm.

**Điều 2.** Phê duyệt nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh” của Hợp tác xã Đức Quang với các nội dung chủ yếu sau:

a. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

- Đối với khu vực khai trường: Cải tạo, gia cố bờ moong chống trượt lở, san gạt mặt bằng đáy mỏ, đổ đất dày 0,7m, trồng cây keo lá tràm với mật độ 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm trong 3 năm, làm rãnh thoát nước xung quanh đáy mỏ, xây dựng hàng rào thép gai và cắm biển báo nguy hiểm xung quanh bờ moong;

- Đối với khu vực phụ trợ: Tháo dỡ các công trình đã xây dựng trong quá trình thực hiện dự án, tiến hành san gạt, cày xới đất, trồng cây keo lá tràm với mật độ 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm trong 3 năm;

- Cải tạo một số hạng mục khác theo nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt: tiến hành nạo vét, gia cố hồ lắng; cải tạo tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra đường liên thôn.

b. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 1.412.190.000 đồng.

Trong đó: Số tiền đã ký quỹ đối với phần diện tích đã khai thác: 34.125.000 đồng; số tiền còn phải ký quỹ: 1.378.065.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm bảy mươi tám triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

- Số lần ký quỹ: 30 lần (mỗi năm 01 lần)

+ Lần 1, số tiền: 177.697.000 đồng, thực hiện trước khi tiến hành hoạt động khai thác 30 ngày.

+ Việc ký quỹ 29 lần tiếp theo (từ lần thứ 2 đến lần thứ 30) phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 các năm tiếp theo, với số tiền mỗi lần là 41.392.000 đồng;

- Địa chỉ ký quỹ: Tài khoản số 3700201004222 thuộc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Tĩnh.

**Điều 3.** Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Chủ Dự án:

1. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, công suất, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Trong quá trình thực hiện dự án phải tuân thủ đúng các phương án thiết kế khai thác và quy hoạch đã được phê duyệt; xây lắp đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường; áp dụng các giải pháp kỹ thuật và biện pháp hành chính đã nêu trong Báo cáo ĐTM, Đề án cải tạo, phục hồi môi trường để giảm thiểu xuống mức thấp nhất ô nhiễm môi trường không khí, nước mặt, nước ngầm khu vực dự án; tuân thủ nghiêm ngặt các chỉ tiêu về tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải đảm bảo trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia hiện hành;

2. Tiến hành trồng cây xanh tại các khu đất trống thích hợp (đọc đường vận tải nội mỏ và khu vực phụ trợ) nhằm tạo cảnh quan môi trường, giảm khả năng lan truyền bụi, khí thải; hạn chế rửa trôi, xói mòn đất do mưa lũ;

3. Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại trong suốt quá trình thực hiện dự án;

4. Xây dựng hệ thống thoát nước, mương, hồ lắng để thu gom và xử lý tất cả các loại nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn, đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn nước và bồi lấp khe suối xung quanh khu vực dự án;

5. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên, an toàn lao động, an toàn phòng, chống cháy nổ; đảm bảo an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp theo đúng quy định tại QCVN 02:2008/BCT của Bộ Công Thương; đồng thời đảm bảo an toàn cho người, gia súc đi lại xung quanh khu vực khai thác mỏ trong suốt quá trình hoạt động của mỏ. Trước khi tiến hành xây dựng kho vật liệu nổ công nghiệp phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định;

6. Xây dựng phương án cụ thể và chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố để bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình trên khai trường và khu vực sản công nghiệp; thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống cháy rừng đối với diện tích rừng xung quanh khu vực dự án;

7. Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo ĐTM và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để theo dõi kiểm tra và định kỳ báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường (6 tháng/lần) theo đúng quy định;

8. Thực hiện duy tu, bảo trì các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo Đề án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt.

#### **Điều 4. Chủ Dự án có các trách nhiệm sau:**

1. Trước khi triển khai hoạt động khai thác phải lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án tại trụ sở UBND xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh;

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

3. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu;

4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho

cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý;

5. Báo cáo tình hình thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hằng năm;

6. Sau khi đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường, phải lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án cải tạo phục hồi môi trường để đề nghị xác nhận việc hoàn thành các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

**Điều 5.** Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi về nội dung của Báo cáo ĐTM hoặc Đề án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 6.** Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh” là căn cứ để cấp có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; nội dung Báo cáo ĐTM, Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường của Chủ Dự án.

**Điều 7.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp UBND huyện Kỳ Anh, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trong Báo cáo ĐTM, Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và các yêu cầu tại Quyết định này. Nếu Chủ Dự án vi phạm một trong các yêu cầu nêu trên thì kịp thời tham mưu UBND tỉnh đình chỉ việc thực hiện dự án, buộc bồi hoàn các chi phí, thiệt hại liên quan do vi phạm gây ra theo quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Kỳ Anh, Chủ tịch UBND xã Kỳ Xuân, Chủ nhiệm Hợp tác xã Đức Quang (Chủ Dự án) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN<sub>2</sub>, NL<sub>1</sub>;
- Gửi: Bản giấy và điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn



Số: 2308 /GP-UBND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 8 năm 2014

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng trong “Báo cáo thăm dò khoáng sản đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”;

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 08/02/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo phục hồi môi trường của “Dự án đầu tư khai thác, chế biến đá xây dựng khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000274 ngày 16/4/2014 do UBND tỉnh cấp cho Hợp tác xã Đức Quang;

Xét Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày 21/4/2014 của Hợp tác xã Đức Quang;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1540/STNMT-KS ngày 05/6/2014 (kèm theo hồ sơ) về việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh cho Hợp tác xã Đức Quang,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Hợp tác xã Đức Quang khai thác đá xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

Diện tích khu vực khai thác: 4,5ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 6 có toạ độ xác định theo Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác: +20m;

Trữ lượng đá xây dựng:

- Trữ lượng địa chất: 1.867.129m<sup>3</sup>;

- Trữ lượng khai thác: 1.381.418m<sup>3</sup>;

Trữ lượng đất san lấp: 133.980m<sup>3</sup>;

Công suất khai thác: 70.000m<sup>3</sup>/năm;

Thời hạn khai thác: Đến hết năm 2020 (theo mốc Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung khu vực thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt; đến thời hạn trên, UBND tỉnh sẽ xem xét việc gia hạn cho đơn vị theo Dự án đầu tư đã được phê duyệt).

**Điều 2.** Hợp tác xã Đức Quang có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng chẵn – Theo Thông tư số 129/2011/TT-BTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tài chính).

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Theo phụ lục số 3 của Giấy phép này.

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ đá xây dựng theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Bản cam kết bảo vệ môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến khoáng sản phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Hợp tác xã Đức Quang chỉ được phép tiến hành hoạt động khai thác đá xây dựng sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng hồ sơ thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định.

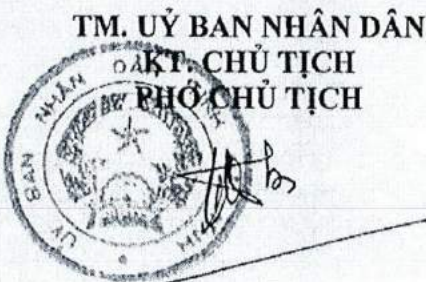
**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND huyện Kỳ Anh, Chủ tịch UBND xã Kỳ Xuân và Chủ nhiệm Hợp tác xã Đức Quang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Công an tỉnh;
- Lưu: VT, CN<sub>1</sub>;
- Gửi VB giấy và điện tử.

*TM*



**Lê Đình Sơn**

Giấy phép khai thác khoáng sản này được đăng ký  
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường

Số đăng ký: 3.3... ĐK/KT

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 8 năm 2014

GIÁM ĐỐC  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



*Vũ Bá Đình*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

Phụ lục số 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC ĐÁ XÂY DỰNG TẠI KHU VỰC  
KHE LÀI, XÃ KỶ XUÂN, HUYỆN KỶ ANH**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308 /GP-UBND  
ngày 13 / 8 /2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN – 2000 (Kinh tuyến trực 105 <sup>0</sup> 30' múi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
	X (m)	Y (m)
1	2016756	572236
2	2016876	572147
3	2016913	572196
4	2016982	572145
5	2017073	572266
6	2016884	572406
	Diện tích: 4,5ha	

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*[Chữ ký]*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH



Phụ lục số 3

**THỜI ĐIỂM THU, MỨC THU  
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND  
ngày 13/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Tổng số tiền phải nộp: 6.500.130.000 đồng (Sáu tỷ, năm trăm triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng)
2. Số tiền nộp hàng năm: 433.342.000 đồng; nộp lần đầu trước thời điểm cấp Giấy phép khai thác; những lần sau nộp trước ngày 31/3 hàng năm.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'DM', is written over a horizontal line.

**SẢN LƯỢNG KHAI THÁC HÀNG NĂM VÀ ĐỊA CHỈ  
TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND  
ngày 13/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Năm	Công suất khai thác (m <sup>3</sup> /năm)	Sản phẩm sau chế biến	Địa chỉ chế biến, tiêu thụ sản phẩm	Ghi chú
1	Năm 2014	Cấm mốc giới phạm vi khai thác; lập và phê duyệt thiết kế mỏ; thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất; xây dựng cơ bản mỏ...			
2	Năm 2015	63.000 m <sup>3</sup> /năm	Đá các loại (đá học, đá xay)	- Chế biến: Xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh - Tiêu thụ: địa bàn huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận	(90%)
3	Năm 2016 Trở đi	70.000 m <sup>3</sup> /năm	Đá các loại (đá học, đá xay)	- Chế biến: Xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh - Tiêu thụ: địa bàn huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận	(100%)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 443/GP-UBND.

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 12 năm 2020

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
(GIA HẠN)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 06/02/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung phân vùng thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Quyết định số 3506/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng trong "Báo cáo thăm dò khoáng sản tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh";

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh cấp cho Hợp tác xã Đức Quang để khai thác mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4296/STNMT-KS ngày 08/12/2020 và Văn bản số 4451/STNMT-KS ngày 18/12/2020 (kèm Đơn ngày 12/10/2020 và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Hợp tác xã Đức Quang; Biên bản làm việc ngày 27/10/2020 giữa các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Cục Thuế tỉnh, UBND xã Kỳ Xuân và HTX Đức Quang; Biên bản làm việc ngày 17/12/2020 giữa các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Xây dựng,

Công Thương, UBND huyện Kỳ Anh, UBND xã Kỳ Xuân và HTX Đức Quang).

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND ngày 13/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh để Hợp tác xã Đức Quang được tiếp tục khai thác khoáng sản tại mỏ đá xây dựng khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác: 4,5ha.
2. Trữ lượng khai thác còn lại: 1.310.004m<sup>3</sup>.
3. Thời hạn tiếp tục khai thác: 20 năm.

**Điều 2.** Hợp tác xã Đức Quang có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng) theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định.

2. Tiếp tục thực hiện khai thác trữ lượng còn lại theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND ngày 13/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND ngày 13/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết thúc khai thác, thực hiện đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND ngày 13/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kỳ Xuân; Giám đốc Hợp tác xã Đức Quang và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐC và KS Việt Nam (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Công thương, KH và ĐT;
- Phó VP Phạm Xuân Phú;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, NL<sub>1</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Sơn**



**HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỐ: 28/2021/HDTĐ

**HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh về việc cho phép gia hạn sử dụng để sử dụng vào mục đích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm;

Hôm nay, ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà

Tĩnh, chúng tôi gồm:

**1- BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A)**

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh.

Ông: *Hồ Huy Thành*

Chức vụ: *Giám đốc*

Trụ sở: số 12A, đường Võ Liêm Sơn, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

**2- BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B)**

Đại diện: Hợp tác xã Đức Quang

Bà: *Lê Thị Bích Hoài*

Chức vụ: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Địa chỉ trụ sở chính: thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Số tài khoản: 19129987489999 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam chi nhánh thành phố Hà Tĩnh.

**3- HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:**

**Điều 1:** Bên A cho Bên B thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê là 30.566m<sup>2</sup> đất (*Ba mươi nghìn năm trăm sáu mươi sáu mét vuông đất*) tại khu vực núi Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh.



2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 01, 02 (thửa A, B, C) – tỷ lệ 1/5000 xã Kỳ Xuân, do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kỳ Anh trích lập ngày 22/9/2014.

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 28/12/2040.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (khai thác đá xây dựng 15.000m<sup>2</sup> đất, khu văn phòng 3.756m<sup>2</sup> đất và bãi chế biến 11.810m<sup>2</sup> đất).

**Điều 2:** Bên B có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất (được xác định theo Thông báo số 1118/TB-CTHTI ngày 27/5/2021 của Cục thuế Hà Tĩnh) là 1.500đồng/m<sup>2</sup>/năm (Một nghìn năm trăm đồng trên một mét vuông đất một năm). Đơn giá tiền thuê đất được ổn định kể từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/5/2026, hết thời hạn ổn định đơn giá tiền thuê đất nêu trên được xác định lại theo quy định hiện hành của Nhà nước tại thời điểm đó.

2. Tiền thuê đất: tính từ ngày 01/5/2021 (tính tiếp theo thời hạn thuê đất của kỳ trước, được quy đổi ra thời gian phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính). Đối với thời hạn thuê đất từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/4/2021, Bên B phải trả tiền thuê đất theo đơn giá 1.500đồng /m<sup>2</sup>/năm (áp dụng đơn giá theo Thông báo đơn giá thuê đất số 1118/TB-CTHTI ngày 27/5/2021 của Cục thuế Hà Tĩnh). Trường hợp trong thời gian trước ngày 30/4/2021, Bên B đã nộp tiền thuê đất theo đơn giá tạm thời do cơ quan thuế thông báo mà đơn giá đó cao hơn 1.500đồng/m<sup>2</sup>/năm thì đơn giá thuê đất trong thời gian đã nộp tiền thuê đất được áp dụng theo đơn giá tạm thời do cơ quan thuế đã thông báo.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền thuê đất được nộp hàng năm, mỗi năm 02 kỳ (Kỳ thứ nhất nộp tối thiểu 50% trước ngày 31/5, kỳ thứ hai trước ngày 31/10 hàng năm).

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước huyện Kỳ Anh.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

**Điều 3:** Việc sử dụng đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và phải tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có liên quan.

**Điều 4:** Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên A bảo đảm việc sử dụng đất của Bên B trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai; Trường hợp Bên B bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ

chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên B trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên B trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên A trả lời cho Bên B trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

**Điều 5:** Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
- Do đề nghị của một Bên hoặc các Bên tham gia Hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
- Bên B bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
- Bên B bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

**Điều 6:** Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 7:** Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

**Điều 8:** Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản, gửi Cục thuế Hà Tĩnh 01 bản, Kho bạc Nhà nước huyện Kỳ Anh 01 bản.

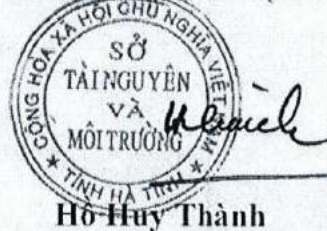
Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *ny*

**BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B)**



**Lê Thị Bích Hoài**

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A)** / *yl*



**Hồ Huy Thành**



## HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39 /2022/HĐTĐ

## HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất và cho thuê đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản;

Hôm nay, ngày 03 tháng 11 năm 2022, tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh, chúng tôi gồm:

### 1- BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A)

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh.

Ông: **Lê Ngọc Huân**

Chức vụ: **Giám đốc**

Trụ sở: số 12A, đường Võ Liêm Sơn, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

### 2- BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B)

Đại diện: Hợp tác xã Đức Quang.

Ông: **Trần Văn Việt**

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Số tài khoản: 1299912999 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Tĩnh.

### 3- HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:

**Điều 1:** Bên A cho Bên B thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê là 29.801,5m<sup>2</sup> đất (Hai mươi chín nghìn tám trăm linh một phẩy năm mét vuông đất) tại khu vực núi Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ Trích đo khu đất phục vụ thuê đất và chỉnh lý hồ sơ địa chính thuộc tờ bản đồ số 84 (ranh giới xác định



bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 7, 8) – tỷ lệ 1/2000 xã Kỳ Xuân, do Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Tĩnh lập ngày 18/11/2021.

3. Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày 10/10/2022 đến ngày 28/12/2040.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (Khai thác đá xây dựng).

**Điều 2:** Bên B có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất (được xác định theo thông báo số 2194/TB-CTHTI ngày 25/10/2022 của Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh) là 1.500đồng/m<sup>2</sup>/năm (Một nghìn năm trăm đồng trên một mét vuông đất trên một năm). Đơn giá tiền thuê đất được ổn định 5 (năm) năm kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày 01/10/2027, hết thời hạn ổn định đơn giá tiền thuê đất nêu trên được xác định lại theo quy định hiện hành của Nhà nước tại thời điểm đó.

2. Tiền thuê đất tính từ ngày 01/10/2022 (Căn cứ ngày ban hành Quyết định cho thuê đất số 2089/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh, được quy đổi ra thời gian phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3, Điều 7, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính).

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền thuê đất được nộp hằng năm, mỗi năm 02 kỳ (kỳ thứ nhất trước ngày 30/6, kỳ thứ hai trước ngày 30/11 hằng năm).

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước huyện Kỳ Anh.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

**Điều 3:** Việc sử dụng đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này và phải tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có liên quan.

**Điều 4:** Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên A bảo đảm việc sử dụng đất của Bên B trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng diện tích khu đất nêu trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Môi trường và các Luật có liên quan; Trường hợp Bên B bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên B trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên B trả lại toàn bộ hoặc một phần diện tích khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên A biết trước thời gian ít nhất là 06 tháng. Bên A trả lời cho Bên B trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

**Điều 5:** Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
- Do đề nghị của một Bên hoặc các Bên tham gia Hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
- Bên B bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
- Bên B bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

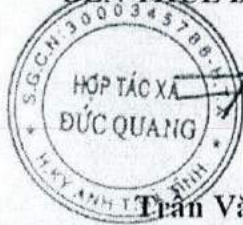
**Điều 6:** Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 7:** Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

**Điều 8:** Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản, gửi Cục thuế Hà Tĩnh 01 bản, Kho bạc Nhà nước huyện Kỳ Anh 01 bản.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B)**



Trần Văn Việt

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A)**



Lê Ngọc Huân



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Số: *138.0.01.8258*.....

Chứng nhận lần đầu: Ngày 16 tháng 4 năm 2014

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 10 tháng 5 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000274 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 16/4/2014;

Căn cứ Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Hợp tác xã Đức Quang tại Văn bản đề nghị điều chỉnh Dự án đầu tư đề ngày 03/01/2023; Báo cáo thẩm định ngày 05/5/2023 của Phòng Doanh nghiệp và Đầu tư (sau khi tổng hợp ý kiến của các Sở, ngành, địa phương liên quan); Hồ sơ điều chỉnh, bổ sung nộp tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh ngày 25/4/2023;

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HÀ TĨNH**

**Chứng nhận:**

Dự án “KHAİ THÁC VÀ CHÈ BIẾN ĐÁ XÂY DỰNG TẠI MỎ ĐÁ KHU VỰC KHE LÀI, XÃ KỶ XUÂN, HUYỆN KỶ ANH”; Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000274, do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 16/4/2014.

**Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:**

Tên nhà đầu tư: **Hợp tác xã Đức Quang.**

Giấy chứng nhận Đăng ký Hợp tác xã mã số 3000345786, do Phòng Tài chính Kế hoạch (Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh) cấp đăng ký lần đầu ngày 19/7/2004; cấp Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/6/2021.

- Địa chỉ trụ sở chính: thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Số điện thoại: 0966487274

- Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: **Trần Văn Việt**

+ Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Hợp tác xã.

+ Sinh ngày: 20/10/1967; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.

+ Chứng minh nhân dân số: 183116380, cấp ngày 22/12/2014; nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh.

+ Địa chỉ trường trú: Số 45, đường Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Chỗ ở hiện nay: Số 45, đường Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

**Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:**

**Điều 1:** Nội dung Dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Mục tiêu: Nhằm đáp ứng nhu cầu đá xây dựng cho các công trình trên địa bàn huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận. Thu hút và tạo việc làm cho người lao động, tăng thu cho Doanh nghiệp và Ngân sách Nhà nước.

3. Quy mô dự án: Công suất khai thác 110.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: tại mỏ đá khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Diện tích đất sử dụng: 6,0 ha.

6. Tổng vốn đầu tư: 19.000.000.000 đồng (mười chín tỷ đồng).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 28/12/2040.

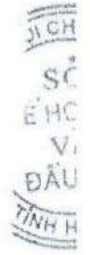
8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Hoàn thành toàn bộ dự án, đi vào hoạt động khai thác, chế biến trong tháng 6/2014.

**Điều 2:** Các quy định đối với Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin Quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung tại Giấy Chứng nhận Đăng ký đầu tư này và các quy định của pháp luật; đảm bảo các vấn đề về hạ tầng kỹ thuật, an toàn trong hoạt động khai thác, chế biến đá xây dựng; đảm bảo môi trường trong khu vực dự án và các khu vực xung quanh (Nhà đầu tư phải thực hiện hoàn thành hồ sơ, thủ tục về đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư với công suất 110.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối /năm theo đúng quy định tại Nghị





định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt).

4. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm có báo cáo bằng văn bản gửi các đơn vị: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư tỉnh; UBND huyện Kỳ Anh về tình hình thực hiện dự án đầu tư, gồm các nội dung: tiến độ khai thác; công suất khai thác, chế biến; vốn đầu tư thực hiện; kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh; thông tin về lao động; nộp ngân sách nhà nước; xử lý và bảo vệ môi trường; các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động và các nội dung liên quan khác.

**Điều 3:** Giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000274 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 16/4/2014.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- UBND tỉnh (để b/cáo);
- Giám đốc Sở KH&ĐT;
- Các Sở: XD, TNMT;
- UBND huyện Kỳ Anh;
- HTX Đức Quang;
- Cục thuế tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, DNĐT, ĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Võ Hữu Hào**



**UBND TỈNH HÀ TĨNH**  
**SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 196/SXD-QLN&VLXD

*Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

V/v thông báo kết quả thẩm định  
thiết kế cơ sở của dự án đầu tư khai  
thác và chế biến đá xây dựng tại khu  
vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ  
Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Kính gửi: Hợp tác xã Đức Quang.

Sở Xây dựng đã nhận Tờ trình số 10/TTr-HTX ngày 12/6/2023 của Hợp tác xã Đức Quang đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư nâng công suất khai thác và chế biến đá xây dựng khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành quy định Quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc cấp phép khai thác mỏ đá xây dựng khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 4473/GP-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Cấp phép khai thác mỏ đá xây dựng khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cho Hợp tác xã Đức Quang

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 1380818258 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh chứng nhận dự án “Khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh”.

Căn cứ vào Báo cáo trữ lượng khoáng sản đá xây dựng chưa khai thác đến 30/6/2023 tại mỏ đá khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh của Hợp tác xã Đức Quang;

Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh như sau:

### **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án: Dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại và cấp công trình: Khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, công trình cấp II.

3. Người quyết định đầu tư: Giám đốc HTX Đức Quang.

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ:

- Chủ đầu tư: Hợp tác xã Đức Quang.

- Địa chỉ liên lạc: Thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh.

- Điện thoại: 0966487274

5. Địa điểm xây dựng: khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh.
6. Giá trị tổng mức đầu tư sau thuế: 19,10 tỷ đồng
7. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của HTX và huy động nguồn vốn hợp pháp khác.
8. Thời gian đầu tư xây dựng cơ bản: Thực hiện trong 01 năm.
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
  - Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5326 -2008 Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên;
  - QCVN 04:2009/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên;
  - QCVN 01:2019/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ;
  - QCVN 24:2009/BTNMT Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp.
  - QCVN 16: 2019/BXD về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.
  - QCVN 18: 2014/BXD An toàn trong xây dựng.
  - TCVN 4514-2012: Xí nghiệp công nghiệp - Tổng mặt bằng - tiêu chuẩn thiết kế.
  - TCVN 4054-2005: Đường ô tô - yêu cầu thiết kế.
10. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh nâng công suất: Công ty TNHH một thành viên Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.

## **II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ**

### **1. Văn bản pháp lý:**

- Tờ trình số 10/TTr-HTX ngày 12/6/2023 của Hợp tác xã Đức Quang đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã mã số 3000345786 do phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Kỳ Anh cấp đăng ký lần 4 ngày 13/01/2023.
- Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc cấp phép khai thác mỏ đá xây dựng khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

- Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 4473/GP-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Cấp phép khai thác mỏ đá xây dựng khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

- Giấy chứng nhận đầu tư số 1380818258 ngày 10/5/2023 của sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh chứng nhận dự án “Khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh”.

## 2. Sự phù hợp hồ sơ, tài liệu thăm dò, khảo sát thiết kế

- Hồ sơ thăm dò, khảo sát phục vụ lập thiết kế cơ sở: Đã được Hội đồng thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Hồ sơ thiết kế cơ sở: Hồ sơ bản vẽ và thuyết minh, báo cáo cơ bản đầy đủ theo yêu cầu tại Phụ lục số 03 Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương.

3. Hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn: Công ty TNHH một thành viên Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.

## III. NỘI DUNG HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ TRÌNH

Thiết kế cơ sở Dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh gồm các nội dung chính như sau:

### 1. Tài nguyên, trữ lượng và biên giới khai trường:

- Theo Báo cáo của Hợp tác xã Đức Quang, trữ lượng còn lại đá xây dựng chưa khai thác là 1.236.215m<sup>3</sup> (Theo dự án đã được lập).

- Mức sâu khai thác +20m.

- Lựa chọn biên giới khai trường như sau: Diện tích khai thác 4,5ha; mức sâu khai thác + 20m.

2. Công suất thiết kế và tuổi thọ dự án: Dự án lựa chọn công suất khai thác là 110.000m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm và thời gian khai thác 17 năm.

3. Mở vỉa và trình tự khai thác: Sử dụng hệ thống khai thác hỗn hợp khai thác lớp xiên từ cao trình +70m trở lên; khai thác theo hệ thống lớp bằng từ +70m về +20m.

### 4. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác:

- Hệ thống khai thác: Sử dụng hệ thống khai thác hỗn hợp khai thác lớp xiên mức +70m trở lên; khai thác theo hệ thống lớp bằng từ +70m về +20m. Các thông số của Hệ thống khai thác:

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H	m	5-10
2	Chiều cao tầng kết thúc	H <sub>kt</sub>	m	10
3	Chiều rộng đai bảo vệ	B <sub>bv</sub>	m	3,6
4	Chiều rộng đai khẩu	A	m	7,2

- Công nghệ khai thác: Xúc bốc bằng máy xúc và vận tải bằng ô tô tự đổ có tải trọng hợp lý với tải trọng đường hiện tại.

5. Vận tải trong mỏ: Thiết bị vận tải trên mỏ bằng ô tô tải tự đổ.

6. Công tác thải đất đá: Dự án sử dụng bãi thải trong Moong đã khai thác.

7. Thoát nước mỏ và bãi thải: Công tác thoát nước mỏ sử dụng hệ thống tự chảy tự nhiên từ cao về địa hình thấp.

8. Chế biến khoáng sản: Sản phẩm của dự án bao gồm đá hộc, đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6,....

9. Sửa chữa cơ điện, kho tàng, mạng hạ tầng kỹ thuật: không đầu tư xây dựng xưởng sửa chữa cơ điện và kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật.

10. Tổng mặt bằng tổ hợp công nghệ trên mặt mỏ và và tổ chức xây dựng:

Tổng mặt bằng bao gồm các hạng mục: khu vực khai trường 4,5ha bao gồm hệ thống thoát nước mỏ, chiều cao các tầng kết thúc từ 10m và đường khai thác nội bộ mỏ và đường đầu nối từ mỏ đến đường dân sinh. Về tổ chức xây dựng tiến hành đồng thời với công tác san gạt tạo mặt bằng và xây dựng các hạng mục bảo vệ mỏ.

11. Kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy, nổ: thực hiện các biện pháp theo quy định đối với công tác an toàn cho người lao động, an toàn nơi làm việc, An toàn trong khâu xúc bốc, an toàn khi sử dụng máy gạt, an toàn về công tác vận tải, an toàn thoát nước. Giải pháp phòng chống cháy, nổ bao gồm vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy.

#### IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

1. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất

1.1. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch ngành:

Diện tích mỏ đá khu vực nói trên nằm trong phương án thăm dò khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

1.2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch sử dụng đất: Dự án nâng công suất nên đã có quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực

2.1. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng: Ranh giới phù hợp với Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND ngày 13/8/2014 và Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 4473/GP-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Cấp phép khai thác mỏ đá xây dựng khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực:

- Hệ thống đường giao thông trong mỏ được kết nối với đường dân sinh và đường ven biển nên việc kết nối hạ tầng giao thông thuận lợi.

- Cung cấp điện: Sử dụng trạm biến áp hạ thế để phục vụ cho toàn dự án.

- Thông tin liên lạc: Tại địa bàn hệ thống viễn thông bao gồm cả hệ thống điện thoại cố định và di động đều đã được phủ sóng và hoạt động tốt. Do vậy, khi đầu tư hệ thống thông tin liên lạc cho mỏ thuận lợi.

3. Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác được lựa chọn: Phương án khai thác khoan nổ mìn, xúc bốc bằng máy xúc và vận tải bằng ô tô - thiết kế cơ sở đảm bảo cho phương án này.

4. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn khai thác, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Thiết kế cơ sở đã đưa ra các giải pháp để thực hiện các biện pháp theo quy định đối với công tác an toàn cho người lao động, an toàn nơi làm việc, An toàn trong khâu xúc bốc, an toàn khi sử dụng máy gạt, an toàn về công tác vận tải, an toàn thoát nước và giải pháp phòng chống cháy, nổ bao gồm vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy.

5. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế:

- Thiết kế cơ sở đã áp dụng và tính toán các thông số phù hợp QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ

thiên; TCVN 5326:2008 - Tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác mỏ lộ; TCVN 4054-1998 Đường ô tô - yêu cầu thiết kế. trong đó có áp dụng một số tiêu chuẩn Quốc gia, tiêu chuẩn ngành khác có liên quan.

- Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn đã áp dụng vào thiết kế hiện còn hiệu lực.

6. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của chủ nhiệm và chủ trì tư vấn lập thiết kế:

- Đơn vị tư vấn lập thiết kế là Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường; có đăng ký kinh doanh thiết kế các công trình khai thác mỏ.

- Doanh nghiệp có đủ điều kiện theo năng lực theo quy định.

- Chủ trì thiết kế: Ks. Nguyễn Văn Thông, có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình khai thác mỏ số NGA - 00124527; chứng chỉ hết hiệu lực ngày 10/11/2026.

## V. KẾT LUẬN

1. Thiết kế cơ sở của Dự án nâng công suất khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đủ điều kiện để phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo khi hoàn thiện các nội dung còn tồn tại trong thiết kế theo mục V.2 dưới đây.

2. Một số nội dung cần bổ sung hoàn thiện:

- Tính toán bổ sung khối lượng đá cho từng vụ nổ.

- Tính toán lại khối lượng mìn cho từng vụ nổ phù hợp với công suất.

Trên đây là thông báo của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Dự án nâng công suất khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLNV&VLXD.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Hà



**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Điều chỉnh, nâng công suất khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ: Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản; Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 08/02/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo phục hồi môi trường; Giấy phép khai thác khoáng sản số 3308/GP-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 4473/GP-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; Giấy chứng nhận đầu tư số 1380818258 ngày 10/5/2023 của Sở Kế hoạch Đầu tư;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4190/TTr-STNMT ngày 11/10/2023 kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Điều chỉnh, nâng công suất khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” được Hội đồng thẩm định ngày 17/8/2023 (thành lập tại Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh) và đã chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 36/HTX-ĐQ ngày 27/9/2023 của Hợp tác xã Đức Quang,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Điều chỉnh, nâng công suất khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” (sau đây gọi tắt là báo

cáo ĐTM Dự án) của Hợp tác xã Đức Quang (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Kỳ Anh; Chủ tịch UBND xã Kỳ Xuân; Giám đốc Hợp tác xã Đức Quang (Chủ Dự án) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB phụ trách NN;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu VT, NL.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Lĩnh**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**“Điều chỉnh, nâng công suất khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng tại khu**  
**vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: “Điều chỉnh, nâng công suất khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”;
- Địa điểm thực hiện: Xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Chủ dự án đầu tư: Hợp tác xã Đức Quang.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

- Phạm vi thực hiện dự án:

Dự án thực hiện tại khu vực mỏ đá Khe Lài thuộc địa phận xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh với tổng diện tích là 5,84 ha, có tọa độ các điểm góc ranh giới như sau:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN.2000 KTT 105°30', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X (m)	Y (m)
<b>Khu vực khai trường: Diện tích 4,5 ha</b>		
<b>1</b>	2016756	572236
<b>2</b>	2016876	572147
<b>3</b>	2016913	572196
<b>4</b>	2016982	572145
<b>5</b>	2017073	572266
<b>6</b>	2016884	572406
<b>Khu vực sân công nghiệp: Diện tích 1,2 ha</b>		
<b>A</b>	2016793	572021
<b>B</b>	2016889	571977
<b>C</b>	2016936	572080
<b>D</b>	2016841	572126
<b>Khu vực văn phòng: Diện tích 0,1 ha</b>		
<b>E</b>	2016702	571911

Điểm góc	Hệ tọa độ VN.2000 KTT 105 <sup>0</sup> 30', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X (m)	Y (m)
<b>F</b>	2016706	571899
<b>G</b>	2016744	571914
<b>H</b>	2016730	571948

**Khu vực dự kiến bố trí kho vật liệu nổ theo quy hoạch: Diện tích 0,04 ha.**  
(Hiện đơn vị không bố trí kho vật liệu nổ mà thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ)

- Quy mô, công suất, thời gian thực hiện dự án:

+ Trữ lượng khai thác của dự án nâng công suất là 1.236.215 m<sup>3</sup> đá nguyên khối;

+ Nâng công suất hiện tại từ 70.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm lên 110.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm;

+ Độ sâu khai thác: chỉ khai thác tối đa đến  $\text{cosd} + 20\text{m}$  (so với mực nước biển).

+ Tuổi thọ mỏ 17 (mười bảy) năm, bao gồm: thời gian xây dựng cơ bản, khai thác chế biến mỏ là 16,5 năm; thời gian cải tạo phục hồi môi trường - đóng cửa mỏ dự kiến là 0,5 năm (6 tháng).

### 1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác: Khoan nổ mìn - Xúc bốc - vận tải.

- Quy trình khai thác, chế biến: Hệ thống khai thác hỗn hợp, từ  $\text{cosd} + 100\text{m}$  xuống  $\text{cosd} + 70\text{m}$  khai thác theo lớp xiên và từ  $\text{cosd} + 70\text{m}$  xuống đến  $\text{cosd} + 20\text{m}$  khai thác theo lớp bằng. Đá sau khi khai thác được máy xúc xúc lên ô tô và vận chuyển về trạm nghiền tại mặt bằng sân công nghiệp của mỏ.

### 1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính:

+ Đường vận chuyển nội mỏ: 650m.

+ Trạm nghiền sàng: một trạm nghiền sàng công suất 150 tấn/giờ và một trạm nghiền sàng công suất 350 tấn/giờ.

+ Nhà văn phòng điều hành và các công trình phụ trợ khác với diện tích 374,3 m<sup>2</sup>.

+ Nhà trực ca (lắp đặt bằng container), diện tích 10 m<sup>2</sup>.

+ Trạm cân điện tử 80 tấn.

+ Hệ thống đường dây và Trạm biến áp 35/0,4 KV.

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

+ Nhà vệ sinh (02 nhà, đặt ở bên cạnh nhà văn phòng điều hành).

+ Mương thu và mương thoát nước trên khu vực dự án (550x1x1,5m).

+ Hồ lắng nước mưa chảy tràn: dung tích hồ 1.137,5m<sup>3</sup> (25x18,2x2,5m).

+ Điểm xịt rửa bánh xe phương tiện khi đi ra ngoài mỏ: gồm hồ lắng, hố thu (kích thước mỗi hố: 1,0x1,0x1,0m), bố trí tại điểm ra vào khu vực mỏ.

+ Thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt (06 thùng, thể tích mỗi thùng 50 lít), trong đó đặt tại khu vực nhà văn phòng điều hành 03 thùng, tại khu khai thác chế biến đặt 3 thùng để thu gom; vị trí tập kết tại khu vực nhà văn phòng (có mái che và nền bê tông), diện tích 10 m<sup>2</sup>.

+ Kho lưu giữ chất thải nguy hại: diện tích 5 m<sup>2</sup>, che chắn bằng tôn, nền bê tông, bố trí trong khu vực bãi chế biến; bố trí các thùng chứa CTNH đặt trong kho lưu giữ CTNH (số lượng, thể tích thùng phù hợp với chủng loại chất thải phát sinh tại dự án).

+ Xe bồn tưới nước các tuyến đường vận chuyển (dung tích 5m<sup>3</sup>).

### **1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:**

- Hạng mục công trình có khả năng tác động xấu đến môi trường: Hệ thống các hồ lắng xử lý nước mưa chảy tràn và xử lý nước thải sinh hoạt; điểm xịt rửa bánh xe phương tiện khi đi ra ngoài mỏ; bãi chứa đất bóc tầng phủ, đá thải.

- Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

+ Hoạt động phát dọn thực bì, cây cối; bóc đất tầng phủ, khoan nổ mìn, xúc bốc, vận tải tại khu vực khai thác.

+ Hoạt động tại khu vực chế biến, nghiền, sàng.

+ Sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên, công nhân tại văn phòng điều hành và tại khu vực khai thác, chế biến mỏ;

+ Hoạt động sửa chữa máy móc, phương tiện thi công, khai thác.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản và khai thác, chế biến mỏ:**

#### **3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải, nước mưa chảy tràn**

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 0,96m<sup>3</sup>/ngày.đêm, với thành phần chủ yếu là các chất cặn, chất lơ lửng (SS), hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>/COD), chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật;

- Nước thải từ xịt rửa bánh xe phương tiện khi đi ra ngoài mỏ: Phát sinh ước tính khoảng 2,0m<sup>3</sup>/ngày; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát, dính dầu mỡ...;

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh tại khu vực dự án với lưu lượng lớn nhất 6.218 m<sup>3</sup>/giờ; thành phần chủ yếu là các loại đất, cát, dầu mỡ rơi vãi, ...

### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất bụi, khí thải:

- Bụi do quá trình bóc đất tầng phủ, nổ mìn, xúc bốc vận chuyển và chế biến đá.

- Khí thải phát sinh từ các loại máy móc, thiết bị hoạt động khai thác, chế biến đá và phương tiện vận chuyển ra vào mỏ.

### 3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, công nhân: phát sinh khoảng 12kg/ngày; thành phần gồm thực phẩm thừa, vỏ chai, lon, túi ni lông...

- Sinh khối thực vật từ hoạt động dọn thực bì khai trường mỏ khoảng 912,5m<sup>3</sup> trong suốt thời gian khai thác mỏ; với thành phần chủ yếu là thực bì, thân, cành, lá cây.

- Đất bóc tầng phủ: phát sinh khoảng 3.816,6m<sup>3</sup>/năm;

- Đá thải của mỏ: phát sinh khoảng 7.271,8m<sup>3</sup>/năm;

- Đất, bùn từ nạo vét hồ lắng, mương thoát nước: phát sinh khoảng 131,7 m<sup>3</sup>/năm.

- Bùn cặn từ nhà vệ sinh: phát sinh khoảng 4,0 m<sup>3</sup>/năm.

### 3.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc sẽ được thực hiện tại các gara trên địa bàn. Tại khu vực dự án chỉ có các hoạt động sửa chữa nhỏ và lau chùi máy móc nên lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 20kg/tháng với thành phần chủ yếu là dầu thải, giẻ lau dính dầu mỡ, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang hỏng,...

### 3.1.5. Các tác động không liên quan đến chất thải và sự cố môi trường:

- Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các phương tiện, thiết bị khai thác, chế biến đá và phương tiện ra vào ra khu mỏ.

- Sự cố sạt lở, sụt lún đất đá; sự cố cháy rừng, điện giật, sét đánh, bom mìn; sự cố bão lũ, ngập lụt; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông....

## 3.2. Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường - đóng cửa mỏ

### 3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thực hiện quá trình cải tạo phục hồi môi trường đóng cửa mỏ, dự kiến khoảng 0,48 m<sup>3</sup>/ngày.đêm với thành phần chủ yếu là các chất cặn, chất lơ lửng (SS), hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>/COD), chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh;

- Nước mưa chảy tràn: phát sinh tại khu vực dự án với lưu lượng lớn nhất 6.218 m<sup>3</sup>/giờ với thành phần chủ yếu là các loại đất, cát, dầu mỡ rơi vãi, ...

### 3.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh quá trình cạy gỡ đá treo, san gạt, trồng cây, phá dỡ các công trình, vận chuyển trang thiết bị và nguyên vật liệu.

- Khí thải phát sinh từ các loại máy móc, thiết bị phá dỡ các công trình, san gạt, vận chuyển trang thiết bị và nguyên vật liệu...

**3.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:**

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 12kg/ngày; thành phần gồm thực phẩm thừa, vỏ chai, lon, túi ni lông...

- Chất thải từ quá trình phá dỡ nhà văn phòng điều hành, nhà container, nhà vệ sinh,... khối lượng phát sinh khoảng 10 tấn.

- Đá từ hoạt động cạy gỡ đá treo: khối lượng khoảng 1.932m<sup>3</sup>.

**3.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc sẽ được thực hiện tại các gara trên địa bàn. Tại khai trường và chế biến mỏ chỉ có các hoạt động sửa chữa nhỏ và lau chùi máy móc nên lượng chất thải nguy hại phát sinh rất ít (phát sinh khoảng 1,2 kg/tháng) với thành phần chủ yếu là: dầu thải, giẻ lau dính dầu mỡ, ốc quy hỏng....

**3.2.5. Các tác động không liên quan đến chất thải và sự cố môi trường:**

- Tiếng ồn, độ rung do hoạt động san gạt, cạy gỡ đá treo, phá dỡ nhà điều hành.

- Sự cố sạt lở, sụt lún đất đá; sự cố cháy rừng, điện giật, sét đánh; sự cố bão lũ, ngập lụt; sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động.

## **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

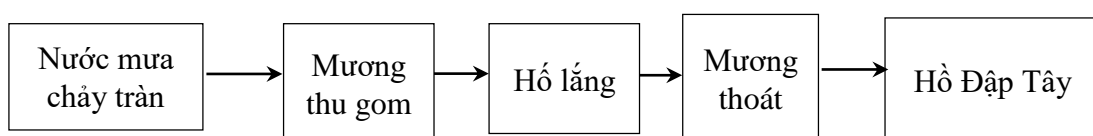
### **4.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản và khai thác, chế biến mỏ:**

**4.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn:**

- Nguồn tiếp nhận nước thải, nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án: Hồ Đập Tây (cách dự án khoảng 600m về phía Nam).

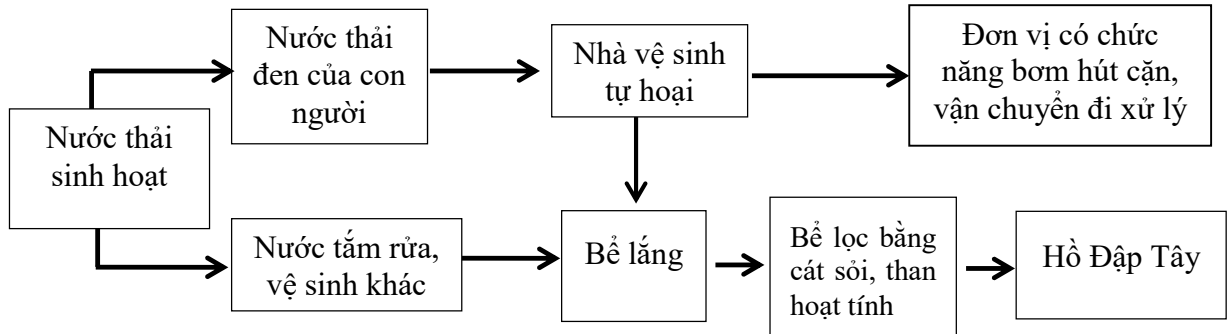
- Quy trình, công nghệ xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn:

+ *Đối với nước mưa chảy tràn:* được thu gom bằng hệ thống mương thu nước trong khu vực mỏ với chiều dài 550m (rộng 1,5m, sâu 1,0m) chảy vào hố lắng nước mưa (kích thước hố lắng rộng 18,2m, dài 25m, sâu trung bình 2,5m, thể tích hố lắng 1.137,5 m<sup>3</sup>) sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận bằng mương thoát nước với chiều dài 40m. Theo sơ đồ quy trình sau:

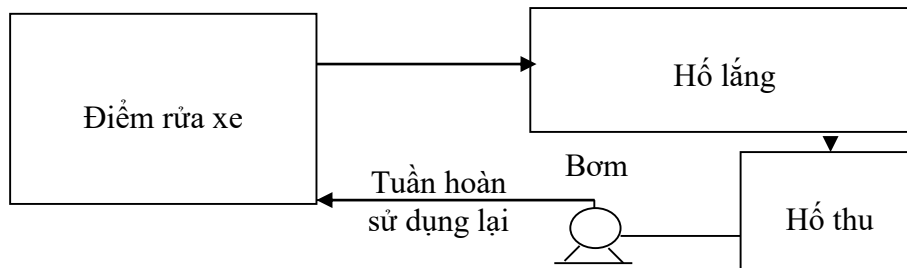


+ *Đối với nước thải sinh hoạt:* Bố trí 02 nhà vệ sinh (loại 3 ngăn) tại nhà văn phòng điều hành (nhà vệ sinh có 01 bể chứa nước thải dung tích khoảng 1,5m<sup>3</sup>) để thu gom nước thải từ quá trình đào thải của con người; sau đó cùng

với nước thải từ hoạt động nước tắm, rửa tay chân, được thu gom vào 01 bể lắng, 01 bể lọc cát sỏi, than hoạt tính (mỗi bể có kích thước 1,0m x 2,0m x 1,5m) để xử lý trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận. Theo sơ đồ quy trình sau:



+ *Nước xịt rửa bánh xe phương tiện khi đi ra ngoài mỏ*: Sau khi lắng cơ học, được tuần hoàn sử dụng lại. Theo sơ đồ quy trình sau:



#### 4.1.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Bố trí 01 điểm xịt rửa bùn đất bám trên bánh xe phương tiện trước khi đi ra ngoài mỏ (tại cổng ra vào); thực hiện phun nước làm ẩm trên tuyến đường vận chuyển từ khu mỏ ra đường liên xã. Tần suất tưới vào những ngày bình thường không mưa là 2 lần/ngày; những ngày khô hanh, nắng nóng là 4 lần/ngày (vào thời điểm: 6h30phút; 9h30phút, 13h30phút và 15h30phút).

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển mỏ, hạn chế phát sinh bụi vào mùa nắng và bùn lầy vào mùa mưa.

- Tất cả các xe vận tải, thiết bị khai thác, vận chuyển tại mỏ phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ dự án. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng để giảm tiếng ồn và khí thải phát ra từ động cơ.

- Các xe tải khi chở vật liệu ra ngoài mỏ không chở quá dung tích của thùng xe, phải có bạt che kín và được giăng buộc cẩn thận, tránh làm rơi vãi khi di chuyển.

#### 4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Bố trí các thùng tại các khu vực dự án để thu gom, sau đó phân loại, tập kết vào 03 thùng đựng (thể tích tối thiểu 50lít/thùng) tại khu vực Nhà văn phòng điều hành và được phân loại, xử lý như sau:



+ Đối với chất thải có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa (như các lon đựng nước giải khát, giấy), định kỳ bán phế liệu.

+ Đối với chất thải dễ phân huỷ (như thức ăn, rau củ quả hỏng...) cho người dân làm thức ăn chăn nuôi.

+ Đối với các loại chất thải còn lại không có khả năng tái sử dụng, tái chế; hợp đồng với HTX Nông nghiệp Môi trường và dịch vụ tổng hợp Kỳ Bắc hoặc đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy.

- Sinh khối thực vật: Tập kết về các vị trí thuận lợi trên công trường, hợp đồng với HTX Nông nghiệp Môi trường và dịch vụ tổng hợp Kỳ Bắc hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đất bóc tầng phủ được lưu giữ tại bãi (gần vị trí mốc số 1) với diện tích khoảng 4.000m<sup>2</sup> để phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác mỏ.

- Đá thải của mỏ: một phần được lưu giữ ở bãi lưu đất bóc tầng phủ, một phần để sản xuất xay nghiền đá base.

- Bùn, cặn nạo vét hố lắng nước mưa, mương thoát nước được thu gom đưa về lưu giữ cùng với đất bóc tầng phủ (gần vị trí mốc số 1) để phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

- Bùn, cặn nạo vét các hố lắng xịt rửa bánh xe và bùn cặn từ nhà vệ sinh: Hợp đồng với Công ty TNHH chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng hút và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

#### *4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại*

Căn cứ vào tình hình chất thải phát sinh, bố trí các thùng composite (thể tích khoảng 120lít/thùng, có nắp đậy, dán mã chất thải) đựng từng loại chất thải (theo mã chất thải) đặt tại kho chứa trong khu vực bãi chế biến (kho có diện tích 5 m<sup>2</sup>, che chắn bằng tôn, nền bằng bê tông); hợp đồng với Công ty TNHH Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*4.1.5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải và sự cố môi trường:* Thực hiện đầy đủ theo nội dung Báo cáo ĐTM.

### **4.2. Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường - đóng cửa mỏ**

#### *4.2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn:*

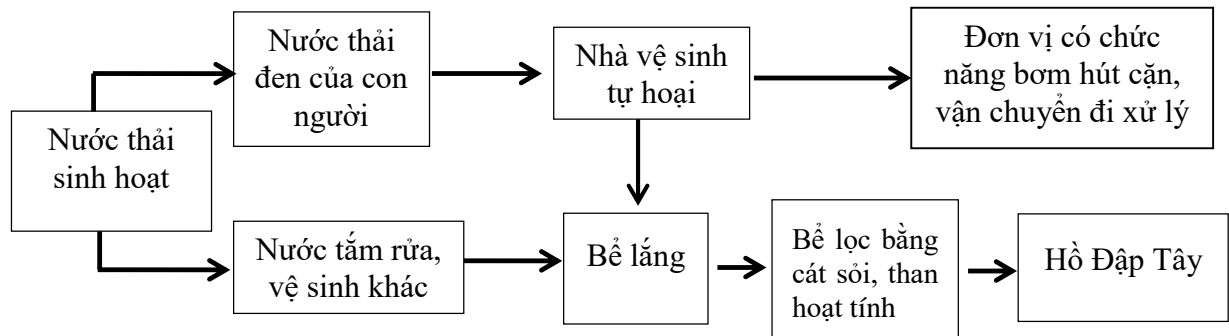
- Nguồn tiếp nhận nước thải, nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án: Hồ Đập Tây (cách dự án khoảng 600m về phía Nam).

- Quy trình, công nghệ xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn:

+ *Đối với nước mưa chảy tràn:* thời điểm đầu, nước mưa được thu gom bằng hệ thống mương thu nước trong khu vực mỏ (chiều dài 550m, rộng 1,5m và sâu 1,0m) rồi dẫn chảy vào hố lắng nước mưa (thể tích 1.137,5 m<sup>3</sup>, kích thước hồ lắng rộng 18,2m, dài 25m, sâu trung bình 2,5m) sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận bằng mương thoát nước với chiều dài 40m. Các công trình này được

tiếp tục duy trì trong quá trình cải tạo phục hồi môi trường khu vực khai thác, sau khi hoàn thành, mương thu gom và hồ lắng được san gạt và trồng cây bổ sung.

+ *Đối với nước thải sinh hoạt*: Tiếp tục duy trì công trình, biện pháp nêu ở mục 4.1.1 để thực hiện các nội dung cải tạo phục hồi môi trường cho đến khi thực hiện phá dỡ cải tạo phục hồi môi trường khu vực phụ trợ. Theo sơ đồ quy trình sau:



#### 4.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, mùi, khí thải:

- Tất cả các xe vận tải, thiết bị phục vụ cải tạo phục hồi môi trường phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ dự án. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng để giảm tiếng ồn và khí thải phát ra từ động cơ.

- Các thiết bị sau khi hoàn thành cải tạo phục hồi môi trường được vệ sinh sạch sẽ trước khi ra khỏi công trường.

#### 4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

Tiếp tục duy trì công trình, biện pháp nêu ở mục 4.1.3 để thực hiện các nội dung cải tạo phục hồi môi trường cho đến khi thực hiện phá dỡ các công trình liên quan, trong đó:

- Chất thải từ hoạt động tháo dỡ các công trình hiện trạng trên tuyến, bê tông, vôi vữa hỏng,... được tận dụng để gia cố lề đường;

- Sắt thép vụn, thùng nhựa: được thu gom và bán phế liệu;

- Đối với các vật liệu hư hỏng không thể tái sử dụng và bán phế liệu, thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Bùn, cặn từ nhà vệ sinh: Hợp đồng với Công ty TNHH chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng hút, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: tiếp tục duy trì thực hiện các công trình biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo mục 4.1.4 đến khi kết thúc quá trình cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ.

4.2.5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải và sự cố môi trường: Thực hiện đầy đủ theo nội dung báo cáo ĐTM.

### **4.3. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:**

#### **4.3.1. Phương án được lựa chọn thực hiện:**

- Đối với khu vực khai thác: Cải tạo sườn tầng, xây dựng tuyến hàng rào dây thép gai, biển cảnh báo nguy hiểm xung quanh moong khai trường; san gạt và trồng cây; đào mương thoát nước và cải tạo hệ thống thoát nước khu vực khai trường.

- Đối với khu phụ trợ: Tháo dỡ các công trình (Nhà điều hành, trạm nghiên cứu, trạm biến áp, trạm cân...); san gạt, cày xới tạo mặt bằng và tiến hành trồng cây.

- Đối với tuyến đường vận chuyển: Duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển và bàn giao lại cho địa phương.

- Đối với khu vực hồ lắng khai trường, bãi thải: San lấp hồ lắng và trồng cây.

#### **4.3.2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:**

- Củng cố sườn tầng: Dùng máy khoan cầm tay, xà beng cải tạo để đưa bờ mỏ trở về trạng thái ổn định với diện tích 0,966 ha và chiều sâu 0,2 m. Khối lượng cày gỡ đá treo trên sườn tầng taluy là  $9.660 \times 0,2 = 1.932 \text{ m}^3$ .

- Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác và các khu vực phụ trợ:

+ Lập hàng rào, biển báo xung quanh moong: Lắp đặt 123 cột trụ bê tông (chiều cao mỗi cột trụ là 1,7m, khoảng cách giữa các cột trụ 2m); lắp đặt 41 biển báo xung quanh moong (biển báo hình chữ nhật kích thước 0,6m x 1,0m, ghi nội dung cảnh báo nguy hiểm); mỗi biển báo được gắn trên cột trụ bê tông cốt thép (kích thước: rộng 0,15m x dày 0,15m x dài 2,7m); lập hàng rào dây thép gai xung quanh moong (đan theo dạng lưới ô vuông 25cmx25cm, chiều cao 1m, dài 824m) để bảo vệ cây trồng, đảm bảo an toàn cho người và gia súc khi đi qua khu vực.

+ San lấp hồ lắng và mương thoát nước nằm trong khu mỏ (bao gồm: hồ lắng nước mưa; hồ lắng, thu nước thải xịt rửa phương tiện; mương thu gom thoát nước): Tổng khối lượng san lấp  $1.275 \text{ m}^3$ , được lấy từ đất bóc tầng phủ tại bãi lưu giữ của mỏ.

+ Thoát nước đáy moong: Tạo mương thoát nước (chiều dài 665 m, chiều rộng mặt 0,5m, rộng đáy 0,3m, sâu 0,7m), khối lượng thi công là  $160 \text{ m}^3$ .

+ San gạt đáy moong sau kết thúc khai thác: Tiến hành đổ đất, san gạt đáy moong tại cosd +20m với diện tích  $23.400 \text{ m}^2$ , khối lượng san gạt  $11.350 \text{ m}^3$  (đất dùng cho phục hồi môi trường tại đáy moong được lấy từ bãi chứa đất bóc tầng phủ của mỏ). Tiến hành trồng cây đáy moong (trừ diện tích mương thoát nước là 0,07 ha): Diện tích cần phải trồng là 2,27 ha, mật độ trồng 2.324 cây/ha (bao gồm 1.660 cây/ha và tỷ lệ trồng dặm 40% mật độ cây trồng (tỷ lệ này được trồng dặm trong thời gian 3 năm đầu chăm sóc cây), số cây phải trồng là 5.275 cây.

+ Cải tạo phục hồi môi trường bãi lưu giữ đất bóc tầng phủ: Sau khi lấy đất bóc tầng phủ đổ vào moong kết thúc khai thác,... Tiến hành san gạt tạo mặt bằng để trồng cây. Chiều dày san gạt khoảng 0,1m (nền đất nguyên thổ khu vực này có độ dày trung bình 2m), diện tích 0,4ha. Khối lượng san gạt:  $0,1 \times 4.000 = 400 \text{ m}^3$ .

+ Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực phụ trợ (gồm mặt bằng sân công nghiệp, khu vực văn phòng điều hành): tháo dỡ các công trình ( $134,28\text{m}^3$ ); san gạt, cày xới tạo mặt bằng và tiến hành trồng cây (diện tích khu phụ trợ là 1,34 ha). Việc san gạt tạo mặt bằng trên khu phụ trợ, tiến hành xới lớp đất với chiều dày trung bình 0,1m để trồng cây (nền đất nguyên thổ khu vực này có độ dày trung bình 2m); khối lượng san gạt:  $0,1 \times 13.400 = 1.340 \text{ m}^3$ . Diện tích khu phụ trợ cần phải trồng cây là 1,34ha, mật độ trồng 2.324cây/ha (bao gồm tỷ lệ trồng dặm trong 3 năm khoảng 40%), số cây trồng là  $1,34 \times 2.324 \text{ cây/ha} = 3.114 \text{ cây}$ .

- Cải tạo phục hồi môi trường các hạng mục ngoài khu vực dự án: Duy tu, phục hồi tuyến đường dân sinh gần khu vực dự án (đường bê tông dài 133m, rộng 6,0m). Trồng cây 02 bên tuyến đường (tổng chiều dài 133m, trồng 02 hàng cây hai bên, mỗi cây cách nhau 0,5m) với số lượng là 532 cây.

#### 4.3.3. Kế hoạch thực hiện:

Triển khai thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo kế hoạch đã đề ra trong báo cáo ĐTM; duy tu, bảo trì các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện.

#### 4.3.4. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá): **1.709.504.000** (Một tỷ bảy trăm linh chín triệu, năm trăm linh tư nghìn đồng). Thời gian qua, Hợp tác xã Đức Quang đã nộp tiền ký quỹ phục hồi môi trường cho dự án là **584.350.000 đồng**. Vì vậy số tiền ký quỹ còn lại phải thực hiện là **1.709.504.000 - 584.350.000 = 1.125.154.000 đồng** (một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu, một trăm năm mươi tư nghìn đồng chẵn).

- Thời gian ký quỹ: 17 năm.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Lần thứ nhất: Thực hiện trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày báo cáo ĐTM của dự án (nâng công suất) được phê duyệt, với số tiền là **225.031.000 đồng** (Hai trăm hai mươi lăm triệu, không trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

+ Lần thứ 2 trở đi với số tiền là **56.258.000 đồng** (Năm sáu triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn), thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

Số tiền ký quỹ trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Chủ dự án khi kê khai nộp tiền ký quỹ phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án (nâng công suất). Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh. Số tài khoản 1327040700777777 tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hà Tĩnh.

#### 4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Trong quá trình thực hiện Dự án Chủ đầu tư phải tuân thủ thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo ĐTM dự án và xây lắp đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường; áp dụng các giải pháp kỹ thuật và biện pháp hành chính đã nêu trong Báo cáo ĐTM để giảm xuống mức thấp nhất ô nhiễm môi trường khu vực thực hiện dự án.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn trong nổ mìn, khai thác, an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn điện lực trong khu vực; lập phương án cụ thể, chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường trong suốt quá trình thực hiện Dự án.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư**

Theo khoản 2 Điều 111, khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; điểm a khoản 1 Điều 97, điểm a khoản 1 Điều 98 và các Phụ lục số XXVIII, XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; khoản 5 Điều 21 và mẫu số 04 phụ lục II Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì dự án không phải thực hiện quan trắc môi trường xung quanh, nước thải, bụi và khí thải. Tuy nhiên để đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường trên địa bàn, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại (CTNH):

+ Vị trí giám sát: Tại khu vực thu gom, tập kết, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, CTNH;

+ Nội dung giám sát: Khối lượng chất thải; phân định, phân loại và quá trình thu gom, tập kết, chuyên giao xử lý các loại chất thải phát sinh;

+ Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Giám sát khác:

+ Nội dung: Giám sát sạt lở, sụt lún đất; cháy rừng, điện giật, sét đánh; sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động...;

+ Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ và các khu vực có liên quan.

+ Tần suất: hàng ngày.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường (chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung)**

6.1. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

6.2. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác quản lý sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp quản lý, hành chính, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình triển khai thực hiện và vận hành dự án.

6.3. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

6.4. Đầu tư xây dựng, lắp đặt các công trình xử lý chất thải theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.5. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG NỔ MÌN DỊCH VỤ**  
**Số: 02/2023/HĐNM-ĐQ**

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự và Thương Mại hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về Vật liệu nổ công nghiệp;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu hai bên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Văn phòng Chi nhánh Công nghiệp Hóa chất mỏ Hà Tĩnh, chúng tôi gồm:

**BÊN A: HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG**

Địa chỉ: Thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 091329 4347

Email: vhtanviet@gmail.com

Tài khoản số: 12999 12999, tại Ngân hàng Vietcombank-CN Hà Tĩnh

Mã số thuế: 3000345786

Giấy chứng nhận ĐKKD số 3000345786 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 23/06/2021.

Giấy phép khai thác khoáng sản số: 4473/GP-UBND do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 28/12/2020.

Đại diện là: Ông **Trần Văn Việt**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

**BÊN B: CHI NHÁNH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Số 01, Đ. Đồng Môn, P. Thạch Quý, TP Hà Tĩnh, T. Hà Tĩnh, Việt Nam

Điện thoại: 02396 257 093.

Fax: 02396 257 094

Tài khoản số: 52010000046305 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh

Mã số thuế: 2700669262-003

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 2700669262-003 ngày 15 tháng 7 năm 2015.

Giấy phép DVNM số: 63/GP-ATMT ngày 30 tháng 12 năm 2022.

Đại diện là: Ông **Cao Bá Cường**

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

Giấy ủy quyền số: 1251/UQ-BTBMICO ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ Bắc Trung Bộ - Micco.

Hai bên thống nhất ký hợp đồng nổ mìn theo các điều khoản cụ thể sau:

**Điều 1: Phạm vi công việc và các yêu cầu về kỹ thuật.**

Bên A thuê bên B nổ mìn phá vỡ đất đá với các điều kiện sau:

1.1. Công suất khai thác hàng năm của mỏ: 70.000m<sup>3</sup>/năm.

1.2. Địa điểm nổ mìn: Mỏ đá Khe Lài đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp phép khai thác khoáng sản theo quyết định số 4473/QP-UBND ngày 28/12/2020, thuộc địa xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Độ cứng đất đá theo Protodionov:  $f = 8 \div 12$

1.4. Đường kính lỗ khoan: Theo điều kiện địa chất mỏ và phù hợp với hồ sơ thiết kế khai thác mỏ.

1.5. Hồ trợ tư vấn thiết kế bãi nổ, chỉ tiêu thuốc nổ theo hiện trạng và địa chất từng bãi nổ đảm bảo nổ hết, không có mìn cộm.

1.6. Thời gian nổ mìn:

a/ Các ngày không nổ mìn: Bao gồm các ngày Lễ, Tết theo chế độ của Nhà nước, ngày chủ nhật hàng tuần và những ngày cấm nổ mìn, vận chuyển VLNCN. Riêng ngày chủ nhật, trường hợp đặc biệt do phát sinh yêu cầu sản xuất, bên A thông báo cho bên B từ ngày thứ 6.

b/ Các ngày nổ mìn trong năm: Nổ liên tục các ngày trong năm trừ các ngày nêu tại điểm a. khoản 1.6, điều 1 ở hợp đồng này.

c/ Thời gian nổ mìn trong ngày: theo thông báo nổ mìn, Quy chế quản lý VLNCN hiện hành của tỉnh Hà Tĩnh.

## **Điều 2: Quyền và trách nhiệm của các bên**

### **2.1. Quyền và trách nhiệm của bên A:**

2.1.1. Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 5/05/2018 của Chính phủ về VLNCN;

2.1.2. Cấp cho bên B các tài liệu và chịu trách nhiệm về tính pháp lý khu vực nổ mìn: khai trường được phép nổ mìn, các điều kiện về an ninh trật tự, PCCC tại khai trường (*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Bản đăng ký ngành nghề, đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh; Giấy phép khai thác khoáng sản, hợp đồng thuê đất, hồ sơ về thiết kế mỏ ...*).

2.1.3. Cấp cho bên B hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công công trình.

2.1.4. Cấp cho bên B văn bản ủy quyền (Giám đốc ký) cho các CBCNV tham gia các công việc: Phối hợp thi công, công tác an toàn, nghiệm thu và thanh toán.

2.1.5. Phối hợp cùng với bên B giám sát thi công và công tác an toàn theo kế hoạch đã được hai bên thống nhất.

2.1.6. Chịu trách nhiệm về bàn giao mặt bằng, mốc giới, cao độ thi công công trình theo đúng giấy phép được khai thác cho bên B triển khai thi công. Chịu trách nhiệm pháp lý ranh giới từng bãi khoan khi bàn giao cho bên B, đảm bảo khai thác theo đúng thiết kế mỏ đã được phê duyệt.

2.1.7. Cung cấp cho bên B các tài liệu địa chất để làm cơ sở lập hộ chiếu khoan, hộ chiếu nổ mìn. Chi trả chi phí xin lệnh nổ mìn để cùng với bên B thống nhất các nội dung tổ chức thi công.

2.1.8. Chịu trách nhiệm về giải phóng mặt bằng, thỏa thuận với chính quyền địa phương, dân cư có nhà cửa ruộng vườn, vật kiến trúc trong bán kính nổ mìn nguy hiểm để bên B nổ mìn đảm bảo an toàn theo quy định.



2.1.9. Cử cán bộ đại diện được ủy quyền có mặt tại khai trường để nghiệm thu hoàn công và bàn giao bãi khoan.

2.1.10. Tổ chức di chuyển hết người, phương tiện thiết bị ra khỏi khu vực bãi khoan và cách bãi khoan  $\geq 50$  mét trước khi VLNCN được tập kết lên bãi. Di chuyển ra khỏi bán kính nguy hiểm trước thời gian nổ mìn 30 phút theo khoảng cách an toàn trong hộ chiếu an toàn.

2.1.11. Phối hợp với bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị bãi mìn, thi công nạp mìn và những sự cố xảy ra trước, sau khi nổ mìn.

2.1.12. Giám sát quá trình thi công hộ chiếu nổ mìn do bên B thực hiện.

2.1.13. Cử cán bộ có trách nhiệm được ủy quyền có mặt tại khai trường ký biên bản giao nhận VLNCN, biên bản xác nhận kết quả nạp mìn, biên bản đánh giá sơ bộ chất lượng bãi nổ sau khi nổ mìn và các biên bản khác phát sinh (nếu có).

2.1.14. Trường hợp bãi mìn đã thi công xong hoặc đang thi công của bên B, khi tổ chức canh gác đuổi người, thiết bị ra vị trí an toàn, trong quá trình di chuyển thiết bị xe máy bị hỏng nằm trong bán kính nguy hiểm và các trường hợp khác (nếu có) thì trong khoảng thời gian  $\leq 30$  phút tính từ khi bên B thông báo cho bên A, bên A phải cử người có trách nhiệm được Giám đốc ủy quyền có mặt tại hiện trường để cùng bên B phối hợp giải quyết và bàn phương án khởi nổ bãi mìn.

2.1.15. Chịu trách nhiệm về an toàn đối với người, thiết bị, công trình, thiết bị trên mặt đất trong bán kính nguy hiểm nổ mìn (trường hợp không thể di chuyển, che chắn). Chịu chi phí thiệt hại do ảnh hưởng của việc thi công, nổ mìn bãi nổ mà bên A không đáp ứng, thực hiện các giải pháp kỹ thuật an toàn mà bên B đưa ra.

2.1.16. Phối hợp với bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thi công nổ mìn và các sự vụ phát sinh (nếu có).

2.1.17. Phối hợp cùng bên B thông báo việc nổ mìn cho các đơn vị liên quan trong khai trường, các đơn vị lân cận khai trường mở có liên quan và chịu ảnh hưởng của việc nổ mìn trước ngày nổ mìn 01 ngày về vị trí, thời điểm và hiệu lệnh nổ mìn.

2.1.18. Tổ chức nghiệm thu, thanh toán cho bên B theo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này.

## **2.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:**

2.2.1. Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về VLNCN.

2.2.2. Tiếp nhận, quản lý mặt bằng thi công do bên A giao trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng quy định của Nhà nước.

2.2.3. Cử CBCNV có đủ thẩm quyền làm việc với bên A các công việc: Phối hợp thi công, công tác an toàn, nghiệm thu, thanh toán.

2.2.4. Đăng ký người, phương tiện, thiết bị tham gia thi công trước khi vào khai trường bên A. Chấp hành nghiêm túc các nội quy, quy định về công tác an toàn, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường của bên A.

2.2.5 Huấn luyện an toàn cho người của bên A tham gia giám sát quá trình thi công và tiếp xúc với VLNCN theo danh sách bên A đã đăng ký.

2.2.6. Chịu trách nhiệm về chất lượng bãi nổ, thực hiện các biện pháp ATVSLĐ nhằm đảm bảo an toàn cho người, tài sản của bên B trong thời gian tổ chức thi công nổ mìn, đồng thời chịu chi phí thiệt hại do ảnh hưởng của việc thi công, nổ mìn gây ra cho bên A khi bên B vi phạm những giải pháp kỹ thuật an toàn (khi bên A đã đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật an toàn của bên B đưa ra).

2.2.7. Lập hộ chiếu nổ mìn, an toàn trên cơ sở các tài liệu bên A cung cấp.

2.2.8. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho công tác nổ mìn, nhập VLNCN, vận chuyển, tập kết VLNCN, bố trí nhân lực,... và thiết bị để thi công nổ mìn đúng thời gian quy định và đảm bảo an toàn.

2.2.9. Tổ chức cấm còi, khoanh vùng, báo hiệu khu vực đang thi công nổ mìn.

2.2.10 Tổ chức thi công nạp mìn đảm an toàn, đúng quy trình kỹ thuật, đúng thời gian quy định (Trường hợp đặc biệt hai bên thống nhất cụ thể theo quy định).

2.2.11. Chỉ huy nổ mìn, bố trí người canh gác, đuổi người và phát tín hiệu nổ mìn theo hộ chiếu an toàn, khởi nổ bãi nổ và kiểm tra bãi nổ sau khi nổ mìn. Thống nhất phương án xử lý mìn câm với bên A, lập hộ chiếu và chịu trách nhiệm thi công xử lý những lỗ mìn câm (nếu có).

2.2.13. Bên B có quyền từ chối thi công những bãi mìn như: địa hình bãi mìn dốc đứng không có đường lên thi công, đá treo chưa cạy bẫy, trời mưa dông sấm chớp..... ảnh hưởng tới an toàn cho quá trình nổ mìn.

2.2.14. Bên B có quyền đơn phương tạm dừng cung cấp sản phẩm dịch vụ, thi công công trình mà không cần thông báo trước bằng văn bản nếu bên A không thực hiện đúng điều khoản nghiệm thu, thanh toán tại Điều 3 dưới đây, cho đến khi bên A thực hiện đầy đủ các điều khoản nghiệm thu, thanh toán thì hợp đồng tiếp tục được thực hiện.

### **Điều 3: Nghiệm thu, đơn giá và thanh toán.**

#### **3.1. Nghiệm thu:**

3.1.1. Trong ngày nổ mìn hai bên tiến hành thực hiện theo Quy trình sau:

\* Xác nhận VLNCN khi vào mỏ:

- Khi phương tiện vận chuyển VLNCN đến mỏ: căn cứ vào Hộ chiếu nổ mìn (bản gốc), Phiếu xuất kho của HCM, bên A cử người có trách nhiệm tiến hành kiểm đếm số lượng các loại VLNCN bên B vận chuyển đến mỏ bằng hình thức qua trạm cân (trên phương tiện vận chuyển chỉ có VLNCN cần kiểm đếm) và kiểm đếm số lượng trực tiếp. Sau khi xác nhận được số lượng, hai bên lập và ký biên bản giao nhận VLNCN (Biểu mẫu 07 – VLNCN).

- Sau khi quá trình giao nhận xong, phương tiện vận chuyển VLNCN chạy thẳng lên bãi khoan để chuẩn bị công tác nạp thuốc nổ.

\* Nạp thuốc nổ và kiểm tra bàn giao VLNCN thừa:

- Bên B sẽ tiến hành tiến hành nạp thuốc nổ dưới sự giám sát của người đại diện bên A.

- Khi hoàn thành xong công đoạn thi công bãi nổ, số lượng VLNCN thừa (nếu có) sẽ đưa lên phương tiện vận chuyển VLNCN để tiến hành kiểm đếm.

- Sau đó lượng VLNCN thừa trên sẽ được kiểm đếm bằng hai hình thức là qua trạm cân và kiểm đếm số lượng trực tiếp. Sau khi xác nhận được số lượng VLNCN thừa thì lập phiếu trả VLNCN (Biểu mẫu 09-VLNCN) và được ký xác nhận giữa hai bên

\* Sau khi kết thúc và kiểm tra an toàn nổ mìn:

- Lập biên bản nghiệm thu khối lượng nổ mìn và kết quả nổ mìn (Biểu mẫu 08-VLNCN), đại diện bên A phối hợp cùng bên B, đánh giá chất lượng bãi nổ, VLNCN thực tế sử dụng.

3.1.2. Trên cơ sở các biên bản xác nhận của từng đợt nổ hoặc ngày nổ mìn, hai bên tổ chức nghiệm thu khối lượng và giá trị dịch vụ nổ mìn của từng đợt nổ hoặc cho cả ngày nổ mìn.

### 3.2. Đơn giá:

Đơn giá nổ mìn được tính bằng tổng hai khoản a và b sau đây:

a) Đơn giá dịch vụ nổ mìn ( bao gồm chi phí nhân công, vật liệu, vận chuyển CNNM... và các chi phí khác) được tính theo quy mô bãi nổ thuốc nổ, chuyển vận chuyển CNNM và được xác định trên số lượng thuốc nổ thực tế thi công.

b) Đơn giá VLNCN: Theo đơn giá Thông báo giá số 115/HCMHT ngày 01/06/2022; số 183/HCMHT ngày 31/7/2022.

Khi có sự thay đổi về giá VLNCN hoặc sự biến động  $\pm 5\%$  về giá nguyên liệu, vật tư, nhân công chủ yếu hoặc có sự thay đổi về các chính sách kinh tế vĩ mô, pháp luật của nhà nước liên quan tới hoạt động khai khoáng so với thời điểm ký hợp đồng thì bên B sẽ thông báo cho bên A giá mới và thời điểm áp dụng giá mới bằng văn bản để hai bên thực hiện.

**Giá trị hợp đồng tạm tính cho 01 năm thực hiện như sau:**

TT	CHỦNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (CHƯA THUẾ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
<b>I</b>	<b>Thuốc nổ các loại</b>	<b>Kg</b>	<b>38.500</b>		<b>1.962.730.000</b>
1	Thuốc nổ Nhũ tương dùng cho lộ thiên	Kg	38.500	50.980	1.962.730.000
<b>II</b>	<b>Kíp nổ các loại</b>		<b>10.500</b>		<b>184.295.000</b>
1	Kíp nổ điện số 8 – 2m	Cái	2.000	9.210	18.420.000
2	Kíp nổ điện visai 20 số - 2m	Cái	5.000	17.110	85.550.000
3	Kíp nổ điện visai 20 số - 4,5m	Cái	3.500	22.950	80.325.000

CH  
 ÔN  
 IÓP  
 H  
 H  
 ĐÚ  
 H  
 ĐÚ

<b>III</b>	<b>Dây các loại</b>		<b>50.000</b>		<b>383.000.000</b>
1	Dây nõ chịu nước 12g/m	Mét	25.000	14.410	360.250.000
2	Dây điện nõ mạng	Mét	25.000	910	22.750.000
<b>IV</b>	<b>Dịch vụ</b>				<b>343.000.000</b>
1	Bãi nõ < 1.000 kg và nõ xử lý	Bãi	12	6.000.000	72.000.000
2	Bãi nõ ≥ 1.000 kg	Kg	26.500	6.000	159.000.000
2	Chi phí vận chuyển	Bãi	32	3.500.000	112.000.000
<b>V</b>	<b>Tổng cộng</b>				<b>2.873.025.000</b>
<i>Hai tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu hai mươi lăm nghìn đồng./.</i>					

Số lượng trên là số lượng tạm tính trong 01 năm, các chủng loại hàng có thể thay đổi số lượng cho nhau nhưng không làm thay đổi tổng số lượng đã ký hợp đồng.

Các đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT 10% (theo quy định của Nhà nước tại từng thời điểm thanh toán).

### **3.3. Tiến độ và phương thức thanh toán:**

3.3.1. Căn cứ vào Biên bản nghiệm thu kết quả nổ mìn, trong đó có xác nhận khối lượng VLNCN sử dụng của từng bãi mìn, bên B xuất hóa đơn GTGT cho bên A và giao cho bên A làm cơ sở thanh quyết toán.

3.3.2. Vào ngày 20 hàng tháng, hai bên tổng hợp giá trị thực hiện trong kỳ (kèm theo chứng từ từng đợt nổ) để làm cơ sở bên A thanh toán cho bên B.

3.3.3. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B là 80% giá trị trong kỳ khi bên B hoàn thiện đầy đủ hồ sơ thanh toán cho bên A và 20% giá trị còn lại được cộng dồn thanh toán vào kỳ sau. Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán theo danh mục hồ sơ dưới đây.

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán;
- Biên bản đối chiếu công nợ;
- Biên bản tổng hợp giá trị thực hiện trong kỳ;
- Biên bản tổng hợp khối lượng thực hiện trong kỳ;
- Hóa đơn GTGT do bên B phát hành;

### **3.4. Hình thức thanh toán:**

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản qua Ngân hàng.

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

### **Điều 4: Bất khả kháng.**

4.1. Sự kiện Bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở trong các sự kiện dưới đây:

- Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bao vây, phong tỏa, đình công, bạo loạn, phá hoại, khủng bố, bệnh dịch;

- Các sự cố xảy ra với hệ thống sản xuất của Bên A/ Bên B;
- Sự thay đổi pháp luật, chính sách, quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khiến một trong các Bên phải ngừng sản xuất, cung ứng, vận chuyển;

4.2. Các Bên không chịu trách nhiệm về các mất mát, tổn thất hoặc chi phí đối với Bên kia do không thể thực hiện được các trách nhiệm của mình theo hợp đồng này do Bất khả kháng như quy định tại điểm 4.1 nêu trên dù đã nỗ lực khắc phục và sau khi bên bị ảnh hưởng đã ngay lập tức nhưng không muộn hơn Hai (02) ngày, thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện Bất khả kháng;

#### **Điều 5: Chấm dứt hợp đồng**

5.1. Hợp đồng chấm dứt khi xảy ra các trường hợp sau:

- Hợp đồng hết hạn theo quy định;
- Các bên thực hiện xong toàn bộ các nghĩa vụ theo hợp đồng;
- Các bên thỏa thuận bằng văn bản chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hiệu lực;
- Do sự kiện bất khả kháng mà các Bên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng;

#### **Điều 6: Giải quyết tranh chấp**

6.1. Các tranh chấp hay khiếu nại liên quan đến hợp đồng này sẽ được các đại diện của hai Bên giải quyết thông qua thương lượng.

6.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được thông qua thương lượng thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng hai bên phải thực hiện.

6.3. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### **Điều 7: Cam kết chung.**

7.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải được hai bên thống nhất và lập thành phụ lục hợp đồng và có chữ ký đại diện hợp pháp của hai Bên. Phụ lục của hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

7.2. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc phải thông báo kịp thời cho nhau bằng văn bản trước 02 ngày để cùng giải quyết.

7.3. Hai Bên đã đọc hợp đồng, hiểu rõ, đồng ý ký kết và thực hiện tất cả những thỏa thuận trong hợp đồng.

7.4 Hợp đồng chỉ được thực hiện khi bên A có đủ các thủ tục liên quan đến công tác dịch vụ nổ mìn.

7.5. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 21/02/2022 đến hết ngày 31/01/2025.

Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 03 (ba) bản để thực hiện./.



**TRƯỞNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Văn Việt*



(Mẫu biên bản thực hiện kèm theo Hợp đồng nổ mìn)

CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ  
BẮC TRUNG BỘ - MICCO  
CHI NHÁNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ  
HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày ..... tháng ..... năm 2023

Mẫu số: 07-VLNCN

**PHIẾU GIAO NHẬN VLNCN TẠI KHAI TRƯỜNG PHỤC VỤ NỔ MÌN**

(Hộ chiếu nổ mìn số: ...../...../2023/HCNM-.....)

Thời gian giao: Vào hồi.....giờ.....phút....., ngày.....tháng..... năm 2023

Địa điểm tại: ..... của ..... thuộc địa phận .....

Người giao hàng:.....Đơn vị: Chi nhánh CN hóa  
chất mỏ Hà Tĩnh

Người giao hàng:.....-Chỉ huy nổ mìn

.....-Người trực tiếp nhận

Người giám sát: .....

.....thuộc .....

T T	TÊN VLNCN	ĐVT	Số lượng	Lô – Ngày tháng năm sản xuất	Ghi chú
1	Thuốc nổ ANFO Ø....	Kg			
2	Thuốc nổ NT dùng cho LT Ø.....	Kg			
3	Thuốc nổ NT dùng cho LT Ø.....	Kg			
4	Thuốc nổ NT dùng cho LT Ø.....	Kg			
5	Kíp nổ điện số 8-2m	Cái			
6	Kíp nổ điện vi sai – 2m	Cái			
7	Kíp nổ điện vi sai – 4,5m	Cái			
8	Dây nổ chịu nước 12g/m	Mét			
9	Dây điện nối mạng	Mét			

**NGƯỜI  
GIAO**  
(ký, ghi rõ  
họ tên)

**NGƯỜI GIÁM SÁT**  
ĐỐC CÔNG/KÊ TOÁN      GIÁM ĐỐC ĐH  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI NHẬN**  
(ký, ghi rõ họ  
tên)

**CHỈ HUY NỔ  
MÌN**  
(ký, ghi rõ họ tên)

0  
- 0  
/ AN  
/ GH  
/ HAT  
/ TINH  
/ - T.Y  
/ 45  
/ OX  
/ JAJ  
/ HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BM-08.VLNCN

**BIÊN BẢN**  
**NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG NỔ MÌN VÀ KẾT QUẢ NỔ MÌN**

Kèm theo hộ chiếu nổ mìn số: ..... /HCNM-.....  
Thời gian nổ mìn:.....h.....p, ngày.....tháng.....năm 2023

**A. Thành phần**

1.Đại diện bên A: .....

Ông: ..... - Chức vụ: Giám đốc ĐH  
Ông/Bà: ..... - Chức vụ: Đốc Công/Kế toán

2.Đại diện bên B: Chi nhánh Công nghiệp Hóa chất mỏ Hà Tĩnh:

Ông: ..... - Chức vụ:  
Ông: ..... - Chức vụ:

**B. Nội dung:****I.Khối lượng bãi mìn đã thi công:**

1.Số lỗ khoan theo hộ chiếu: ..... lỗ. Thực tế .....lỗ  
-Trong đó: Số lỗ khoan đủ chiều sâu thiết kế: ..... lỗ  
-Số lỗ khoan thiếu chiều sâu từ 0,5 - 1m: ..... lỗ.  
-Số lỗ khoan thiếu chiều sâu từ 1m - 2m ..... lỗ.  
-Số lỗ khoan thiếu chiều sâu >2m ..... lỗ.  
2. Tổng số mét khoan nổ mìn theo hộ chiếu ..... m.  
3. Khối lượng đất đá nổ mìn theo hộ chiếu: ..... m<sup>3</sup>.  
4. Khối lượng thuốc nổ thiết kế theo hộ chiếu: ..... kg. Thực tế: .....kg

**III. Thực trạng điều kiện thi công bãi nổ:**

1.Thời tiết:.....  
2. Độ ổn định của thành lỗ khoan: .....  
3. Đặc điểm khác (nếu có): .....  
4. Những lỗ mìn sập lở trong quá trình thi công: .....

**IV. Đánh giá sơ bộ chất lượng nổ mìn:**

1. Chất lượng VLNCN: .....  
2. Chất lượng bãi nổ: .....  
.....  
3. Mức độ đập vỡ bề mặt: .....  
.....  
4. Đánh giá khác (nếu có): .....  
.....  
IV. Nguyên nhân .....  
.....

**V. Xác nhận số lượng VLNCN sử dụng:**

TT	Chủng loại VLNCN	ĐVT	Khối lượng sử dụng		
			Theo hộ chiếu	Theo thực xuất	Thực tế sử dụng
<b>I</b>	<b>Thuốc nổ</b>				
1	Thuốc nổ Anfo $\varnothing$ .....	kg			
2	Thuốc nổ NT $\varnothing$ .....	kg			
3	Thuốc nổ NT $\varnothing$ .....	kg			
4	Thuốc nổ NT $\varnothing$ .....	kg			
5	Thuốc nổ NT $\varnothing$ .....	kg			
<b>II</b>	<b>Phụ kiện nổ</b>				
1	Dây nổ chịu nước 12g/m	mét			
2	Kíp nổ điện K8	cái			
3	Kíp nổ điện VS 2m	cái			
4	Kíp nổ điện VS 4,5 m	cái			
5	Dây điện đầu mạng	mét			

**VI. Kết luận**

.....  
 .....  
 - Hai bên thống nhất khối lượng làm cơ sở nghiệm thu thanh toán hàng tháng.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

Đốc công/ Kế toán      Giám đốc ĐH

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ  
BẮC TRUNG BỘ - MICCO  
CHI NHÁNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ  
HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số: 09-VLNCN

### PHIẾU TRẢ VLNCN SAU KHI NỔ MÌN

(Hộ chiếu nổ mìn số:...../...../2023/HCNM-.....)

Hôm nay, vào hồi .....giờ .....phút, ngày ..... tháng ..... năm 2023

Địa điểm nổ mìn: ..... của ..... thuộc địa phận .....

Đơn vị thi công nổ mìn: Đội khoan nổ mìn Chi nhánh CN hóa chất mỏ Hà Tĩnh

Phụ trách nổ mìn (Chỉ huy nổ mìn): .....

Người giao nhận (Áp tải) : .....

Người giám sát : .....

Thời gian nổ mìn vào hồi: ....giờ..... đến .....giờ..... ngày.....tháng.....năm 2023

ST T	TÊN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG					Ghi chú	Thủ kho ký
			Đã cấp phát	Đã sử dụng	Nhập lại	Lô – Ngày, tháng sản xuất			
<b>I</b>	<b>Thuốc nổ</b>	<b>Kg</b>							
1	Thuốc nổ ANFO Ø80	Kg							
2	Thuốc nổ NT dùng cho LT Ø...	Kg							
3	Thuốc nổ NT dùng cho LT Ø...	Kg							
		Kg							
<b>II</b>	<b>Kíp (các loại)</b>	<b>Cái</b>							
1	Kíp nổ điện số 8-2m	Cái							
2	Kíp nổ điện vi sai – 2m	Cái							
3	Kíp nổ điện vi sai – 4,5m	Cái							
<b>III</b>	<b>Dây (các loại)</b>	<b>Mét</b>							
1	Dây nổ chịu nước 12g/m	Mét							
2	Dây điện nối mạng	Mét							

-Nguyên nhân thừa VLNCN:.....

#### Kết luận:

- Các bên thống nhất trả lượng VLNCN trên về nhập tại Kho: Hóa chất mỏ Hà Tĩnh khối 8, phường Đạm Liêu, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

-Thực hiện vận chuyển VLNCN về kho theo đúng quy định tại Mục3– QCVN01:2019/BCT.

**NGƯỜI NHẬN**  
(CN giao nhận, áp tải)  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI GIÁM SÁT**  
ĐỐC CÔNG/KÊ TOÁN      GIÁM ĐỐC ĐH  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỈ HUY NỔ MÌN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

Số: 02 /2024/ HĐKT-ĐQ

*“V/v thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt”*

- Căn cứ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 33/2005/QH11 được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2006.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014;

- Căn cứ đề nghị của Hợp tác xã Đức Quang về việc thu gom và vận chuyển rác thải thông thường

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của hai bên;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024, Chúng tôi gồm:

**BÊN A : HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG**

Địa chỉ : Thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại : 0973.103.146

Số tài khoản : 1299912999 Tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh

Đại diện : Ông Phan Xuân Cường Chức vụ: Giám đốc quản lý

**BÊN B : HTX DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG TIẾN THÀNH**

Địa chỉ: Xã Kỳ Tiến, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Số tài khoản: 3713201000481 - Tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Bắc Kỳ Anh – Hà Tĩnh II

Mã số thuế: 3001661181

Điện thoại: 0975.945.289

Đại diện: Ông Võ Thành Dy Chức vụ: Giám đốc HTX.

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thông thường với các nội dung sau

**ĐIỀU 1 : NỘI DUNG DỊCH VỤ**

1.1 Bên A giao Bên B thu gom và vận chuyển rác thải thông thường cho bên A phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Bên A. Rác thải được quy định tại hợp đồng này là rác thải sinh hoạt thông thường, không chứa rác thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

1.2 Bên B nhận thu gom, vận chuyển bằng xe chuyên dụng của mình và vận chuyển rác thải sinh hoạt cho Bên A đến tại khu xử lý rác thải tập trung của huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3 Tần suất thu gom: **04 lần/tháng**

1.4 Địa điểm thu gom rác thải sinh hoạt: Hợp tác xã Đức Quang

1.5 Yêu cầu công việc:

Bên B phải thực hiện thu gom đúng lịch như đã thống nhất với bên A, không được để tình trạng rác ứ đọng lâu ngày, bốc mùi ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan

## **ĐIỀU 2 : THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

Thời gian bắt đầu hợp đồng kể từ ngày ký – Thời hạn kết thúc hợp đồng là khi Bên A không có nhu cầu thu gom rác thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

## **ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

### **3.1 Đơn giá**

Đơn giá : 300.000/ tháng .

Tổng số tiền hợp đồng trong năm : 12 tháng x 300.000 đồng = 3.600.000 đồng

Bằng chữ: Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng./.

### **3.2 Phương thức thanh toán:**

**Đồng tiền thanh toán:** Tiền Việt Nam Đồng.

**Hình thức thanh toán:** Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt

**Phương thức thanh toán:** Thanh toán 2 lần/ năm

**Thời gian thanh toán:** Trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán.

- Hồ sơ thanh toán gồm: đề nghị thanh toán của Bên B

## **ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM 2 BÊN**

### **4.1. TRÁCH NHIỆM BÊN A**

#### **\* Quyền của Bên A:**

- Giám sát, kiểm tra công việc thực hiện của Bên B;

- Chấm dứt hợp đồng nếu Bên B vi phạm các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Kiến nghị điều chỉnh hợp đồng/giá hợp đồng khi cần thiết.

28  
HỢP  
ĐỒNG  
GIẾP  
ẢNH  
HƯỞNG

**\* Nghĩa vụ của Bên A:**

- Nghiệm thu công việc, tạm ứng, thanh toán của Bên B đúng quy định trong hợp đồng.
- Tạo điều kiện thuận lợi và các công việc khác có liên quan cho Bên B

**4.2. TRÁCH NHIỆM BÊN B**

**\* Quyền của Bên B:**

- Từ chối thu gom, vận chuyển các loại rác thải nguy hại, rác thải công nghiệp, rác thải xây dựng và các rác thải phát sinh do thiên tai, bão lụt gây ra (Bên B sẽ xử lý khi có hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên).
- Từ chối thu gom rác thải khi không nộp tiền theo quy định
- Kiến nghị điều chỉnh hợp đồng/giá hợp đồng khi cần thiết.
- Được thanh toán đúng theo quy định.

**\* Nghĩa vụ của Bên B:**

- Chịu trách nhiệm về phương tiện và nhân công tổ chức thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến nhà máy xử lý rác sinh hoạt tại xã Kỳ Tân đúng thời gian và quy định, không gây ô nhiễm môi trường, cảnh quan.
- Cung cấp đầy đủ các hồ sơ cho Bên A

**ĐIỀU 5 : TẠM DỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

1. Hợp đồng sẽ tạm dừng nếu một trong hai bên không thực hiện hoặc vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng/ hoặc không khắc phục việc vi phạm đó mà không phải do điều kiện khách quan được bên còn lại đồng ý bằng văn bản.

2. Hợp đồng chấm dứt khi có sự đồng ý của hai bên hoặc một bên vi phạm hợp đồng mà không được bên còn lại chấp nhận bằng văn bản; Không được đơn phương chấm dứt hợp đồng. Bên muốn chấm dứt hợp đồng phải gửi văn bản cho bên còn lại trước ít nhất 07 ngày làm việc.

Việc chấm dứt hợp đồng chỉ được thực hiện khi các bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo đúng luật dân sự.

**ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này. Trường hợp bên nào vi phạm hợp đồng sẽ phải bồi thường cho bên còn lại theo quy định của pháp luật. Mọi sự thay đổi trong hợp đồng phải được sự đồng ý của hai bên. Những tranh chấp phát sinh từ hợp đồng, hai bên thương lượng giải quyết; trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, hai bên nhất trí giải quyết tranh chấp đó qua cơ quan Tòa án có thẩm quyền.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.



Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

  
Phan Xuân Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B

  
  
Võ Thanh Duyệt

)

## HỢP ĐỒNG KINH TẾ

**THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
**Số: 231103/HĐ –XLMTNA – HTXDUCQUANG**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4.104.VX của Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 2) ngày 04/05/2020;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số 1-2-3-4-5-6.071.VX của Công ty CP môi trường Nghi Sơn do Bộ tài nguyên môi trường cấp (lần 6) ngày 07/06/2021;
- Căn cứ Công văn số 3548/BTNMT- TCMT ngày 02 tháng 07 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn;
- Căn cứ nhu cầu của Hợp tác xã Đức Quang và khả năng thực hiện công việc của Công ty CP Xử lý môi trường Nghệ An.

Hôm nay, ngày 03 tháng 11 năm 2023 tại văn phòng Hợp tác xã Đức Quang, chúng tôi gồm có:

**BÊN A (Bên giao) : HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG**

Địa chỉ : Thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Điện thoại : 0973103146

Tài khoản : 1299912999

Ngân hàng : TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)- CN Hà Tĩnh.

Mã số thuế : 3000345786

Đại diện : Ông Phan Xuân Cường Chức vụ: Giám đốc quản lý

(Kèm theo Quyết định bổ nhiệm số: 13/ĐQ-HTX ngày 06/08/2023)

**BÊN B (Bên nhận) : CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN**

Địa chỉ : Xóm 5, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0982 491 067 Email: nguyensexuan.xlmt@gmail.com

Tài khoản : 0101000997708

Ngân hàng : TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)- CN Nghệ An

Mã số thuế : 2901070574

Đại diện : Ông Nguyễn Văn Xuân Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại thường trực khi gọi thu gom chất thải: Ông Nguyễn Ngọc Tú (0973.692.777)



Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) với những điều khoản sau đây:

## ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao CTNH của Bên A để xử lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

- Cách thức thu gom CTNH: Bên A thông báo trước (bằng văn bản hoặc điện thoại) cho Bên B trước 03 ngày về thời gian thu gom CTNH.
- Địa điểm thu gom CTNH: Tại Mỏ đá xây dựng Khe Lài (Xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh).
- Địa điểm xử lý CTNH của Bên B: Tại Cơ sở tái chế dầu nhớt thải - Xóm 6, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Địa điểm chuyển giao xử lý: Công ty CP Môi trường Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn của Hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Kết thúc thời hạn nói trên các Bên cùng nhau thương lượng về việc ký kết hợp đồng mới. Trường hợp không thỏa thuận được, các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và không còn nợ giữa hai bên thì coi như Hợp đồng này tự động thanh lý.

## ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

### 2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý:

2.1.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải theo dạng khoán: **11.000.000 đồng/ 01 lần thu gom**. Khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 600 kg/ 01 lần thu gom (*Sáu trăm kilogam một lần thu gom*) trừ dầu nhớt thải. Trường hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh vượt quá khối lượng 600 kg/01 lần thu gom thì ngoài đơn giá khoán ra, chi phí xử lý phát sinh sẽ áp dụng đơn giá thu gom: Số kilogam vượt nhân 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).

Danh mục chất thải thu gom như sau:

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06
4	Ấc quy, chì thải	Rắn	19 06 01
5	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03

2.1.2. Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

2.1.3. Ký hiệu và mã CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

### 2.1. Hình thức thanh toán:

2.2.1. Hình thức thanh toán: Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng Việt Nam đồng theo hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên B theo tiến độ như sau:

- Đợt 1: Tạm ứng 40% tổng giá trị hợp đồng ngay sau khi hai bên ký hợp đồng.

- Đợt 2: Thanh toán 60% giá trị hợp đồng còn lại chậm nhất 10 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm (tính theo thời điểm xuất hóa đơn):
  - + Hóa đơn giá trị gia tăng;
  - + Đề nghị thanh toán;
  - + Biên bản nghiệm thu khối lượng;
  - + Liên chứng từ chất thải nguy hại số 4.

2.2.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

2.2.3. Trường hợp nếu bên A chậm thanh toán cho bên B theo (Điều 1, khoản 2.2) thì ngoài giá trị hợp đồng nêu trên bên A phải chịu thêm phạt với mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.

### **ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

#### **3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:**

- Thông báo số lượng, chủng loại chất thải cho bên B trước khi thu gom vận chuyển. Đảm bảo các loại chất thải nguy hại bên A chuyển giao cho bên B có trong giấy phép của Công ty CP xử lý môi trường Nghệ An và Công văn số 3548/BTNMT-TCMT ngày 02/07/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn (không bao gồm các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt);
- Tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải;
- Hỗ trợ bên B việc vận chuyển chất thải lên xe trong trường hợp khối lượng thu gom lớn cần phải có phương tiện cơ giới bốc dỡ;
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo với bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các chất thải với nhau. Trường hợp các CTNH không đúng như thông báo với Bên B thì các Bên tiến hành lập biên bản bổ sung chủng loại CTNH cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật cho Bên B;
- Bên A có trách nhiệm theo dõi giám sát quá trình giao nhận chất thải và phối hợp lập chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;
- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận số lượng chất thải của bên A bàn giao đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó;
- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để bốc dỡ, thu gom chất thải tại khu lưu giữ CTNH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận;
- Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của bên A và bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải;
- Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được lưu chứa trong phương tiện, vật chứa chuyên dụng, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý, chuyển giao xử lý chất thải của bên B;
- Bên B cam kết lưu giữ, xử lý, chuyển giao chất thải theo đúng với quy định của pháp luật;
- Chuyển trả chứng từ CTNH cho Bên A sau khi xử lý và chuyển giao xử lý hoàn tất các loại CTNH;

0705;  
3 TY  
JLY  
RUC  
I E A  
EN-T



- Trong trường hợp phương tiện vận chuyển hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong vòng 3 ngày làm việc;
- Cùng bên A xác nhận khối lượng, chất thải thu gom, vận chuyển xử lý;
- Bên B có quyền tạm dừng vận chuyển CTNH của bên A khi chất thải nguy hại không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này các Bên tiến hành lập biên bản làm căn cứ xác nhận. Bên B cử cán bộ hướng dẫn Bên A phân loại, đóng gói lại chất thải theo đúng quy định;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

##### **4.1. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:**

- 4.1.1. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin;
- 4.1.2. Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- 4.1.3. Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt Hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

##### **4.2. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:**

- 4.2.1. Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng nếu chứng minh bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của hợp đồng. Thông báo đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng phải được gửi cho bên vi phạm 30 ngày làm việc trước ngày đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng;
- 4.2.2. Trường hợp hợp đồng này bị đơn phương chấm dứt, tạm dừng không tuân thủ theo quy định trên, thì bên chấm dứt Hợp đồng không đúng quy định phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và chịu phạt vi phạm Hợp đồng cho Bên kia;
- 4.2.3. Các Bên không phải bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 5 : TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

- 5.1. Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được, không có sẵn và không thể khắc phục được sau ngày ký hợp đồng này, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo tập quán thương mại chung của Việt Nam;
- 5.2. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng.

#### **ĐIỀU 6 : BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

##### **6.1 Bồi thường thiệt hại:**

- 6.1.1. Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại thực tế và lỗi của bên vi phạm. Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm;
- 6.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy

đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho bên kia.

## 6.2 Phạt vi phạm Hợp đồng:

6.2.1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm;

6.2.2. Mức phạt vi phạm bằng 8% tổng giá trị Hợp đồng này.

## ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp phát sinh tranh chấp từ nội dung hợp đồng này các bên cùng thương lượng hòa giải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong trường hợp không thể hòa giải được các bên có quyền khởi kiện ra Tòa Án có thẩm quyền giải quyết.

## ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1. Bất kỳ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó là một phần không thể tách rời là bản chính hay là Phụ lục bổ sung của Hợp đồng này.

8.2. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

8.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;

8.4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.



Số: 111/QBVMT

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 03 năm 2024

**GIẤY XÁC NHẬN  
ĐÃ KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số: 2674/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh, nâng công suất khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”.*

Quỹ Bảo vệ môi trường xác nhận:

Tên tổ chức: Hợp tác xã Đức Quang

Địa chỉ: Thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Điện thoại: 0966487274

Đại diện: Ông Trần Văn Viết

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thực hiện nộp tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản vào tài khoản của Quỹ Bảo vệ môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

Tổng số tiền ký quỹ CTPHMT theo QĐ được phê duyệt: 1.709.504.000 đồng;

Tổng số tiền ký quỹ Công ty đã nộp đến thời điểm hiện tại: 809.381.000 đồng;

- Tên phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung: Dự án điều chỉnh, nâng công suất khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

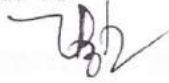
- Địa điểm: xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số: 2308/GP-UBND ngày 13/08/2014 và 4473/GP-UBND ngày 28/12/2020 do UBND tỉnh cấp

- Thời hạn của Giấy phép: 20 năm kể từ ngày ban hành giấy phép.

**Nơi nhận:**

- HTX Đức Quang;
- Sở TN&MT;
- Lưu VT.



**Phạm Thái Bình**

## BIÊN BẢN KIỂM TRA

V/v chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan của HTX Đức Quang tại mỏ đá Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh.

Thực hiện Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 31/5/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan đối với các tổ chức khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh năm 2022.

Hôm nay, vào hồi 13 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại khu vực mỏ đá Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh của Hợp tác xã Đức Quang.

### A. Thành phần tham gia kiểm tra gồm có:

#### 1. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Ông Nguyễn Anh Sơn Phó trưởng phòng Khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường - Phó trưởng đoàn;
- Ông Lê Tài Tuấn Phó Chánh thanh tra, Sở Tài nguyên và Môi trường - Phó trưởng đoàn;
- Ông Đặng Xuân Hưng Chuyên viên phòng Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường - Thành viên;
- Ông Trần Xuân Thạch Phó trưởng Phòng Quản lý nhà, thị trường BĐS và VLXD - Sở Xây dựng - Thành viên;
- Ông Trần Huy Hoàng Kiểm tra viên thuế, Phòng Quản lý Hộ kinh doanh, Cá nhân và Thu khác, Cục Thuế tỉnh - Thành viên;

(Các thành viên: Nguyễn Văn Thành, Uông Tiến Dũng, Đinh Sỹ Tráng: Vắng có lý do).

#### 2. Đại diện UBND huyện Kỳ Anh

- Ông: Trần Thị Thủy Chuyên viên phòng TN&MT

#### 3. Đại diện đơn vị hoạt động khoáng sản: Hợp tác xã Đức Quang.

- Ông: Nguyễn Văn Hoàng Giám đốc điều hành mỏ (theo giấy ủy quyền số 2/UB-TGD ngày 08/11/2022 của Chủ tịch HĐQT, kiêm tổng giám đốc HTX Đức Quang, ủy quyền làm việc với Đoàn kiểm tra theo VB số 3902/STNMT-KS ngày 25/10/2022 của Sở TNMT).

### B. Nội dung và kết quả kiểm tra:

Sau khi nghe đại diện Công ty báo cáo, kiểm tra các tài liệu, hồ sơ có liên quan và kiểm tra thực tế tại hiện trường khu vực hoạt động khoáng sản,

Đoàn kiểm tra và Công ty thống nhất lập biên bản kiểm tra với nội dung như sau:

### **I. Khái quát chung**

- Tên đơn vị: Hợp tác xã Đức Quang.
- Địa chỉ: Thôn Trung Quang, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh hợp tác xã số 2808K00002, do UBND huyện Kỳ Anh cấp lần đầu ngày 19/7/2004, thay đổi lần thứ 2 ngày 3/2/2016; người đại diện theo pháp luật là ông Cao Nguyên, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Năm 2020 đăng ký lại mã số doanh nghiệp: 3000345786 (đăng ký lần 2) ngày 07/5/2020, người đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị Bích Hoài; thay đổi lần thứ 3 ngày 23/6/2021 là đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn Viết - chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 2308/GP-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh: thời hạn đến hết năm 2020, diện tích 4,5 ha, trữ lượng địa chất 1.867.129m<sup>3</sup>, trữ lượng khai thác 1.381.418m<sup>3</sup>, trữ lượng đất san lấp 133.980m<sup>3</sup>, công suất 70.000 m<sup>3</sup>/năm;

Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 4473/GP-UBND ngày 28/12/2020: diện tích 4,5ha, trữ lượng khai thác còn lại 1.310.004 m<sup>3</sup>, thời hạn tiếp tục khai thác: 20 năm, công suất 70.000m<sup>3</sup>.

### **II. Kết quả kiểm tra.**

#### **1. Về hiện trạng khu vực hoạt động khoáng sản.**

Khai thác phân thành 03 tầng, tầng khai thác có chiều cao trung bình 6m, mặt tầng khoảng 10m. Khai thác cơ bản phù hợp với thiết kế mỏ.

#### **2. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động khai thác khoáng sản và các quy định liên quan**

##### **a) Về lĩnh vực khoáng sản**

- Trạm cân và hệ thống camera giám sát tại các kho chứa, nơi vận chuyển quặng nguyên khai ra khỏi mỏ để theo dõi, lưu trữ thông tin liên quan: Đã lắp đặt.

- Thiết kế mỏ: Đã lập thiết kế mỏ, đã được Sở Xây dựng tham gia ý kiến tại công văn số 161/YKTK-SXD ngày 11/11/2013.

- Giám đốc điều hành mỏ: Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hoàng, trình độ chuyên môn kỹ sư khai thác mỏ làm giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 86/QĐ-HTX ngày 28/12/2021 (thay thế Quyết định số 35/2019/QĐ-HTX ngày 28/5/2019). Bổ nhiệm đúng tiêu chuẩn.

- Báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản năm 2021; Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản năm 2021: Đã nộp về Sở TN&MT (Báo cáo ngày 31/12/2021).

- Bản đồ hiện trạng mỏ năm 2021 và 6 tháng 2022: Đã lập (Do Công ty CP tư vấn và xây dựng Hà Tĩnh lập; đơn vị có Giấy phép đo đạc bản đồ theo

quy định).

- Sản lượng khai thác:

+ Năm 2021: 26.994m<sup>3</sup> nguyên khai;

+ 09 tháng đầu năm 2022: 78.515m<sup>3</sup> nguyên khai. Ngoài ra có 1.465m<sup>3</sup> đất san lấp.

- Công bố chất lượng sản phẩm hàng hóa phù hợp với Quy chuẩn QCVN16:2019/BXD về chất lượng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng đối với các sản phẩm Cốt liệu lớn dùng cho bê tông và vữa xây theo quy định: Đã thực hiện.

#### **b) Về lĩnh vực môi trường**

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt tại Quyết định 434/QĐ-UBND ngày 08/02/2014 của UBND tỉnh.

- Ký quỹ phục hồi môi trường:

+ Tổng số tiền ký quỹ là: 1.412.190.000 đồng.

+ Số tiền phải ký quỹ đến năm 2022 là: 542.958.000 đồng.

+ Số tiền đã ký quỹ là: 542.958.000 đồng.

- Báo cáo kết quả Quan trắc môi trường định kỳ: năm 2021: 02 lần; 09 tháng đầu năm 2022: 01 lần.

- Về chất thải rắn thông thường: chất thải rắn thông thường phát sinh gồm chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa rác và hợp đồng với HTX môi trường và dịch vụ tổng hợp Kỳ Bắc theo Hợp đồng kinh tế số 0106/2022/HĐKT-TT ngày 01/6/2022 để vận chuyển, xử lý.

- Về chất thải nguy hại: HTX đã bố trí nơi thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại và ký Hợp đồng với Công ty CP Xử lý môi trường Nghệ An để thu gom, vận chuyển, xử lý tại Hợp đồng số 221102/HĐ-XLMTNA-HTXDUCQUANG ngày 02/11/2022.

- Về bụi, khí thải: xe vận chuyển có phủ bạt, có thực hiện tưới ẩm đập bụi tại những nơi phát sinh bụi nhiều như: bãi tập kết, đường vận chuyển; bố trí cây xanh xung quanh khu vực khai thác và tuyến đường vận chuyển.

- Về nước mưa chảy tràn: đã bố trí mương thu gom nước mưa chảy tràn và hồ lắng.

#### **c) Về lĩnh vực đất đai**

Hợp đồng thuê đất số 28/2021/HĐTĐ ngày 31/5/2021 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh với Hợp tác xã, diện tích 30.566 m<sup>2</sup> tại khu vực núi Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; mục đích phục vụ khai thác đá (15.000m<sup>2</sup>), khu văn phòng 3.756m<sup>2</sup> và làm bãi chế biến đá xây dựng 11.810m<sup>2</sup>; thời hạn: đến ngày 28/12/2040.

Phần diện tích 03ha còn lại, đơn vị đã ký hợp đồng thuê đất số 39/2022/HĐTĐ ngày 03/11/2022, thời hạn đến 28/12/2040.

#### **d) Về lĩnh vực tài chính.**

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Quyết định phê duyệt tiền cấp



quyền số 4563/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh. Tổng số tiền phải nộp là 4.385.886.000 đồng, số lần nộp 10 lần. Đơn vị đã nộp đầy đủ số tiền lũy kế đến năm 2022.

- Tiền thuê đất, Thuế tài nguyên, Phí BVMT: Đến thời điểm kiểm không còn nợ.

#### ***e) Vấn đề liên quan***

Theo báo cáo của UBND huyện Kỳ Anh, đầu năm 2022, cử tri xã Kỳ Xuân có phản lên HUBND huyện Kỳ Anh về việc khai thác mỏ đá xã Kỳ Xuân gây ảnh hưởng môi trường khi vận chuyển, nghiền sàng và gây rung chấn khi nổ mìn. Nội dung này, UBND huyện Kỳ Anh đã kiểm tra, rà soát thực tế và đã có Văn bản số 1760/UBND-TNMT ngày 04/11/2022 yêu cầu HTX Đức Quang thực hiện các biện pháp để bảo vệ môi trường, an toàn trong nổ mìn.

Theo đó, yêu cầu HTX chấp hành nghiêm túc theo yêu cầu của UBND huyện Kỳ Anh tại văn bản nêu trên.

### **3. Nhận xét, đánh giá và yêu cầu của Đoàn kiểm tra.**

#### **3.1. Kết quả đạt được**

Đến thời điểm kiểm tra, Hợp tác xã đã hoàn thành thủ tục thuê đất trên toàn bộ diện tích mỏ; bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ theo đúng trình độ chuyên môn; tiến hành thi công, lắp đặt và bố trí các công trình bảo vệ môi trường (đào mương thu gom nước, hố lắng, thùng đựng chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại...), báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản, thống kê kiểm kê trữ lượng; lắp đặt camera giám sát, lắp đặt trạm cân; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường.

#### **3.2. Các tồn tại**

Việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường chưa đảm bảo theo yêu cầu của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (bụi, tiếng ồn), dẫn đến cử tri phản ánh, kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền.

#### **3.3. Yêu cầu Công ty**

- Khai thác theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn.
- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo ĐTM được duyệt và các quy định về an toàn vệ sinh lao động; cần có biện pháp xử lý đá mồ côi tại các cơ của tầng khai thác để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện trong quá trình khai thác.
- Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định.
- Tăng cường tưới ẩm đập bụi cung đường vận chuyển nhằm hạn chế bụi phát tán trong không khí, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống của dân sinh.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.
- Tập trung nguồn lực để đầu khai thác có hiệu quả, đảm bảo môi trường,



an toàn, vệ sinh lao động.

#### IV. Ý kiến của HTX:

- Thống nhất với kết quả kiểm tra và các tồn tại mà đoàn kiểm tra đã chỉ ra ở trên.

- Tiếp tục lắp đặt thêm hệ thống phun sương, hệ thống lưới chắn bụi tại Côn xay và sàn rung; trồng bổ sung cây xanh xung quang mỏ; cải tạo, sửa chữa hồ lắng phù hợp với hồ sơ môi trường; duy trì thường xuyên phun tưới nước nhiều lần trên ngày tại các đoạn đường khu vực gần nhà máy nhằm giảm bụi phát tán ra môi trường.

- Quá trình hoạt động khai thác sẽ giảm lượng thuốc nổ, có giải pháp khắc phục và giảm thiểu tối đa việc nổ mìn tránh gây rung chấn lớn.

- Kiểm soát, không để xe chở vật liệu quá tải, quá khổ, không che chắn bạt gây rơi vãi vật liệu trên đường.

- Hoàn thành thực hiện các nội dung khác về bảo vệ môi trường theo Đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Biên bản này được hoàn thành vào hồi 15 giờ 30 cùng ngày, đã được các thành viên Đoàn kiểm tra và đại diện đơn vị khai thác khoáng sản nhất trí thông qua; được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, đoàn kiểm tra 02 bản, HTX 01 bản./.

**ĐD HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG  
GIAM ĐỐC ĐHM**



**Nguyễn Văn Hoàng**

**ĐD UBND HUYỆN KỲ ANH**

**Trần Thị Thủy**

**ĐD ĐOÀN KIỂM TRA**

1. Nguyễn Anh Sơn .....

2. Lê Tài Tuấn.....

3. Đặng Xuân Hưng.....

4. Trần Xuân Thạch .....

5. Trần Huy Hoàng .....

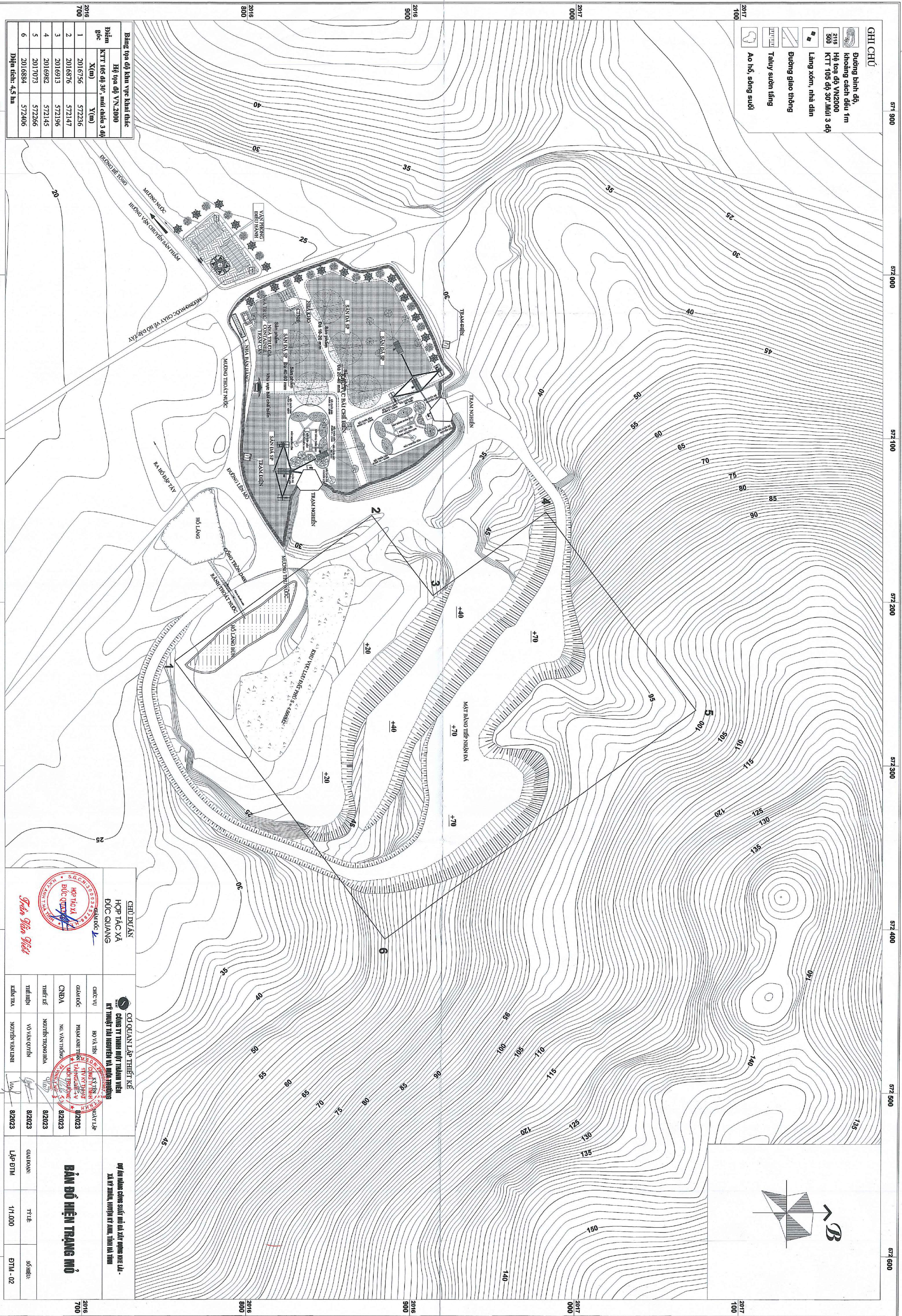
**PHỤ LỤC 2:**  
**CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN**





GHI CHÚ

- Đường bình độ, khoảng cách đều 1m
- Hệ tọa độ VN2000 KTT 105 độ 30' Múi 3 độ
- Làng xóm, nhà dân
- Đường giao thông
- Taluy sườn tầng
- Ao hồ, sông suối



Bảng tọa độ khu vực khai thác

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000
	X(m) Y(m)
1	2016756 572236
2	2016876 572147
3	2016913 572196
4	2016982 572145
5	2017073 572266
6	2016884 572406

Diện tích: 4,5 ha

**CHỦ DỰ ÁN**  
HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG

**CHỦ ĐẦU TƯ THIẾT KẾ**  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KỸ THUẬT HÀ NỘI VÀ MIỀN BẮC

CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN
GIÁM ĐỐC	TRẦN ANH THUAN	CHỦ ĐẦU TƯ THIẾT KẾ	TRẦN VĂN THƯỜNG
CNDA	NG. VĂN THƯỜNG	THIẾT KẾ	NGUYỄN THƯỜNG HOÀ
THIẾT KẾ	NGUYỄN THƯỜNG HOÀ	THIẾT KẾ	VŨ VĂN QUỲNH
KHẢO TRÃ	NGUYỄN VĂN LINH	THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN LINH

**PHÂN GIẢM GIỚI**

**BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG MỎ**

Ước lượng chiều sâu mỏ đá xây dựng theo địa chất và địa hình, hướng từ đông, thời kỳ đầu tiên

QUẠ ĐOÀN: T.T.L

LẬP ĐỒ: T.T.L

1/1:000

DTM-02

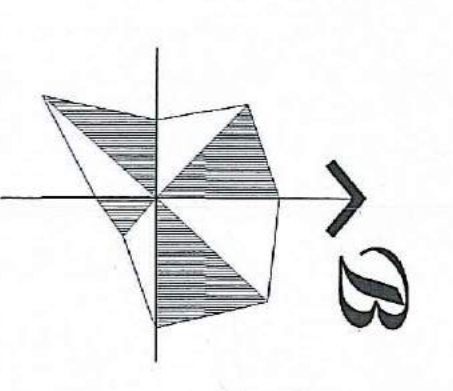
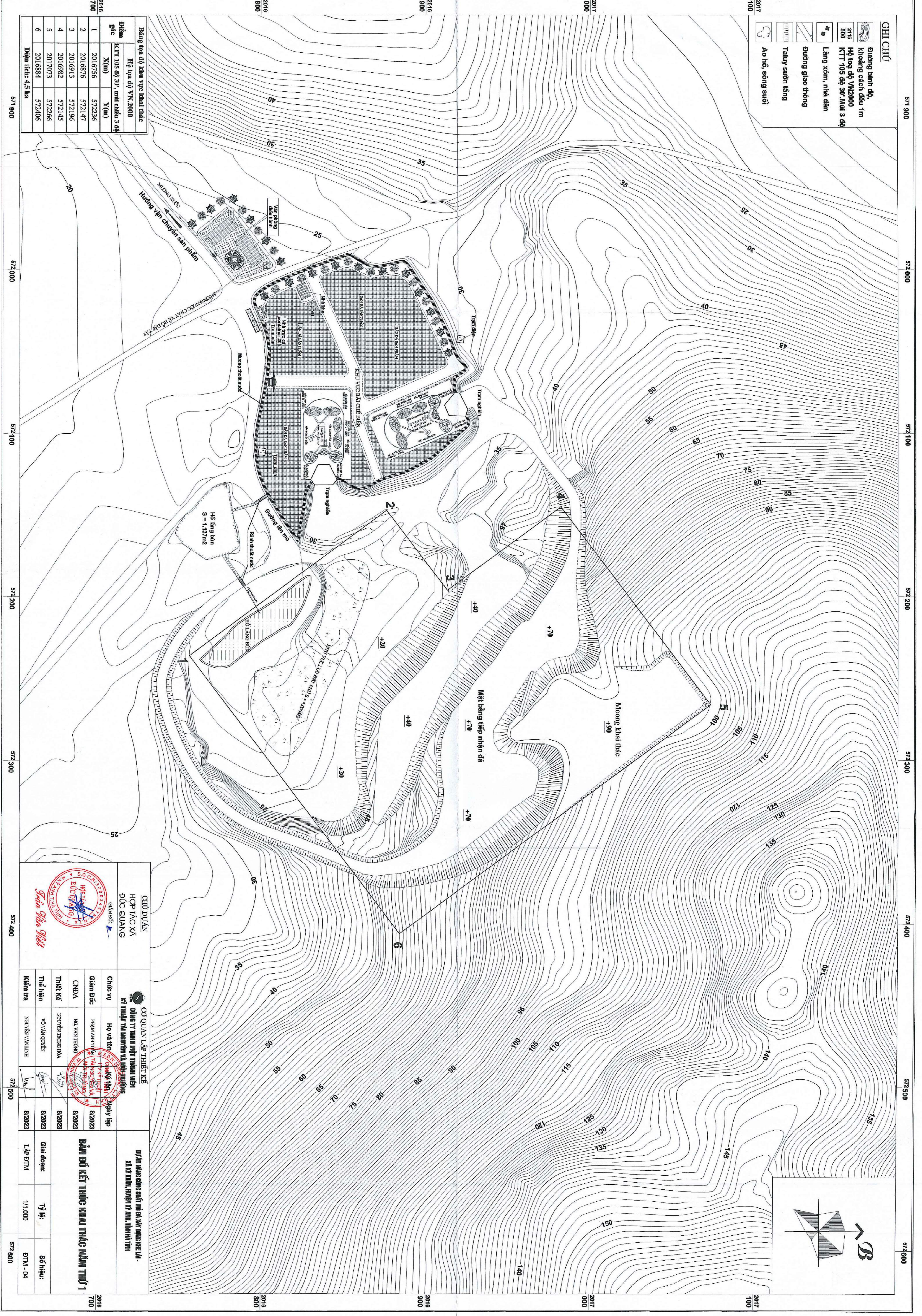
**GHI CHÚ**

- Đường bình độ, khoảng cách đều 1m
- Hệ tọa độ VN2000
- KTT 105 độ 30' kinh 3 độ 50'
- Làng xóm, nhà dân
- Đường giao thông
- Taluy sườn tầng
- Ao hồ, sông suối

**Bảng tọa độ khu vực khai thác**

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000	
	X(m)	Y(m)
1	2016756	572236
2	2016876	572147
3	2016913	572196
4	2016982	572145
5	2017073	572266
6	2016884	572406

Diện tích: 4,5 ha



**CHỦ DỰ ÁN**  
HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG

Giám đốc:

**CƠ QUAN LẬP THIẾT KẾ**  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Chức vụ	Họ và tên	Ngày lập
Giám Đốc	PHẠM ANH THƯỜNG	8/2023
CND	NG. VĂN THƯỜNG	8/2023
Thiết Kế	NGUYỄN THƯỜNG ĐÀ	8/2023
Thủ hiện	VÕ VĂN QUẬN	8/2023
Kiểm tra	NGUYỄN VĂN LINH	8/2023

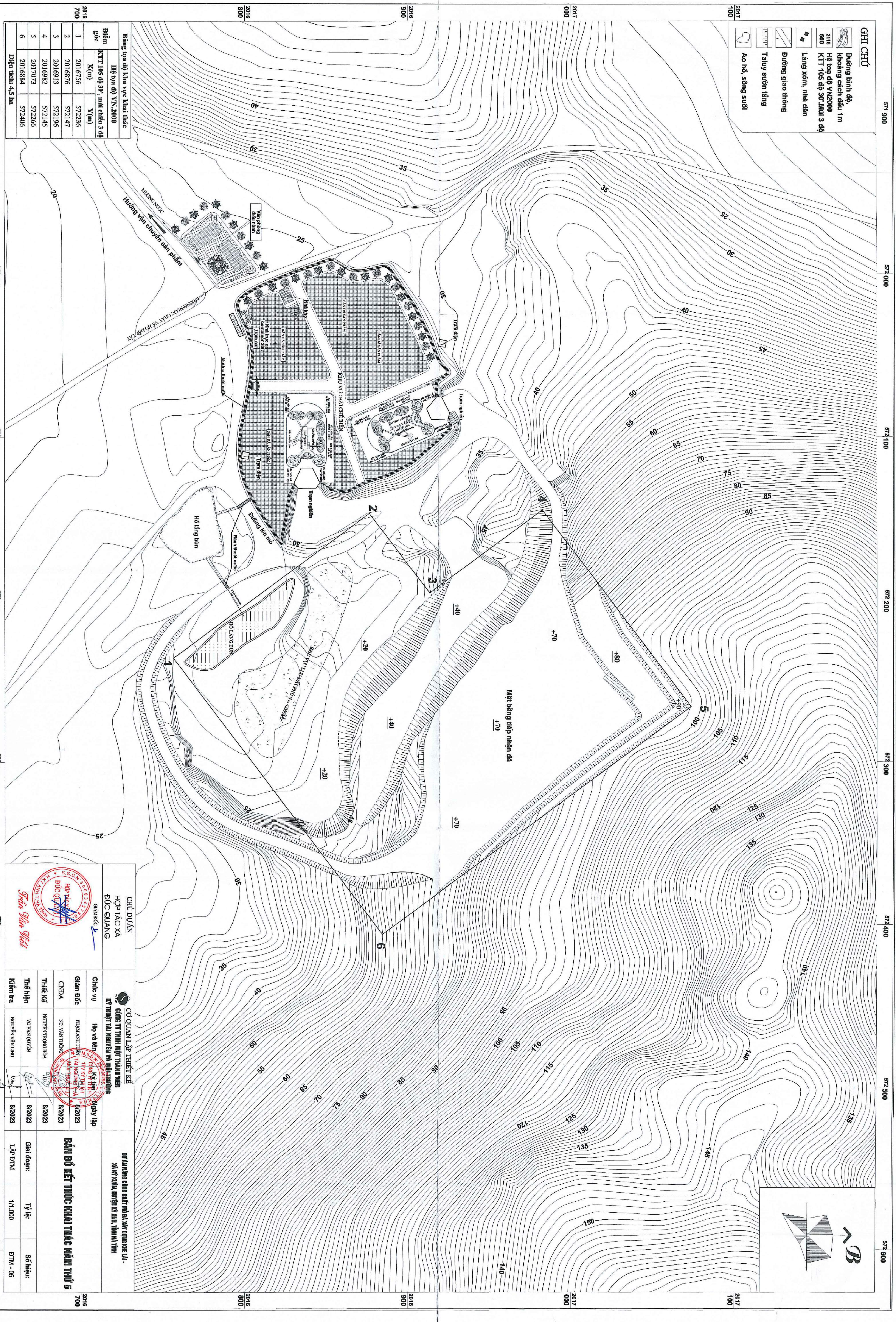
**BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM THỨ 1**

Ước lượng công suất mỏ và xây dựng cơ sở hạ tầng khai thác, huyện Từ Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Giai đoạn:	Tỷ lệ:	Số hiệu:
Lập DTM	1/1.000	DTM - 04

**GHI CHÚ**

- Đường bình độ, khoảng cách đều 1m
- Hệ tọa độ VN2000
- Làng xóm, nhà dân
- Đường giao thông
- Tả lỵ sườn tăng
- Ao hồ, sông suối



Bảng tọa độ khu vực khai thác

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000	X(m)	Y(m)
1	2016756	572236	700
2	2016876	572147	700
3	2016913	572196	700
4	2016982	572145	700
5	2017073	572266	700
6	2016884	572406	700

**CHỦ DỰ ÁN**  
HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG

**GIÁM ĐỐC**

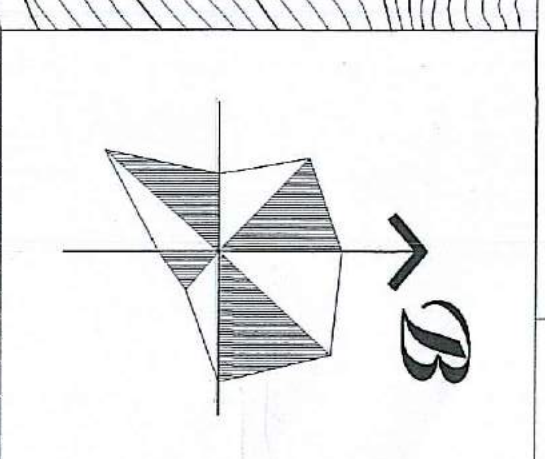
**CO QUẢN LÝ THIẾT KẾ**  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Chức vụ	Họ và tên	Ngày lập
Giám Đốc	PHẠM ANH THẠ	8/2023
CND/A	NG. VĂN THƯỜNG	8/2023
Thiết kế	NGUYỄN THƯỜNG ĐÀ	8/2023
Thẻ hiện	VÕ VĂN QUẬN	8/2023
Kiểm tra	NGUYỄN VĂN LINH	8/2023

**BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM THỨ 5**

Giải đoạn: Tỷ lệ: Số hiệu:

Lập DTM: 1/1.000 DTM-05

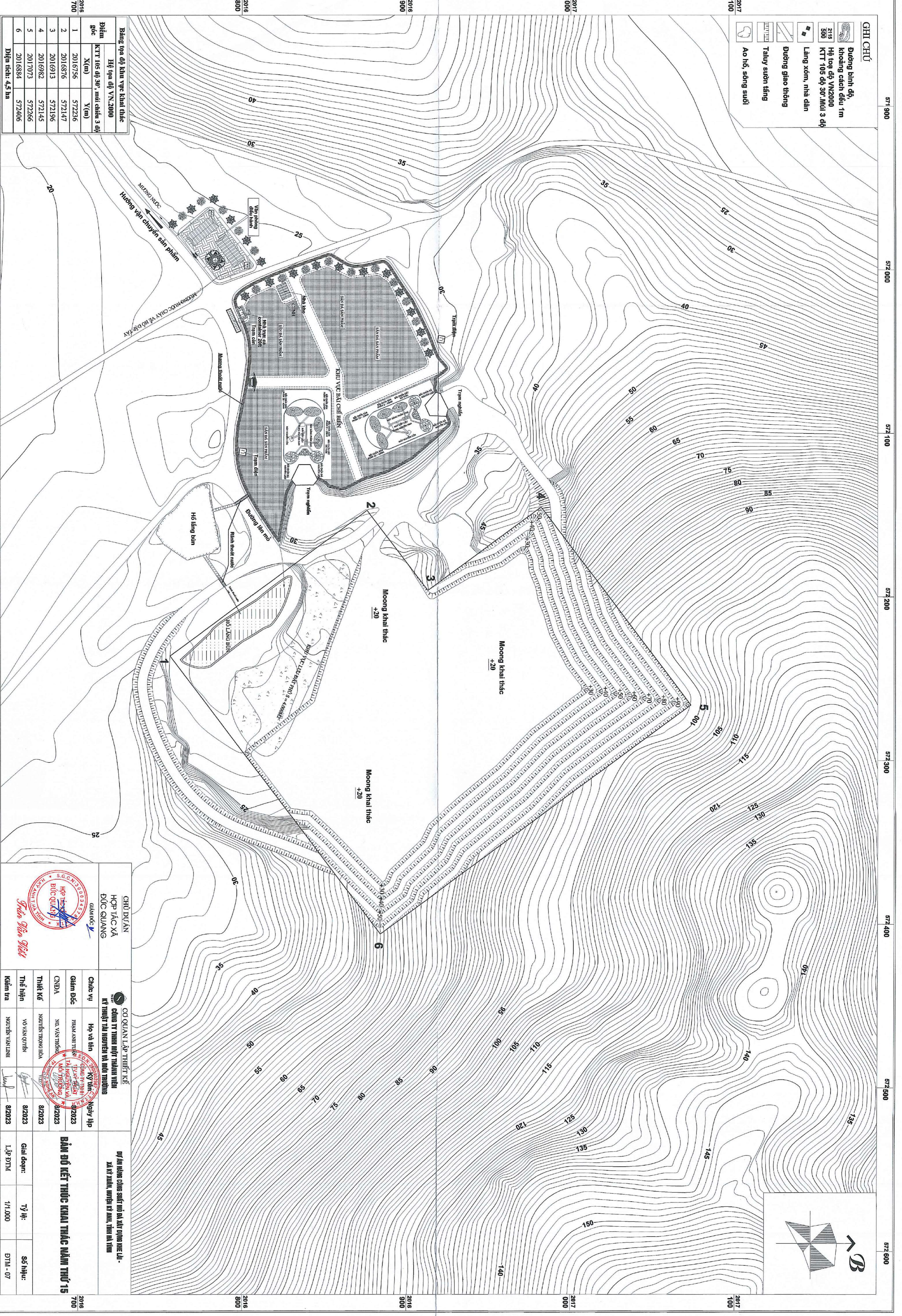






**GHI CHÚ**

- Đường bình độ, khoảng cách đều 1m
- Hệ tọa độ VN2000
- KTT 105 độ 30', kinh 3 độ 50'
- Làng xóm, nhà dân
- Đường giao thông
- Taluy sườn tăng
- Ao hồ, sông suối



**Bảng tọa độ các góc khai thác**

Biên góc	Hệ tọa độ VN2000	X(m)	Y(m)
1	2016756	572236	
2	2016876	572147	
3	2016913	572196	
4	2016982	572145	
5	2017073	572266	
6	2016884	572406	

Diện tích: 4,5 ha

**CHỦ ĐẦU TƯ**  
HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG

**GIÁM ĐỐC**  
ĐỨC QUANG

*Giáo Viên Việt*

**CƠ QUAN LẬP THIẾT KẾ**  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KỸ THUẬT TRẠI NGUYỄN VÀ NGUYỄN

Chức vụ	Họ và tên	Ngày lập
Giám Đốc	PHẠM ANH TUẤN	8/2023
CND	NG. VĂN THƯỜNG	8/2023
Thiết Kế	NGUYỄN THƯỜNG HÒA	8/2023
Thế hiện	VÕ VĂN QUẬN	8/2023
Kiểm tra	NGUYỄN VĂN LINH	8/2023

**BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC MÀM THỨ 15**

Ước lượng công suất mỏ đã khai thác theo: Lũy - 2A và 700m, ngoài 17 năm, thêm 2A và 700m

Giải đoạn:	Tỷ lệ:	Số hiệu:
Lập DTM	1/1.000	DTM - 07

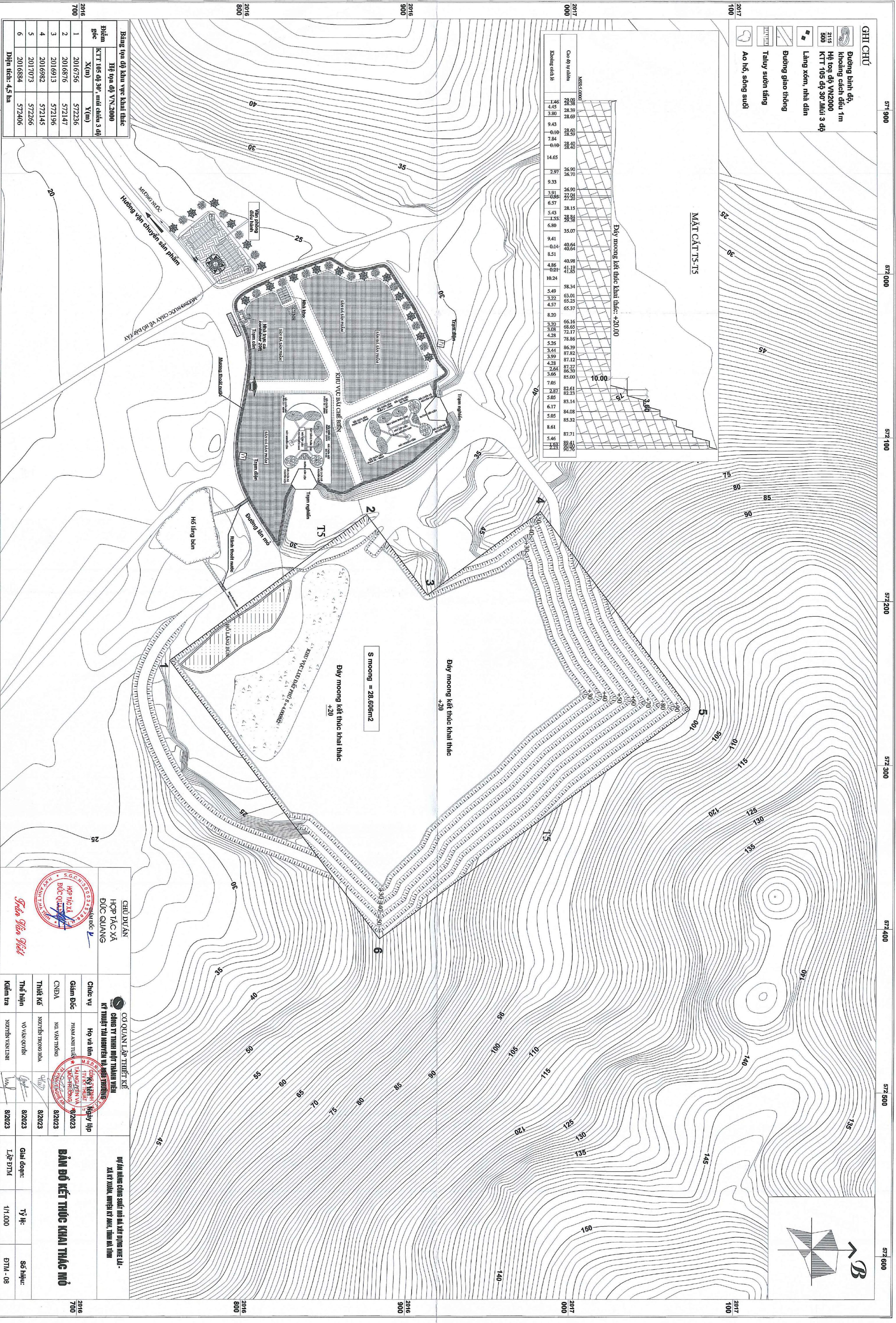
**GHI CHÚ**

- Đường bình độ, khoảng cách đều 1m
- Hệ tọa độ VN2000
- KTT 105 độ 30' Múi 3 độ
- Làng xóm, nhà dân
- Đường giao thông
- Taluy sườn tầng
- Ao hồ, sông suối

**MẶT CẮT T5-T5**

Đáy móng kết thúc khai thác +20,00

Cao độ vị trí	2017	2016	2015	2014	2013	2012	2011	2010	2009	2008	2007	2006	2005	2004	2003	2002	2001	2000
Khoảng cách từ	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	97.45	97.80	98.15	98.50	98.85	99.20	99.55	100.00	100.45	100.90	101.35	101.80	102.25	102.70	103.15	103.60	104.05	104.50



**Bảng tọa độ khu vực khai thác**

Hệ tọa độ VN2000

Điểm góc	X(m)	Y(m)
1	2016756	572236
2	2016876	572147
3	2016913	572196
4	2016982	572145
5	2017073	572266
6	2016884	572406

Diện tích: 4,5 ha

**CHỦ DỰ ÁN**  
HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG

**CÔNG TY THIẾT KẾ**  
KỸ THUẬT VÀ THI CÔNG VÀO CÔNG TRÌNH

**CHỨC VỤ**  
Giám Đốc

**Họ và tên**  
PHẠM ANH TUẤN

**Ngày lập**  
9/2023

**Thẩm định**  
NGUYỄN THẠCH HÒA

**Ngày lập**  
8/2023

**Thẩm tra**  
NGUYỄN VĂN LINH

**Ngày lập**  
8/2023

**Giới đoạn**  
Lập DTM

**Tỷ lệ**  
1/1.000

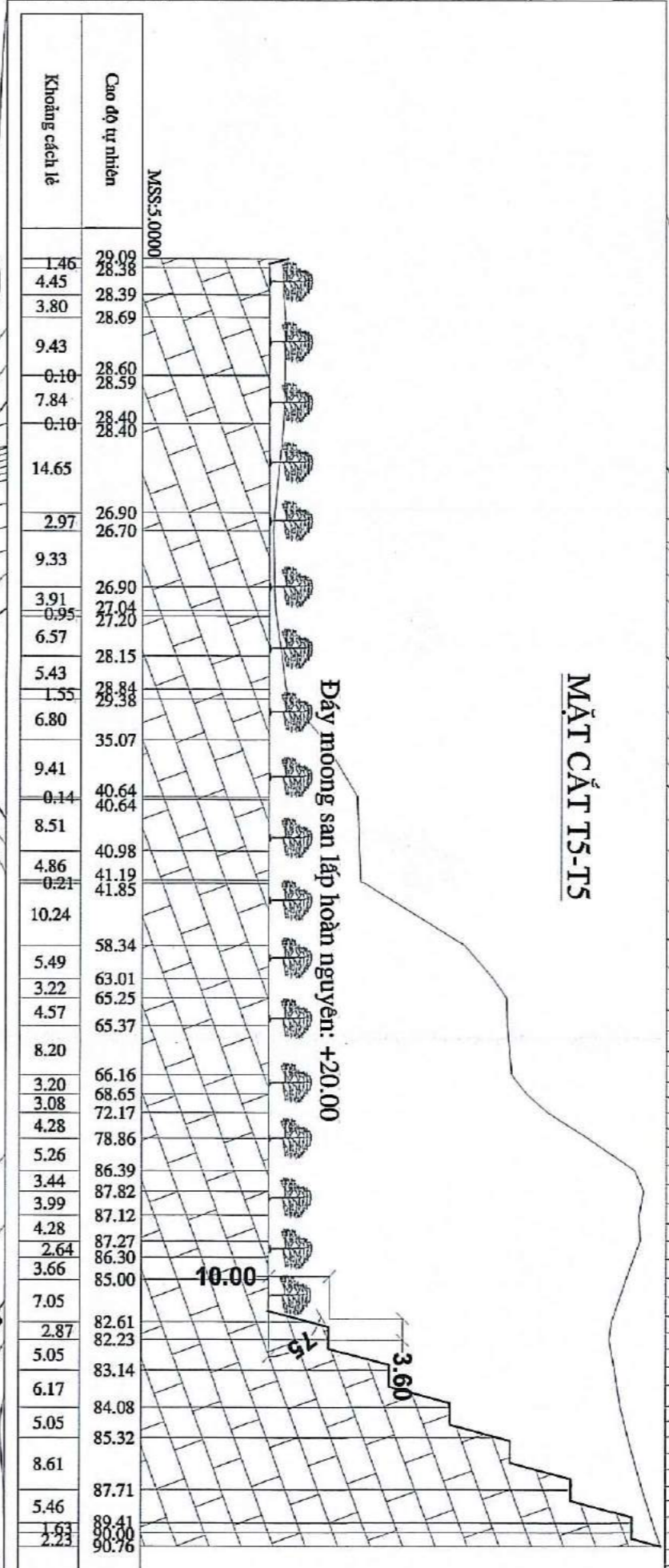
**Số hiệu**  
DTM-08

**BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC MỎ**



**GHI CHÚ**

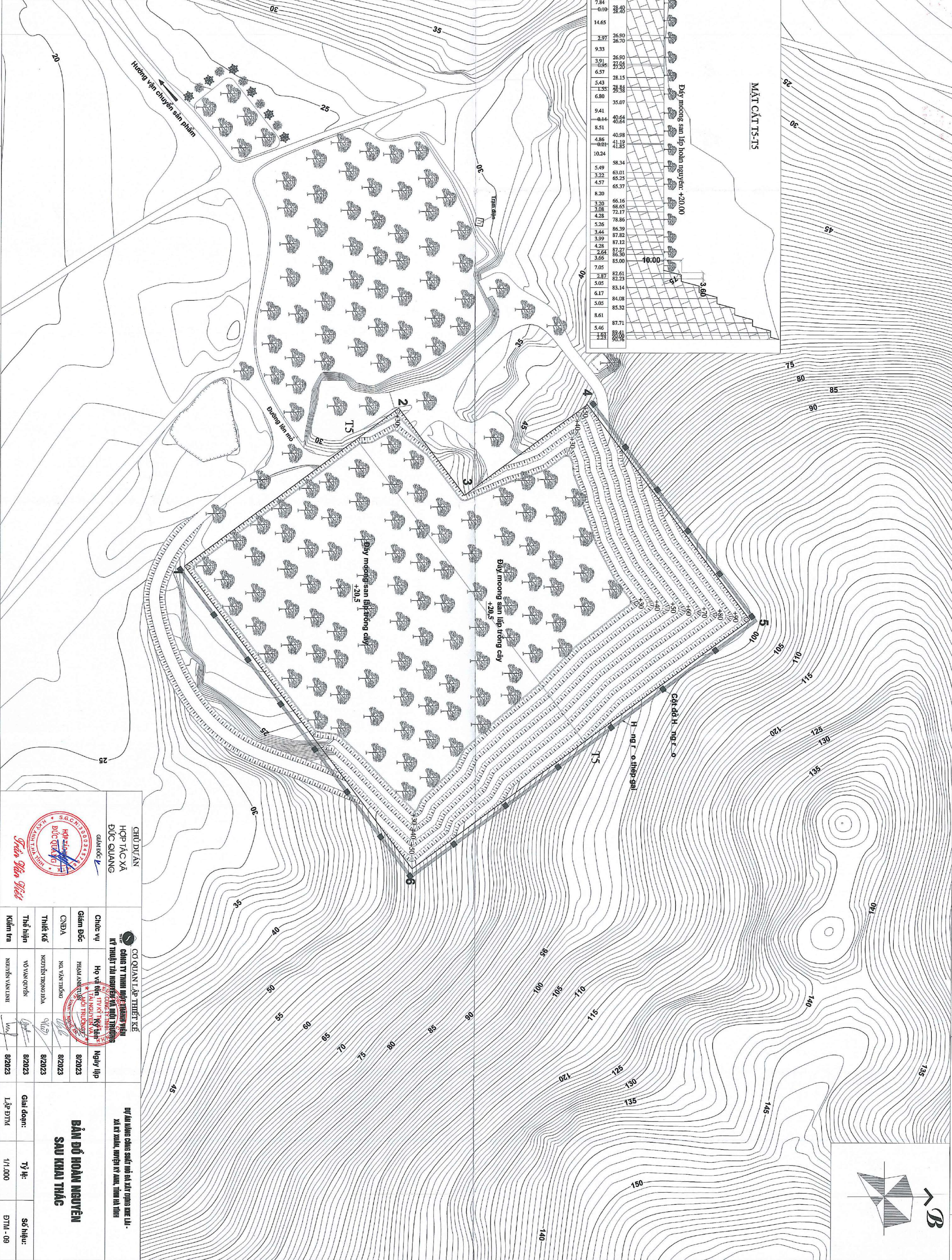
- Đường bình độ, Khoảng cách đều 1m
- Hệ tọa độ VN2000 KTT 105 độ 30' Múi 3 độ
- Làng xóm, nhà dân
- Đường giao thông
- Taluy sườn tăng
- Ao hồ, sông suối



**Bảng tọa độ khu vực khai thác**

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000	
	X(m)	Y(m)
1	2016756	572236
2	2016876	572147
3	2016913	572196
4	2016982	572145
5	2017073	572266
6	2016884	572406

Diện tích: 4,5 ha



**CHỦ ĐẦU TƯ**  
**HỢP TÁC XÃ ĐỨC QUANG**

Giám đốc:

**CƠ QUAN LẬP THIẾT KẾ**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ ĐÀO TẠO VÀ THIẾT KẾ**

Họ và tên: **TRẦN VĂN HẢI**  
Số chứng chỉ: **003343**  
Ngày cấp: **8/2023**

**Giám đốc:** **PHẠM ANH TRƯỜNG**  
Ngày cấp: **8/2023**

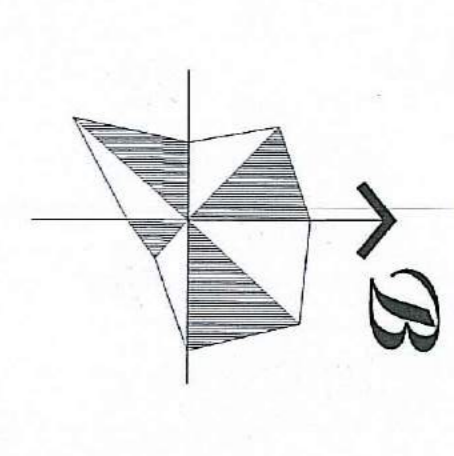
**Thiết kế:** **NG. VĂN THƯỜNG**  
Ngày cấp: **8/2023**

**Thủ hiện:** **NGUYỄN TRONG ĐÀ**  
Ngày cấp: **8/2023**

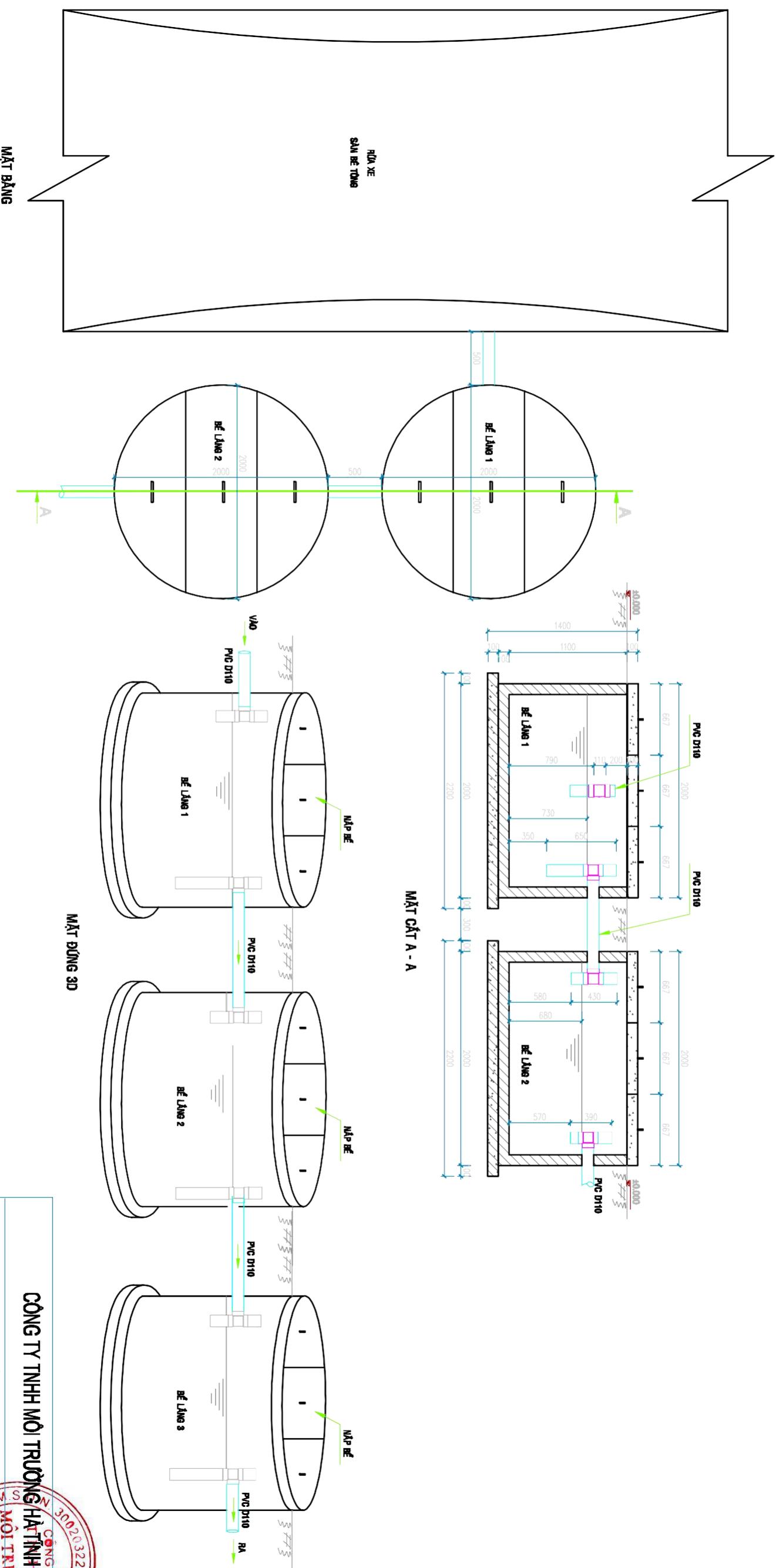
**Kiểm tra:** **VŨ VĂN QUẬN**  
Ngày cấp: **8/2023**

**BẢN ĐỒ HOÀN NGUYÊN SAU KHAI THÁC**

Giai đoạn: **Lập DTM**  
Tỷ lệ: **1/1.000**  
Số hiệu: **DTM - 09**

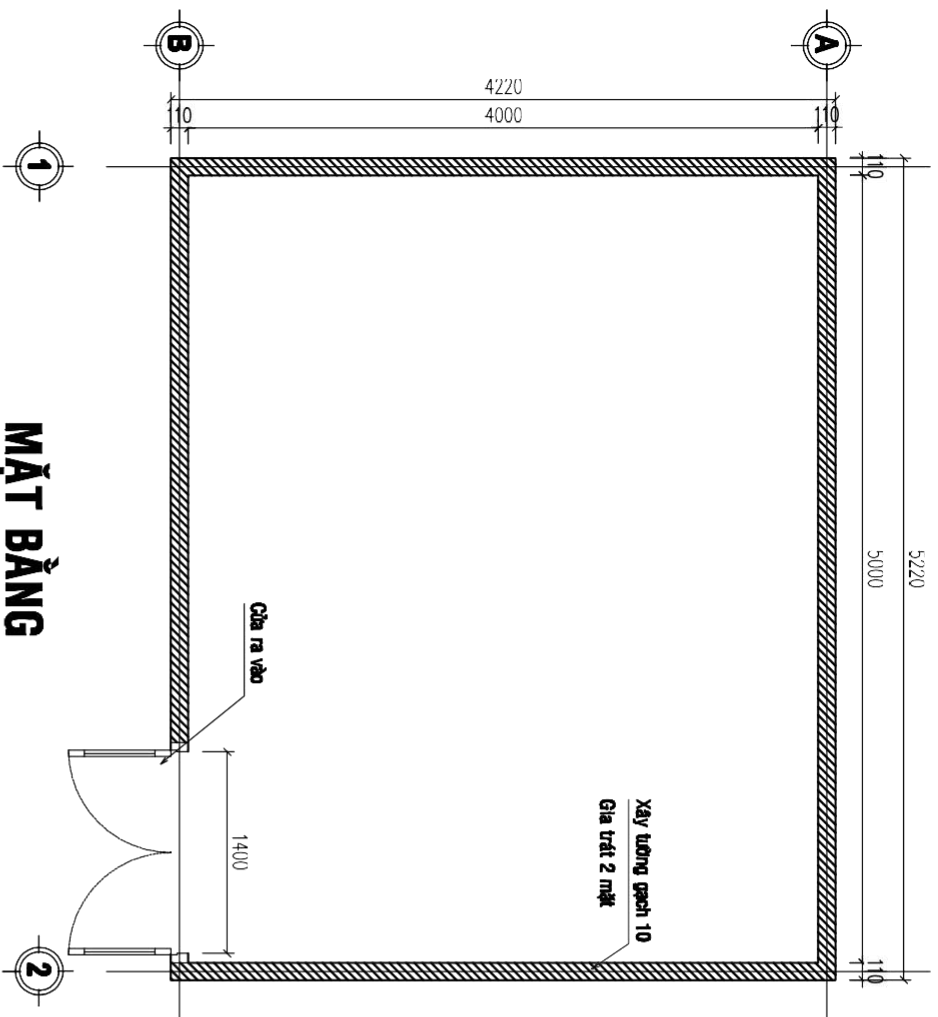


# BỂ TÁCH DẦU MỠ NƯỚC THẢI XỊT RỬA XE

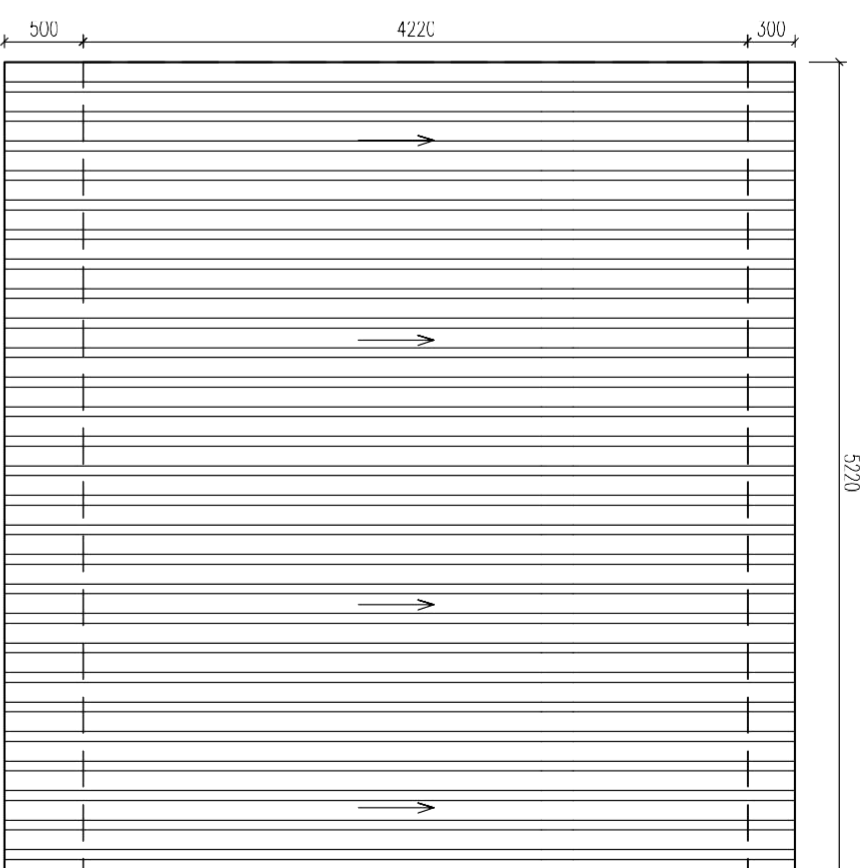


<b>CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HẠ TỈNH HÀ TĨNH</b> <b>BẢN VẼ HOÀN CÔNG</b> Ngày 25 tháng 03 năm 2024		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
 TRƯƠNG HUY TUẤN	 NGUYỄN NGỌC TÚ	 PHẠM XUÂN CƯỜNG

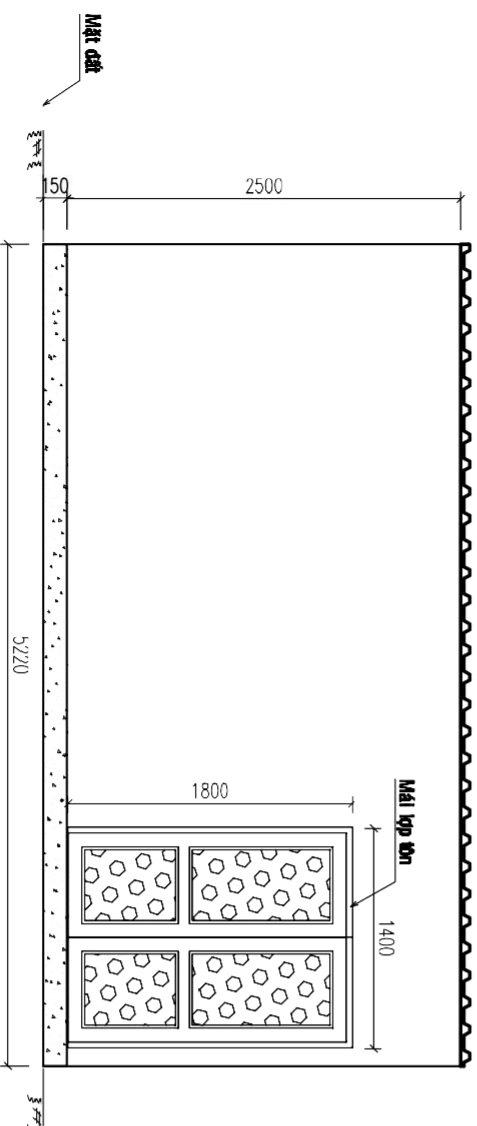
# KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI



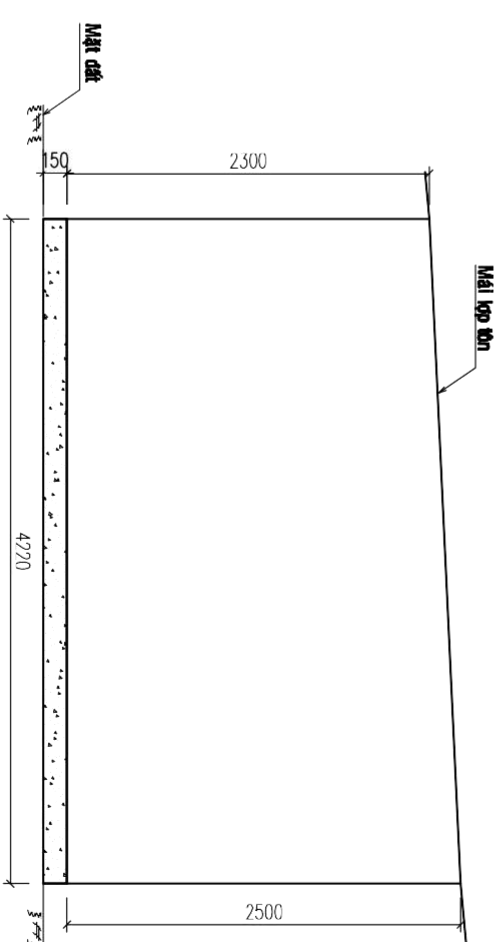
MẶT BẰNG



MẶT BẰNG Mái



MẶT ĐŨNG 1-2



MẶT ĐŨNG A/B/C

Ngày 25 tháng 03 năm 2024

TRƯỜNG HỮU TUẤN

Người lập

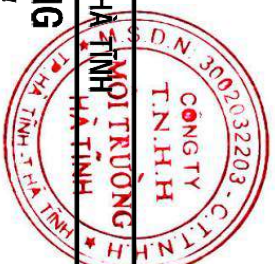
Chỉ huy trưởng công trình

Tư vấn giám sát trường

TRƯỜNG HỮU TUẤN

NGUYỄN NGỌC TỬ

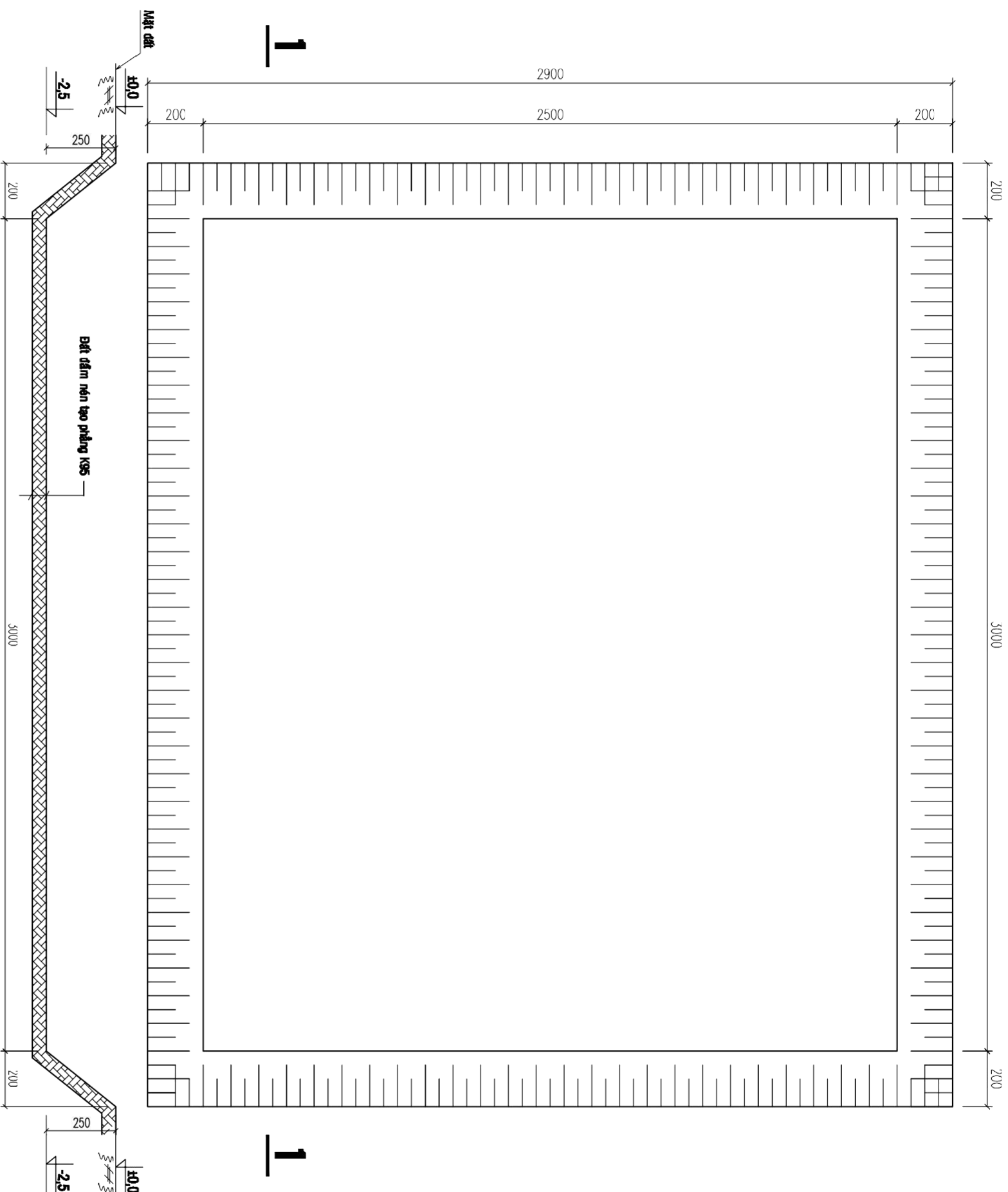
PHAN XUÂN CƯỜNG



## GHI CHÚ:

- Kích thước ghi trong bản vẽ: mm
- Chọn mặt đất làm chuẩn: Cao độ  $\pm 0,0m$

# HỒ LẮNG



## MẶT CẮT 1-1

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HẠ TỈNH  
BẢN VẼ HOÀN CÔNG  
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

MÔI TRƯỜNG HẠ TỈNH  
CÔNG TY T.N.H.H  
302032203 - C.T.N.H.H

Người lập

Chỉ huy trưởng công trình

Tư vấn giám sát trưởng

TRƯƠNG HUY TUẤN

NGUYỄN NGỌC TỬ

PHAN XUÂN CƯỜNG

### GHI CHÚ:

- Kích thước ghi trong bản vẽ: cm
- Chọn mặt đất làm chuẩn: Cao độ  $\pm 0,0m$

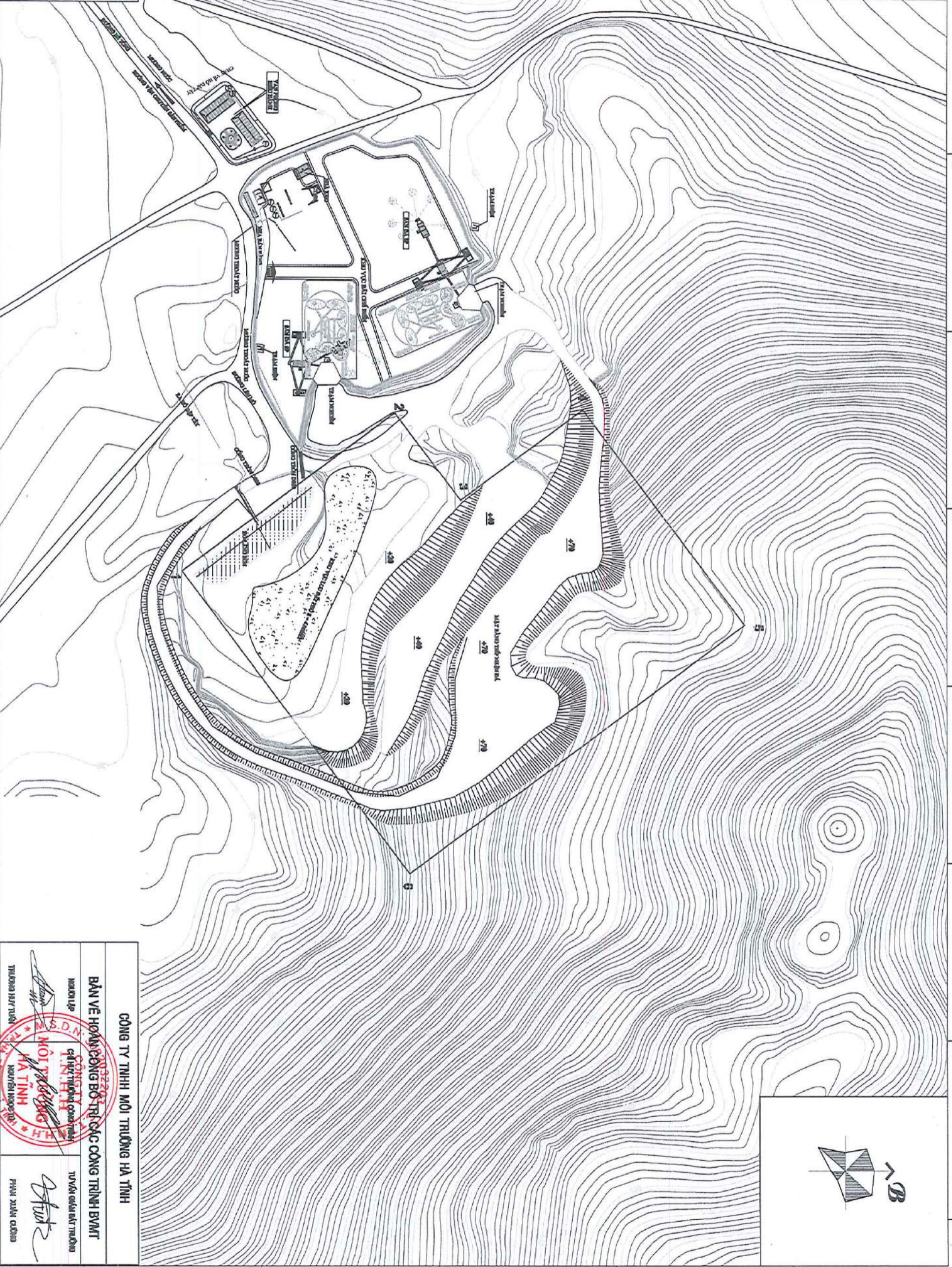
**GHỊ CHỮ**

- Đường lượn sóng, khoảng cách đều 1m
- Hạng độ 1/2000
- KTT 100 độ 30' kinh 3 độ
- Lưng sườn, nhả đất
- Đường giao thông
- Tuyến nước chảy
- Ao hồ, sông suối

**Bảng tọa độ của các điểm**

STT	X (m)	Y (m)
1	2016735	572335
2	2016876	572147
3	2016913	572156
4	2016982	572145
5	2017073	572265
6	2016884	572405

Diện tích: 4,5 ha



**TRƯỜNG**

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HÀ TỈNH**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG BỘ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH BVM/T**

NGƯỜI LẬP: *[Signature]*  
 CHỨC VỤ: **TRƯỞNG BAN TRƯỞNG**

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HÀ TỈNH**  
 NGƯỜI CHẤM DẤU: *[Signature]*  
 CHỨC VỤ: **PHỤ TRƯỞNG BAN TRƯỞNG**

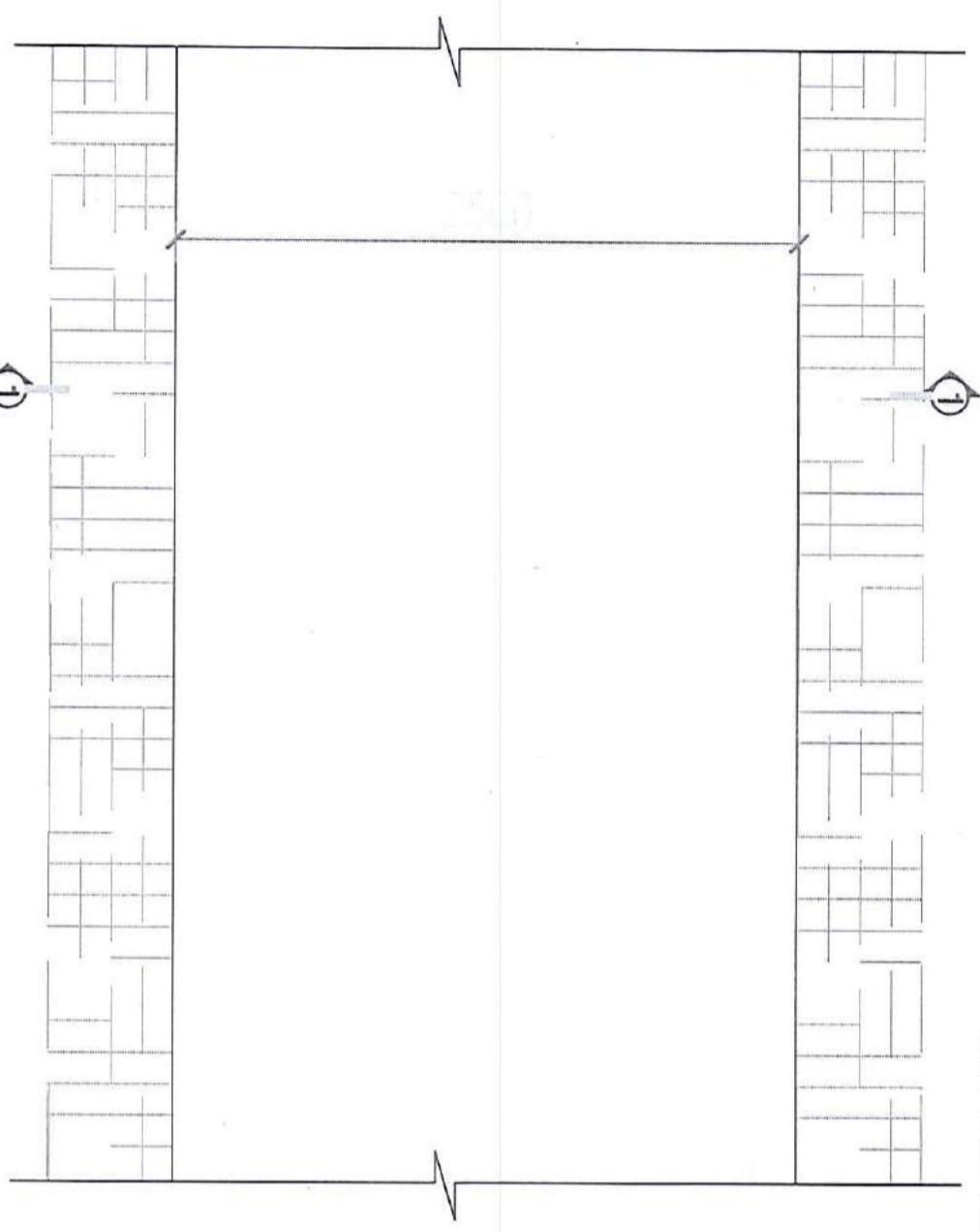
**PHỤ TRƯỞNG BAN TRƯỞNG**

571 900 572 000 573 100 574 200 575 300 576 400 577 500 578 600 579 700

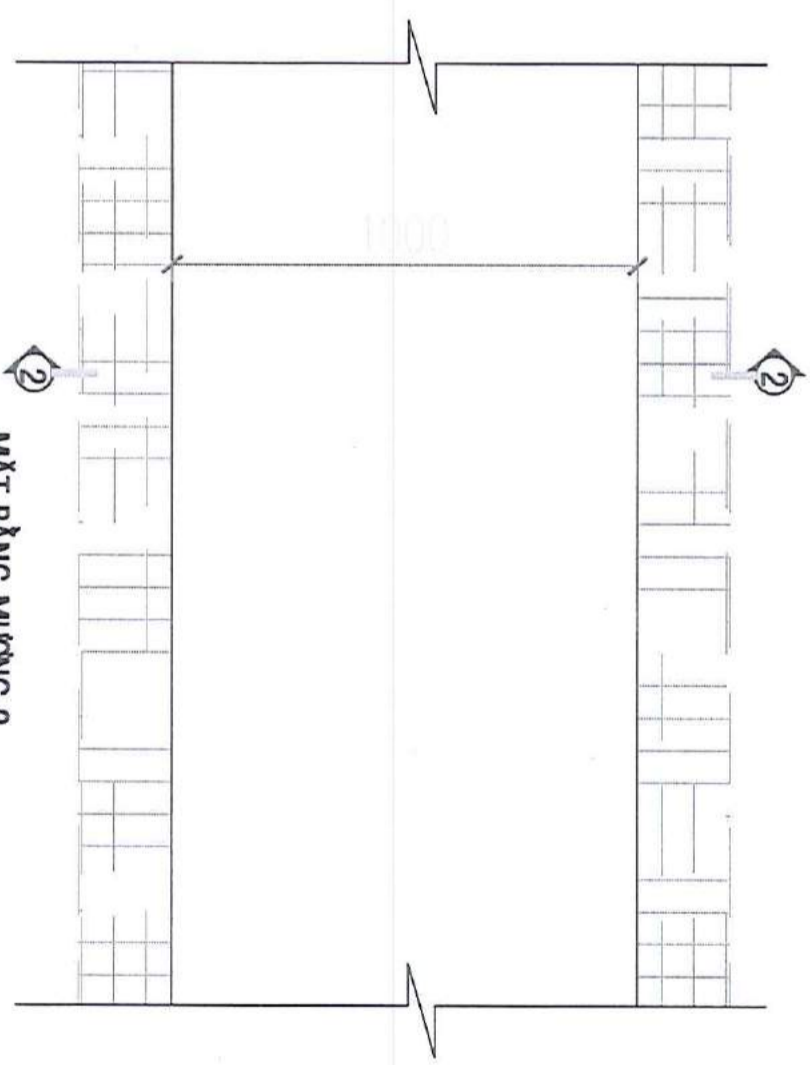
2016 2017 2018 2019 2020



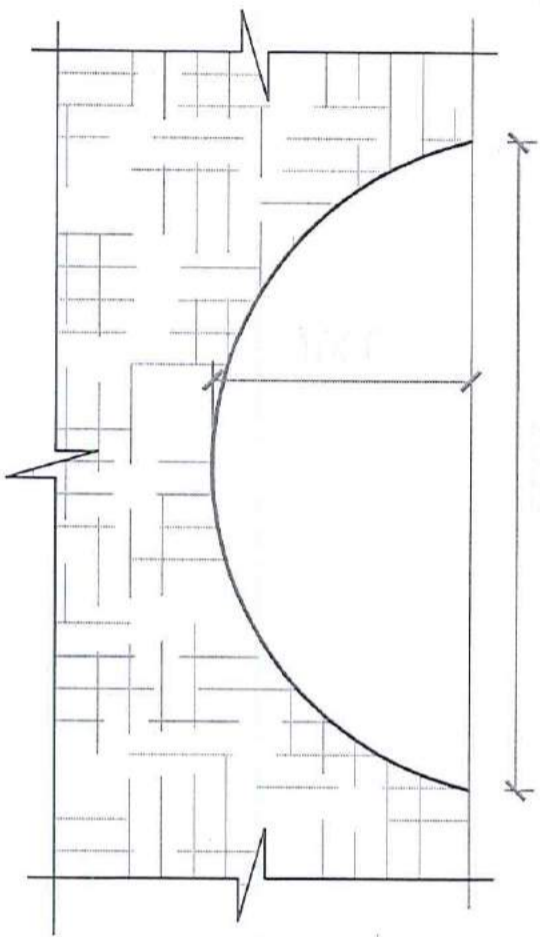
# CHI TIẾT MẶT CẮT MƯƠNG



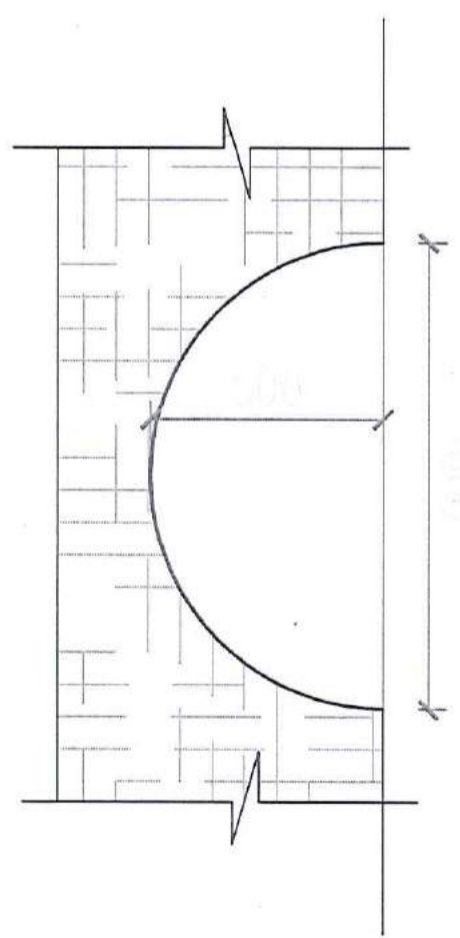
MẶT BẰNG MƯƠNG 1



MẶT BẰNG MƯƠNG 2



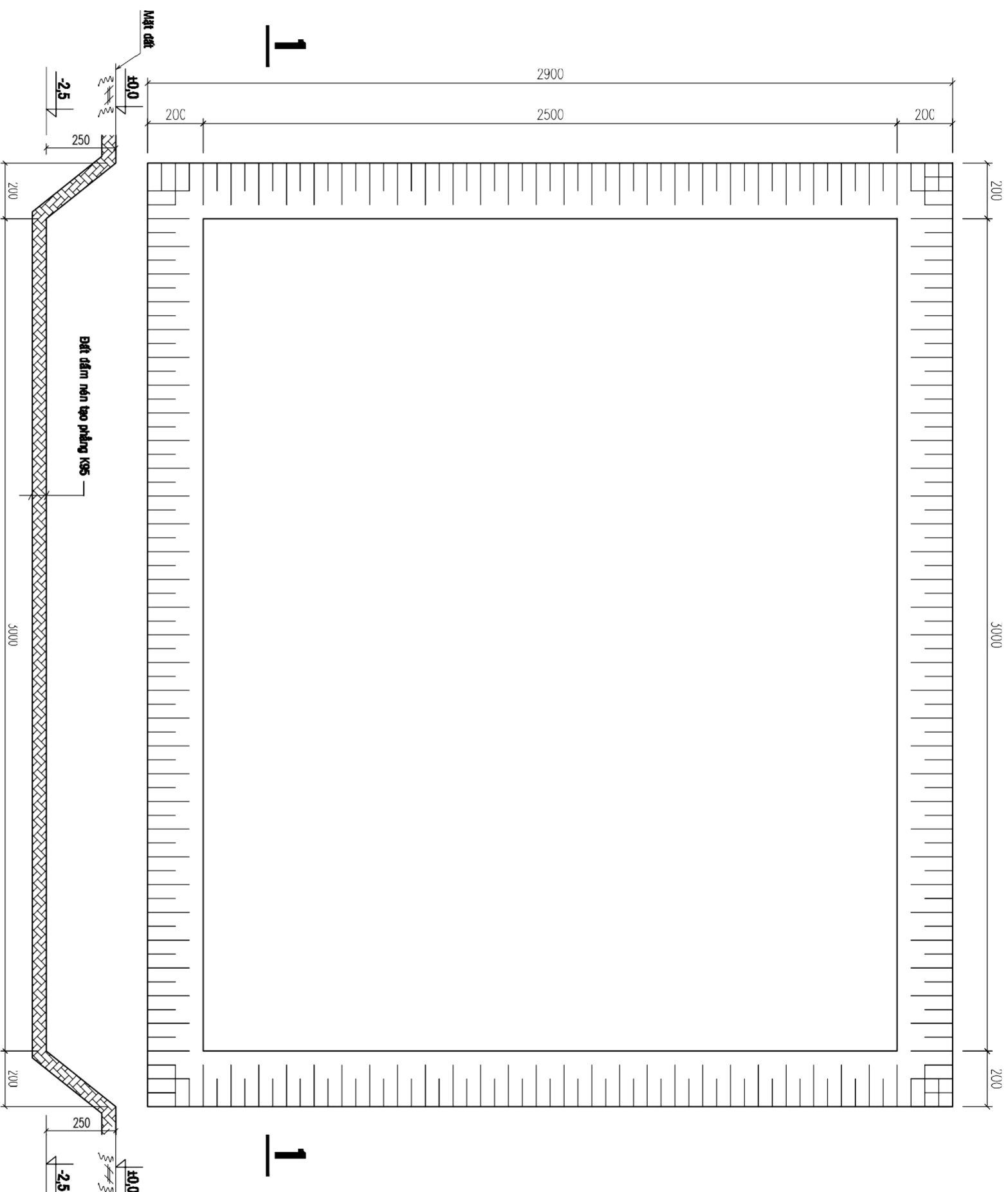
MẶT CẮT 1 - 1



MẶT CẮT 2 - 2

<b>CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HÀ TỈNH</b> 03032203	
BAN VE HOAN CONG BO TRUC CAC CONG TRINH BMT T. CHỈ DẪN THI CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH BMT MÔI TRƯỜNG HÀ TỈNH TRƯỞNG BAN VE HOAN CONG BO TRUC CAC CONG TRINH BMT	TƯ VẤN KỸ THUẬT THI CÔNG PHAN VĂN QUANG

# HỒ LẮNG



## MẶT CẮT 1-1

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HẠ TỈNH  
BẢN VẼ HOÀN CÔNG  
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

MÔI TRƯỜNG HẠ TỈNH  
CÔNG TY T.N.H.H  
302032203 - C.T.N.H.H

Người lập

Chỉ huy trưởng công trình

Tư vấn giám sát trưởng

TRƯƠNG HUY TUẤN

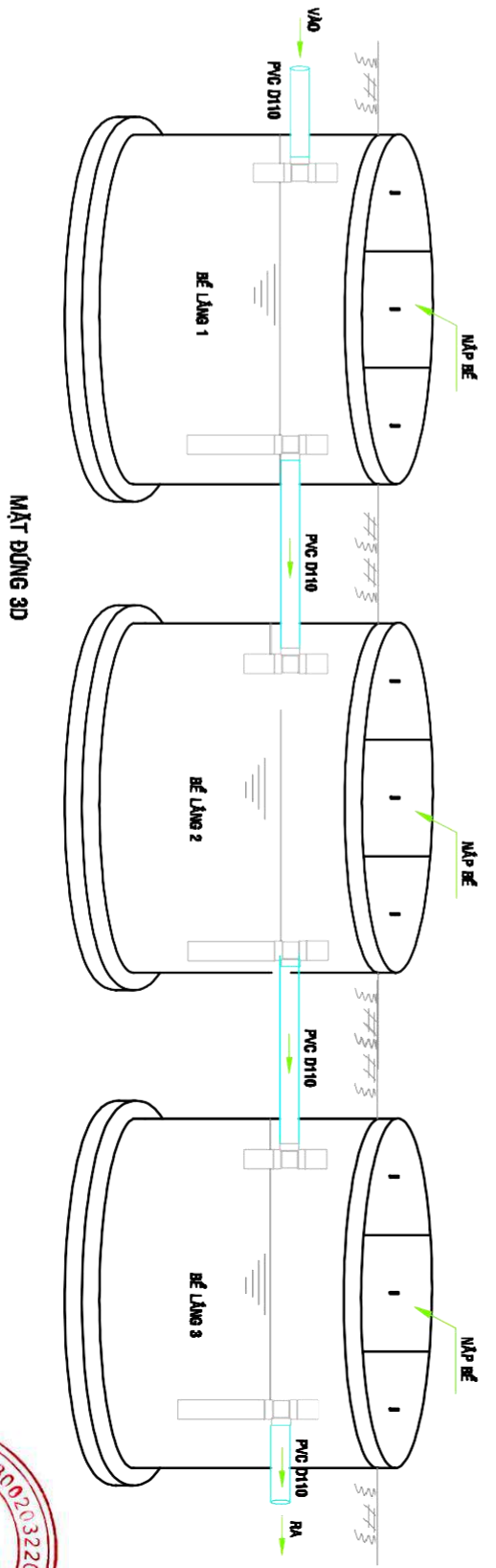
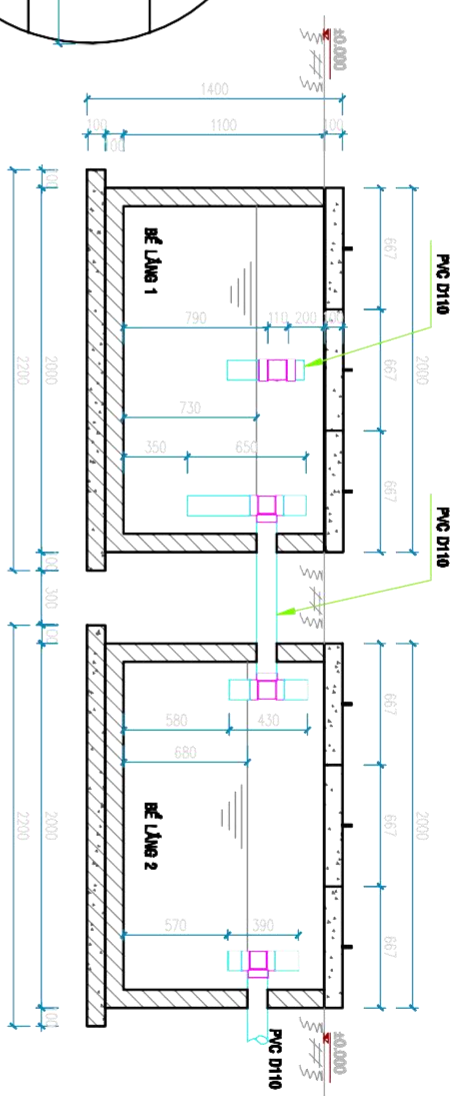
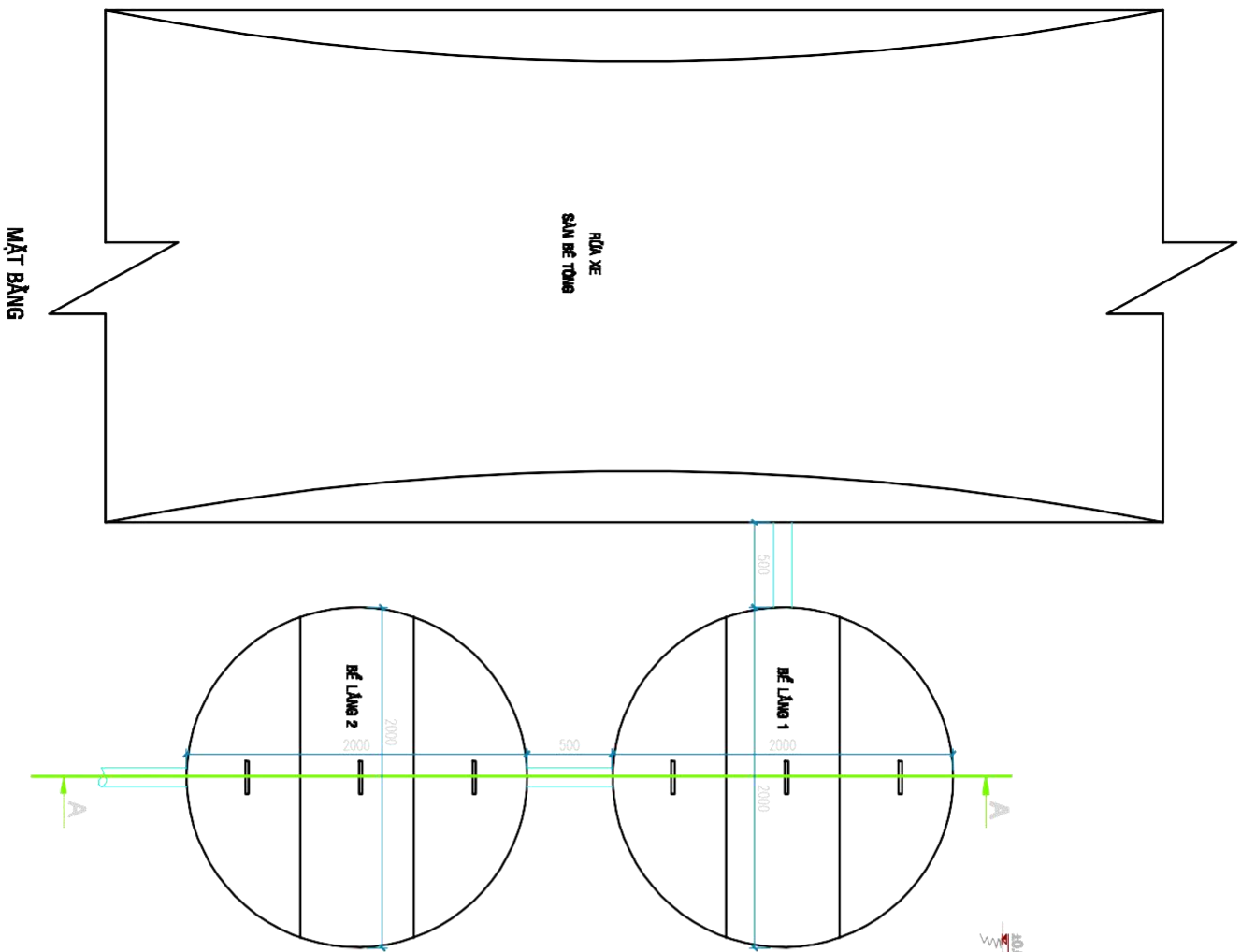
NGUYỄN NGỌC TỬ

PHAN XUÂN CƯỜNG

### GHI CHÚ:

- Kích thước ghi trong bản vẽ: cm
- Chọn mặt đất làm chuẩn: Cao độ  $\pm 0,0m$

# BỂ TÁCH DẦU MỠ NƯỚC THẢI XỊT RỬA XE



**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HẠT NHÂN HÀ TĨNH**  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI LẬP: CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG:

TRƯỞNG HIỆP TUẤN  
NGUYỄN NGỌC TỬ  
PHAN XUAN CUONG

